Tiêu Thích Kim Cương Khoa Nghi

Phủ Long Hưng, viện Bách Phước, thiền sư Tông Kính thuật[1]
Việt dịch: Quảng Minh

Chúng con quy y, Kim cương sức kiên cố,
Hán triều cảm mộng, ý bạch mã Tây lai,
Ma Đằng hoằng hóa, Cưu ma la thập dịch,
Áo điển Tần tông, Phật nhật soi tối tăm,
Pháp thân vô tướng, chẳng hợp nghĩ tâm hoài,
Được gặp Như Lai, Văn Thù ở Ngũ Đài,
Trưởng giả Cấp Cô, Kỳ Viên trải vàng ròng,
Thuyết pháp hóa đạo, quả chứng thân vàng tía.

Bát nhã Hội thượng Phật Bồ tát.
Đại chúng chí thành tâm, đồng tán kệ Khai khoa:

Thuyết kinh Giáo chủ Đại pháp vương,

---

[1] Tiêu thích Kim cương kinh khoa nghi (銷釋金剛經科儀) , còn gọi là Kim cương khoa nghi (金剛科儀) hay Kim cương bảo sám (金剛寶懺), nằm trong Tạng ngoại Phật giáo văn hiến (藏外佛教文獻), quyển 6, kinh số 53. Đó là khoa nghi do ngài Thích Tông Kính (釋宗鏡) biên tập vào năm Thuần Hựu thứ 2 (淳祐, 1242), đời Nam Tống, vua Lý Tông (理宗). Từ đời Minh đến nay, chư Tăng tu Mật tông, phái A tra lực (阿吒力), ở Vân Nam thường hành trì khoa nghi này. Kim cương khoa nghi là nghi thức lễ sám dựa theo kinh Kim cương Bát nhã ba la mật đa (金剛般若波羅密多經), do ngài Cưu ma la thập (鳩摩羅什, 344-413) dịch. Vào năm thứ 30, niên hiệu Gia Tĩnh (嘉靖,1551), đời Minh, có sa môn Thích Giác Liên (釋覺連), thiền sư tông Tào Động, chú giải rất kỹ khoa nghi này qua tác phẩm Tiêu thích Kim cương khoa nghi hội yếu chú giải (銷釋金剛科儀會要註解, Tục tạng bản Vạn, số 0467).

Pháp thân bất hoại hiệu Kim cương,
Vòi vọi tướng tốt chân tam muội,
Rực rỡ hào quang chiếu mười phương,
Không dài không ngắn công chớ đo,
Chẳng đến chẳng đi đức khó lường,
Từ nơi Tây vực truyền tâm ấn,
Siêu việt ba trước với ba sau.

Bát nhã Hội thượng Phật Bồ tát.

(*Tán Phật, tuyên sớ:)*

Ma ha không tối đại, tối đại là ma ha, Bát nhã Ba la mật, buông tay thấy Di Đà, nay có sớ văn Khai khoa, kính nên tuyên đọc:

Báo đáp thân ân rất đẹp thay,
Bổn lai tâm địa hoát nhiên khai,
Ngưu đầu chiên đàn quí vô giá,
Toàn là Năng Nhân trong hoa đến.

(*Hóa nạp sớ*)

Bạch mã cõng về một quyển kinh,
Một phen đưa hoa một phen mới,
Nhờ tôn giả hỏi kinh đề mục,
Thử tụng Kim cương một quyển kinh.

Từng nghe: Hán triều cảm mộng, Bạch mã Tây lai, Ma Đằng dịch chữ Hán ban đầu, La Thập cảm Tần tông đại điển, sáng rỡ Phật nhật chiếu phá tối tăm, sáng mãi tuệ đăng đến nay chẳng tắt, giáo pháp hưng thịnh vào thời Hán Tần, thời kỳ mạt pháp chính ở ngày nay. Kính bạch mười phương Hiền Thánh, hiện ngồi đạo tràng, đức Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật, hai vị đại Bồ tát Văn Thù, Phổ Hiền, Thánh chúng đầy hư không, tất cả thiên thần; bậc có thiên nhãn, thiên nhãn thấy xa; bậc có thiên nhĩ, thiên nhĩ nghe xa; tha tâm, túc mạng, lậu tận ngũ thông, xin Thánh chúng soi xét, từ tâm thương xót, bi tâm thương xót, đại từ bi thương xót.

Tín lễ thường trú Tam bảo:

Kính lễ hết thảy chư Phật ở mười phương.

Kính lễ hết thảy tôn Pháp ở mười phương, nguyện Pháp luân thường chuyển độ chúng sanh.

Kính lễ hết thảy chúng Tăng ở mười phương.

Kinh Kim cương Bát nhã, mở toang cánh cửa giải thoát; kệ tụng Ba la mật, khéo nhập con đường Bồ đề. Từng câu mà chẳng không chẳng có, từng bước mà không đến không về. Kinh Kim cương nói đến 32 phần, phần nào công đức cũng khó lường. Ngài Tu bồ đề nghe diệu kệ bốn câu, kệ nào cũng thù nhân khó xét. Biên chép đọc tụng, sẽ sanh cung trời Hoa Tạng; làm người diễn thuyết, đến được con đường Niết bàn. Bát nhã chính là Phật mẫu của Bồ đề, tín tâm tức là đạo nguyên của công đức, trưởng dưỡng Thánh thai, xuất sanh diệu pháp. Đại khái, xem kinh thông nghĩa, hỏi đạo tột nguồn, mở sạch tín tâm, chọn đủ pháp nhãn; phân câu đọc hết thông nghĩa lý, hỏi rõ đáp khéo tỏ ý văn, tâm không cách hở thì lý sáng rỡ, niệm không quên mất thì văn hiện bày. Hoặc hỏi đáp thâm diệu, nên cú nghĩa huyền vi, xét rõ nguyên nhân, lược bày số đoạn, một hỏi một đáp, văn ấy sáng rỡ mặt trời; lại đáp lại hỏi, nghĩa ấy biết rõ trắng đen. Nghĩa theo văn, văn theo nghĩa, trái phải đụng nguồn; châu chạy bàn, bàn chạy châu[2], dọc ngang không ngại. Người tín giải, kẻ thọ trì, sáng suốt chân tánh; kẻ kiến văn, người tùy hỷ, cùng ngộ Bồ đề. Kinh này lưu thông nơi nhân gian thiên thượng, phổ biến khắp cõi nước bụi trần, lớn lao như hư không, không có ngằn mé, pháp thí sao có cùng tận? Đem công huân Bát nhã này, báo đáp khắp bốn ân, ba cõi.

Nói đến Không Như Lai tạng[3], đập môn quan Tổ sư, riêng hiển lộ chân thường, đâu không vận dụng Bát nhã. Ba tâm bất động[4], sáu dụ đều phô[5], bảy

---

[2] Bàn châu (盘珠) = tẩu bàn châu (走盘珠): trân châu, ngọc trai. Tẩu bàn châu còn gọi là hải thủy trân châu (海水珍珠), là một loại ngọc trai nước mặn được những con điệp, hàu bao sống ở các vịnh biển tạo ra. Trong các loại trân châu được lưu hành tại Trung Quốc, ngọc trai từ Hợp Phố (thuộc Quảng Tây), có lịch sử hơn 2000 năm, quý nhất vì hình dáng tròn trịa, màu sắc tươi đẹp, óng ánh nhất, hầu như không viên nào có khuyết điểm. Do viên ngọc trai Hợp Phố (合浦珍珠) rất tròn, bỏ vào khay hay đĩa, dùng ngón tay đẩy nhẹ nó sẽ lăn tròn trong đĩa nên thường được gọi là tẩu bàn châu (châu chạy trong khay).

[3] Không Như Lai tạng = Chân đế pháp thân.

[4] Ba tâm bất động: Quá khứ tâm, vị lai tâm và hiện tại tâm đều không thể thủ đắc.

[5] Sáu dụ đều phô: chiêm bao, ảo thuật, bóng nước, ảnh tượng, sương mai, điện chớp (mộng, huyễn, bào, ảnh, lộ, điển).

báu so công[6], bốn câu vượt thắng[7]. Người đọc kinh tìm theo nghĩa lý, chỉ tăng thêm tri kiến[8] mà thôi, tâm tông trí nhãn không sáng, chẳng phải cứu cánh. Than ôi! Pháp yếu vi diệu, đá lửa lóe sáng, mật hiển chân tâm, núi bạc vách sắt. Bỗng sanh dị kiến, ngừng ở giữa đường, không cách tiến tới, thoái lui đường mê. Tạm thông một đường, rũ thương sơ cơ; ngựa tốt thấy roi, phóng nhanh ngàn dặm vậy.

A Di Đà Phật Pháp trung vương
Trú ở Tây phương Cực Lạc bang
Diễn thuyết kinh Kim cương một quyển
Khắp cả trời đất phóng hào quang.

A Di Đà Như Lai. (*Hào quang tiếp dẫn*)

Trộm nghĩ: Huyễn thân chẳng lâu, phù thế không bền. Chẳng lâu nên hình hài đổi khác, không bền vì nhà lửa không yên. Do vậy, luân hồi sáu nẻo chừng nào dứt, chuyển sanh bốn loài ngày nào thôi? Nếu chẳng niệm Phật cầu xuất ly, hoàn toàn không thể giải thoát được. Sao không mau chóng tỉnh ngộ, gấp rút tu trì, hết báo thân này, nguyện sanh An Dưỡng? Vượt qua ba cõi chứng chân không, thoát hẳn bốn dòng[9] không nẻo khổ.

Thích Ca Văn Phật vĩ đại thay
Cư sĩ Bàng Công bỏ gia tài
Chân Vũ không nắm vương cung vị
Tuyết Sơn nghênh thỉnh Thế Tôn lai.

---

[6] Bảy báu so công: Vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách. Kinh nói: "Đem bảy báu đầy ba ngàn đại thiên thế giới, bố thí công đức." Kinh Kim cương này còn quý hơn cả bảy báu: Trưởng lão Thiện Hiện, ông nghĩ thế nào, có ai đem cho đủ hết bảy loại vàng ngọc chất đầy đại thiên thế giới, thì người cho ấy được phước nhiều không ? rất nhiều, bạch Ngài ; vì phước đức ấy Ngài đã nói là tính phi phước đức, thế nên Ngài nói phước đức rất nhiều. Trưởng lão Thiện Hiện, nhưng nếu có ai từ pháp thoại này tiếp nhận ghi nhớ dầu là chỉ được chỉnh cú bốn câu, và biết đem nói cho bao người khác, thì phước người ấy vẫn hơn người trước. Tại sao như vậy, vì lẽ, trưởng lão, hết thảy Phật đà cùng với Phật pháp - Pháp vô thượng giác của các Phật đà - toàn là xuất ra từ pháp thoại này." (H.T Thích Trí Quang dịch)

[7] Thấy nghe thọ trì kệ tụng bốn câu của kinh Kim cương.

[8] Kinh Lăng Nghiêm nói "Tri kiến lập tri, tức vô minh bổn. Tri kiến vô kiến, tư tức Niết bàn".

[9] Tứ lưu: Dục lưu, hữu lưu, vô minh lưu và kiến lưu.

Xét rõ, trăm năm sáng tối chỉ một sát na, tứ đại huyễn thân đâu thể trường cửu. Mỗi ngày trần lao[10] mù mịt, trọn buổi nghiệp thức[11] mơ màng, chẳng biết mình có một tánh sáng ngời, nên rong ruổi theo sáu căn tham muốn. Công danh lừng lẫy chỉ là một trường đại mộng, phú quý hơn người khó thoát hai chữ vô thường. Tranh giành nhân ngã, rốt cuộc không trơn, khoe khoang tài giỏi, chỉ là chẳng thật. Khi gió thổi lửa bừng nào kể đâu người già trẻ, lúc nước chảy đá mòn còn tính chi kẻ anh hùng. Tóc xanh ngày ấy sao đà bạc trắng, kẻ mừng mới đi thì người điếu đã tới. Một bao máu mủ bao năm khổ luyến ân tình, bảy thước xương khô mặc sức tham lam tiền của. Hơi thở ra khó hẹn thở vào, gặp sáng nay không chắc sáng mai. Sông ái nổi chìm chừng nào dứt, nhà lửa rối bời ngày nào thôi. Chẳng nguyện rời xa lưới nghiệp, chỉ vì chưa có công phu, Diêm la vương đuổi bắt thật nhanh, Thôi tướng công[12] đâu cho triển hạn. Ngoảnh lại người thân đâu chẳng thấy, đến hẹn nghiệp báo tự thân mang. Quỷ vương ngục tốt mặc ý khảo tra, kiếm thọ đao sơn không thể tránh chống. Hoặc nhốt dưới núi Ốc tiêu[13], hoặc giam trong ngục Thiết vi, bỏ vạc dầu sôi thời muôn chết ngàn sống, gặp máy chém chặt thời một dao đứt lìa. Đói nuốt hoàn sắt nóng, khát uống nước đồng sôi, mười hai thời cam thọ đắng cay, năm trăm kiếp không thấy ảnh đầu[14]. Thọ đủ tội nghiệp lại nhập luân hồi[15], bỗng mất thân người thuở trước,

---

[10] Trần lao là tên gọi khác của phiền não. Các phiền não như tham, sân, si v.v... làm nhiễm ô chân tánh, làm cho thân tâm mệt mỏi, điên loạn, nên gọi là trần lao.

[11] Theo Khởi tín luận, nghiệp thức là cái thức căn bản lưu chuyển trong các loài hữu tình, là ý niệm dựa vào căn bản vô minh khiến chân tâm nhất như bắt đầu chuyển động hay vô minh lực làm cho tâm bất giác chuyển động, là kết quả cụ thể hiện tại của những hành động trong quá khứ.

[12] Tướng công họ Thôi là chỉ vị tào quan cai quản sổ bộ sanh tử ở Minh ty. Vị tào quan này một khi chưa ghi sự sanh thì trước phải ghi sự tử, cho nên nói "đâu cho triển hạn". Khi xưa ở một thiền viện có thầy Trị sự siêng năng làm việc Phật sự, không có thời giờ công phu. Một hôm Thôi tướng công tới mời đi, thầy Tri sự hoảng hốt nói, tôi làm Tri sự mấy năm nay không rảnh để tu, xin ông về tâu lại với vua Diêm La hoãn cho tôi một tuần lễ để tôi có thời giờ tu hành. Thôi tướng công nể tình về tâu lại, vua Diêm La bằng lòng. Thầy Tri sự buông tất cả việc và tu gấp rút. Đến đúng kỳ hẹn, Thôi tướng công trở lại, tìm không ra thầy Tri sự nữa.

[13] Ở đáy biển có núi rất lớn gọi là Ốc tiêu. Dưới núi Ốc tiêu có địa ngục A tỳ, lửa thường nung đốt, núi thường nóng chảy.

[14] Đây nói thời gian dài lâu ở địa ngục. Mười hai thời: 1600 năm ở nhân gian (60 tiểu kiếp) = 1 ngày đêm ở Tha hóa tự tại thiên. 1600 năm ở Tha hóa tự tại thiên = 1 ngày đêm ở địa ngục A tỳ. 12 thời ở địa ngục A tỳ = 60 tiểu kiếp ở nhân gian. Đọa vào địa ngục A tỳ trải qua 500 kiếp mới được xuất đầu, cho nên nói "năm trăm kiếp không thấy đầu ảnh".

[15] Tội nghiệp là ngũ nghịch thập ác, kể cả tội phỉ báng kinh phương đẳng đại thừa. Người đọa vào địa ngục A tỳ trải qua 84.000 đại kiếp; đền tội xong lại vào trong địa ngục hàn băng, 8.000 năm mắt không nhìn thấy nên bị trăm ngàn con cáo sói chia nhau ăn thịt. Sau khi mạng chung, lại nhập vào đường súc sanh, 50

chuyển kiếp sanh vào đãy da, mang lông đội sừng, gặm sắt gắn yên, lấy thịt nuôi người, dùng mạng đền trả. Sống bị cái khổ dao châm, chết chịu cái đau nấu trụn, oan khiên chồng chất, thay phiên ăn nuốt. Lúc ấy ăn năn không kịp, muốn học đạo không nhân tố. Làm sao phải cáng đáng ngay[16], chớ để đời này lầm lỗi.[17]

Thích ca Văn Phật, bỏ hoàng cung đến thẳng Tuyết sơn; cư sĩ Bàng Công[18] đem gia tài dìm xuống biển cả. Chân Vũ[19] chẳng lên ngôi báu, chi lo tu hành; Lữ Công[20] đã chuộng thần tiên, còn siêng tham vấn. Tô học sĩ thường gần Phật Ấn[21],

---

triệu năm. Hết tội lại sanh làm người đui điếc câm ngọng, bần cùng hèn hạ, trải qua 500 thân thì vào lại 3 đường dữ.

[16] Trực hạ thừa đương (直下承當): Nhận lãnh ngay, cáng đáng liền; đây là khẩu quyết của thiền tông, tức ngay đó làm Phật, ngay đó đảm đương không chần chừ do dự, nhìn thẳng xuống là thấy ngay thực tại, bản lai diện mục. Đó là cái Không siêu việt tư duy và thảo luận, là trí vô phân biệt, là trực nhận cái thực tại vô sanh của các pháp. Kinh Viên Giác ghi: "Những người thời kỳ cuối cùng, nếu có ai không lúc nào nổi lên vọng niệm, đối với vọng niệm cũng không trừ khử, sống trong vọng cảnh mà không phân biệt, cũng không nói không phân biệt là thật ... như thế là thích ứng viên giác" (H.T Trí Quang dịch). Trong Sơn cư bách vịnh thiểm chú của thiền sư Tông Bổn, bài 78 ghi: Sơn cư cao chiếu nhật quang lai/ Trực hạ thừa đương nhãn tiện khai/ Minh liễu nhất thừa viên đốn chỉ/ Hà lao hựu khứ phỏng Thiên thai. (Ở núi ánh nắng rọi đầu tiên, Chính đó thừa đương mắt mở liền, Nhận ra nhất thừa đường thẳng tắt, Cần gì phải nhọc đến non thiên. - H.T Nhật Quang dịch) Quy Nguyên Trực Chỉ, Thiền sư Tông Bổn cũng có ghi: Tây phương đâu có quá xa mà, Trực hạ thừa đương tại sát na, Chạm mặt gặp duyên đều Cực lạc, Sắc thanh muôn pháp diễn ma ha. (Tỳ kheo ni Hải Triều Âm dịch).

[17] Bài Tường phù này được tìm thấy trong bài Phổ khuyến phát bồ đề tâm, Khóa Hư Lục của Trần Thái Tông; cũng thấy trong Khoa Chú thực, Thủy Lục Chư Khoa.

[18] Cư sĩ Bàng Công, tức là Bàng Uẩn, hiệu là Đạo Huyền, người huyện Hành Dương, Trung-Quốc. Ông vốn theo Nho nghiệp, tư chất thông minh, sau tham thiền ở Thạch Đầu HyVân, hoát nhiên liễu ngộ, và đắc pháp ở ngài Mã Tổ Đạo Nhất.

[19] Huyền Vũ (玄武), còn gọi là Chân Vũ đại đế, Bắc đế Chân Vũ đế quân, Đãng Ma Thiên tôn, Hắc Đế, là một vị thần quan trọng của Đạo giáo, là một trong Tứ tượng của Thiên văn học Trung Quốc, và cũng là một khái niệm rộng trong phong thủy, thuyết âm dương, triết học. Huyền Vũ vốn là tinh tú trên trời. Giờ ngọ, ngày 3 tháng 3 hấp thụ tinh khí của Thái Dương, mới đầu thai vào bụng hoàng hậu nước Tịnh Lạc, đời Hán, 14 tháng sau mới giáng sinh. Năm 15 tuổi, Huyền Vũ rời cha mẹ, đến một nơi thâm sơn cùng cốc để tu hành đạo thuật. Hành động đó làm cảm động Ngọc Thanh Thái tổ Tử Hư Nguyên quân, Nguyên quân chỉ dẫn cho chàng vượt biển, cưỡi chim đại bàng vượt 5 vạn dặm tìm đến một ngọn núi tiên cư trú. Thế là Huyền Vũ bay đến ngọn núi Võ Đang ở tỉnh Hồ Bắc, tu luyện 42 năm. Năm 57 tuổi, buổi sớm ngày 9 tháng 9 thì tiên trên trời bay xuống mời Huyền Vũ lên trời làm tiên. Được Ngọc Hoàng đại đế cử chỉ huy thiên binh thiên tướng đi thanh lí cõi âm, trấn áp Lục thiên ma vương thắng lợi. Ngọc hoàng phong cho làm Chân Vũ đại đế (真武大帝).

[20] Lữ Động Tân (呂洞賓) người Kinh Triệu đời Đường, chính tên là Nham, tên chữ là Động Tân, lại gọi là Lữ Tổ, hiệu là Thuần Dương Tử, một người trong bát tiên của Đạo giáo. Ông là học trò đức Chung Ly Quyền (thường gọi là Chung Tổ). Hai thầy trò cùng đứng trong hàng bát tiên, và kinh sách đạo Lão thường nhắc

Hàn Văn Công sau lễ Đại Điên[22]. Bùi Công đoạt hốt bởi Thạch Sương[23], Phòng Tướng hỏi pháp nơi Quốc Nhất[24]. Diệu Thiện chẳng kén phò mã, thành Phật

---

chung cả hai vị, gọi là Chung Lữ Nhị Tổ. Hai vị Tổ Sư này đã truyền đạo cho Vương Trùng Dương, rồi sau đó Vương Tổ truyền đạo cho 7 học trò (6 nam, 1 nữ) ở tỉnh Sơn Đông, thế là hình thành nhóm Toàn Chân Thất Tử, và phái Toàn Chân ra đời, rất thịnh ở Trung Quốc. Tiểu thuyết Đông Du Bát Tiên kể tỉ mỉ rằng năm 64 tuổi, Lữ Động Tân gặp Chung Tổ ở Trường An. Trong lúc Tổ nấu nồi kê vàng, Lữ Động Tân nằm ngủ trên gối phép của Tổ, mơ thấy mình thi đậu, làm quan tới chức thừa tướng, cưới vợ, có con cháu, rồi phạm lỗi nên bị triều đình trị tội, bắt lưu đày, gia sản bị tịch biên... Lữ Động Tân giật mình tỉnh dậy thấy nồi kê nấu vẫn chưa chín. Ngẫm lại, thấy rằng bao nhiêu vinh hoa phú quý, thăng trầm kiếp người, tất cả chỉ thoảng qua như một giấc mộng, còn ngắn ngủi hơn cả thời gian nấu chín một nồi kê. Lữ Động Tân giác ngộ lẽ vô thường, chán chường tuồng ảo hóa, liền xin theo Chung Tổ học đạo Tiên. Do tích này mà ám chỉ chuyện công danh phú quý thế gian chỉ là hư ảo, phù du; từ đó, trong văn học có thành ngữ giấc mộng hoàng lương, giấc mộng kê vàng (hoàng lương mộng).

[21] Tô học sĩ (蘇學士), tức Tô Thức, tên chữ là Tử Chiêm, hiệu là Đông Pha cư sĩ, người Mi sơn, đời Tống. Viếng chùa Kim-sơn ở Tô Châu, gặp thiền sư Phật Ấn Liễu Nguyên, vấn đáp về thiền đạo, phục tài cao của Phật Ấn, liền cõi đai ngọc để tại chùa Phật Ấn kỷ niệm.

[22] Hàn Văn Công (韓文公), tức Hàn Dũ (韓愈), người Xương Lê, đời Đường, đậu tiến sĩ. Vì dâng biểu can vua Hiến Tông rước Xá Lợi Phật vào cung, nên bị đày đi Trào Châu. Ở đây, Hàn Dũ có viết thư mời thiền sư Đại Điên, chùa Linh Sơn ở phía tây Trào Châu để tranh luận về đạo, cùng nhau đi lại nhiều lần, sau quy y Đại Điên.

[23] Bùi Công (裴公), tức Bùi Hưu (裴休), tên chữ là Công Mỹ (公美), một người học Phật đời Đường, đậu tiến sĩ, giao du cùng ngài Khuê Phong Tông Mật, thông đạt kinh Hoa Nghiêm, sau đắc pháp ở thiền sư Hoàng Nghiệt Hy Vận. Đoạt hốt: Các quan đại thần xưa, khi triều vua tay thường cầm cái hốt ở tay để tâu bạch, hay vâng mệnh, ngoài ra dùng để ghi chép những sự kiện cho nhớ. Vậy đoạt hốt có nghĩa là, Bùi Hưu bị đoạt mất chí khí ở ngài Thạch Sương. Thạch Sương, tức Thạch Sương Khánh Chư (石霜慶諸), cao tăng đời Đường, thuộc họ Thanh Nguyên, tham thiền ngài Qui Sơn, thấu được áo chỉ, trụ ở núi Thạch Sương, châu Đàm, được vua Đường Hy Tông ban cà sa gấm, nhưng sư từ chối không nhận..

[24] Phòng tướng (房相), có sự lầm lẫn, đúng phải là Thôi Triệu Công (崔趙公). Quốc Nhất đại sư (國一大師), tức Kính Sơn Pháp Khâm (徑山法欽, 714-792), vị tăng của tông Ngưu Đầu, họ Chu, người Côn Sơn, Tô Châu. Năm 28 tuổi, trên đường đi lên Trường An, ông ghé qua tham yết Hạc Lâm Huyền Tố, rồi xuất gia ngay trong ngày ấy và về sau kế thừa dòng pháp của vị này. Sau đó, ông đến sống tại Kính Sơn lập am tu tập, đạo hạnh vang xa, người đến tu học rất đông, và trở thành sơ tổ của phái Kính Sơn. Đến năm thứ 3 niên hiệu Đại Lịch (768), ông vào cung nội, thuyết pháp cho vua Đại Tông, được vua ban tặng hiệu Quốc Nhất đại sư và tên chùa là Kính Sơn. Các vị tướng công như Thôi Triệu Công, Bùi Tấn Công Độ, Đệ Ngũ Kỳ, Trần Thiếu Du, đã từng bái ông làm thầy. Ngay chính như những nhân vật nổi tiếng của Nam tông thiền như Tây Đường Trí Tàng, Thiên Hoàng Đạo Ngộ, Đơn Hà Thiên Nhiên, cũng đã từng đến tham vấn với ông. Vào năm thứ 6 niên hiệu Trinh Nguyên (790), ông chuyển đến trú tại Tịnh độ viện của chùa Long Hưng, và đến tháng 12 năm thứ 8 (792) thì thị tịch, hưởng thọ 79 tuổi đời và 50 hạ lạp. Vua Đức Tông ban cho thụy hiệu là Đại Giác thiền sư. Thôi Triệu Công đến hỏi thiền sư Quốc Nhất lúc còn ở kinh đô: Đệ tử nay muốn xuất gia có được không? Ngài đáp: Xuất gia là việc của đại trượng phu, há dũng tướng mà làm được. Thôi Triệu Công khen ngợi lời này.

không ngờ[25]; Lục Tổ vừa gặp khách hiền, nghe kinh đốn ngộ[26]. Đạo thiền nếu không ý vị, Thánh hiền sao chịu quy y. Hoa Lâm cảm hai cọp theo hầu[27], Đầu Tử có ba quạ báo sáng[28]. Trưởng giả Lý Thông Huyền giải kinh mà thiên trù dâng cỗ[29], tôn giả Tu Bồ Đề tĩnh tọa mà Đế Thích tung hoa[30]. Đạt Ma một dép về

---

[25] Công chúa Diệu Thiện, tiền thân của bồ tát Quán Thế Âm. Nam Sơn Tuyên luật sư thường hỏi thiên thần về duyên khởi của đức Quan Âm. Thiên thần thưa, về kiếp quá khứ xưa kia có vua Trang Vương, phu nhân tên là Bảo Ứng sinh được 3 gải, con lớn là Diệu Dục, con thứ là Diệu Ân, con út là Diệu Thiện. Diệu Thiện chỉ chuyên việc tu hành, không kén phò mã.

[26] Lục Tổ, tức Tổ Huệ Năng, Tổ thứ 6 của Thiền tông đời Đường, cũng gọi là Đại Giám Huệ Năng. Ngài họ Lư, mồ côi cha từ lúc 3 tuổi, nhà nghèo, phải đi kiếm củi nuôi mẹ. Một ngày mang củi vào chợ bán, nghe người đọc kinh Kim Cương, liền nẩy ý chí xuất trần nhập đạo.

[27] Thiền sư Hoa Lâm Thiện Giác (華林善覺禪師) ở Đàm Châu, nối pháp Mã Tổ. Ban đêm, Sư thường cầm tích trượng đi ra khỏi rừng. Cứ bảy bước Sư dộng tích trượng một cái và xưng một danh hiệu Quán Âm. Một hôm, Án sát Ngự sử Bùi Hưu đến viếng và hỏi rằng: Thầy có thị giả chăng? Có hai đứa. Ở đâu? Sư bèn gọi: Đại không! Tiểu không! Khi ấy hai con cọp từ phía sau am đi ra. Bùi Hưu trông thấy kinh sợ. Sư bảo hai con cọp rằng: Có khách, hãy đi đi! Hai con cọp rống lên một tiếng mà đi ra. Bùi Hưu nói: Sư tu hạnh nghiệp gì mà cảm hóa được hai con cọp này? Sư im lặng hồi lâu bảo: Hiểu chăng? Chẳng hiểu. Sư nói: Sơn tăng thường niệm Quán Âm.

[28] Đầu Tử Nghĩa Thanh (投子義清,1032-1083): Thiền sư Trung Quốc, thuộc tông Tào Động, họ Lý, quê ở Thanh Đỗ. Năm lên 7 tuổi, sư xuất gia ở chùa Diệu Tướng, đến năm 15 tuổi thì thọ giới. Trong khoảng thời gian này, sư học Bách Pháp Luận và thông hiểu kinh Hoa Nghiêm. Sau sư đến tham vấn Phù Sơn Pháp Viễn ở chùa Thánh Nham, trở thành môn đệ đắc pháp, được gọi là Thanh Hoa Nghiêm. Sau đó ba năm, sư được Pháp Viễn đem tông chỉ của tông Tào Động giao phó, được trao giày và y của Thái Dương Cảnh Huyền, như vậy sư là người nối pháp của Cảnh Huyền, trở thành môn hạ của tông Tào Động. Về sau, sư đến Lô Sơn, duyệt đọc các kinh luận, rồi đến năm thứ 6 niên hiệu Hy Ninh (1073) thì trở về Thư Châu và sống tại thiền viện Hải Hội trên núi Bạch Vân. Trãi qua nơi đây được 8 năm, sư lại chuyển đến núi Đầu Tử. Vào ngày mồng 4 tháng 5 năm thứ 6 niên hiệu Nguyên Phong (1083), ông thị tịch, hưởng thọ 52 tuổi đời và 32 hạ lạp. Trước tác của ông có Thư Châu Đầu Tử Thanh Hòa Thượng Ngữ Lục, 2 quyển; Đầu Tử Thanh Hòa Thượng Ngữ Yếu, 1 quyển. Vị khai sơn Đầu Tử là Từ Tế có huyền ký: Nếu thấy tháp của ta màu đỏ thì là ta trở lại. Người trong môn nhân đời sau trùng tu tháp của Từ Tế, bỗng thấy tháp ánh lên sắc ngọc mã não. Khi chưa có tự viện, núi Đầu Tử vốn không có suối, sư trú ở một thời gian thì bỗng có một con suối phát sanh. Vị Quận thủ đặt tên là suối Tái lai. Ở nơi con suối ấy có ba con quạ màu xám tro, cứ mỗi canh năm thì kêu báo sáng. Người đời nhân đó tán thán đạo đức của sư,

[29] Lý Thông Huyền (李通玄, 635 – 730), sống cùng thời với Pháp Tạng (643 - 712), với ngài Huyền Trang, là vị cư sĩ học giả chủ yếu cuả tông Hoa Nghiêm. Các luận giải của ông ban đầu chưa được công nhận, nhưng về sau được các thiền sư tông Lâm Tế đánh giá cao. Các tác phẩm của ông, quan trọng nhất là luận giải về Tân Hoa Nghiêm Kinh Luận (新華嚴經論), 40 quyển, bản dịch của Thật xoa nan đà, đã tạo nên ảnh hưởng sâu đậm cho Thiền tông và Hoa Nghiêm tông của Phật giáo Triều Tiên sau nầy. Còn có một luận giải khá dài của thiền sư Phổ Chiếu Trí Nột (普照知訥, 1158 - 1210), thỉ tổ Thiền tông ở Triều Tiên, viết về tác phẩm Tân Hoa Nghiêm Kinh Luận, qua đó ảnh hưởng rất mạnh đến tông Hoa nghiêm Nhật Bản. Trong lúc

Tây[31], Phổ Hóa rung chuông bay bổng[32]. La Hán tham vấn nơi hòa thượng Ngưỡng Sơn[33]. Nhạc Đế thọ giới với thiền sư Tư Đại[34]. Kính Sơn mỗi ngày đều được Long vương hiến cúng[35]; Tuyết Phong xưa kia thường dùng người gỗ mở

---

trước tác bộ Tân Hoa Nghiêm Kinh Luận, Lý Thông Huyền do miệt mài viết kinh cho nên quên cơm, chư thiên đem cơm dâng cho ngài.

[30] Một hôm ngài Tu bồ đề tọa thiền dưới chân núi, ngồi yên lặng, hoa trời rơi xuống rất nhiều. Ngài hỏi: Ai tán hoa đó? Trời Đế Thích thưa: Tôi là trời Đế Thích. Hỏi: Tại sao ông tán hoa? Đáp: Thấy Hòa thượng thuyết pháp hay quá nên tôi tán hoa. Hỏi: Ta chưa từng nói mà sao nói thuyết pháp hay? Trời Đế Thích thưa: Ngài không nói, tôi không nghe, đó là thuyết pháp.

[31] Tổ Bồ đề đạt ma từ Ấn Độ sang Trung Hoa giáo hóa. Sau thời gian chín năm Ngài an nhiên thị tịch, nhục thân nhập tháp tại núi Hùng Nhĩ. Tống Vân (sứ giả Trung Hoa) đi sứ Ấn Độ trở về gặp Ngài tại núi Thông Lãnh tay xách một chiếc dép đi nhanh như bay trở về Ấn Độ (Tây Thiên). Vua nghe việc ấy ra lệnh mở cửa tháp mở quan tài ra, quả nhiên quan tài trống không, chỉ còn một chiếc dép. Vua sắc đưa chiếc dép về thờ ở chùa Thiếu Lâm.

[32] Trong sử của ngài Lâm Tế, có ngài Phổ Hóa dường như là người điên nhưng thật không phải, cả ngày ra chợ ăn xin lang thang, nhưng Ngài nói nhiều câu rất kỳ đặc. Khi sắp tịch, Ngài nói với người ngoài chợ: Xin quí vị cho tôi chiếc áo dài. Ngài Lâm Tế nghe nói sai đồ đệ sắm cho Ngài chiếc quan tài. Ngài vác quan tài ra chợ nói: Lâm Tế cho tôi chiếc áo dài rồi, mai tôi tịch ở cửa đông. Ngày mai dân chúng chạy lại cửa đông xem, Ngài nói: Nay tôi chưa tịch, ngày mai tôi tịch ở cửa tây. Như thế hẹn đến ba ngày, mọi người đều chẳng tin. Đến ngày thứ tư, không ai theo xem nữa, Ngài tự vào quan tài, mượn người đi đường đậy nắp lại. Khi hay tin, mọi người trong chợ chạy đến xem, giở quan tài ra không thấy thi hài Ngài, chỉ nghe tiếng chuông rung xa dần trên hư không.

[33] Có vị Tăng người Ấn từ hư không đến, Ngưỡng Sơn hỏi: Vừa rồi ở đâu đến? Tăng thưa: Ở Tây Thiên. Sư hỏi: Rời Tây Thiên lúc nào? Tăng thưa: Sớm mai. Sư bảo: Sao mà chậm lắm vậy. Tăng thưa: Vì còn dạo núi xem nước. Sư bảo: Thần thông du hí thì chẳng không, Phật pháp của Xà lê cần trao lại cho Lão tăng mới được. Tăng thưa: Định sang Đông độ lễ Văn Thù, lại gặp Tiểu Thích Ca. Bèn đem sách chữ Phạn bằng lá bối trao cho sư, làm lễ rồi nương hư không mà đi.

[34] Thiền sư Tư Đại, còn gọi là Tuệ Tư, thường ngồi thiền trên núi Nam Nhạc. Một hôm ngài đang ngồi thiền, có một đoàn người đi ngang, đi đầu là một người rất oai vệ, ăn mặc như một vị quan lớn. Khi đi ngang ngài, họ tính la to cho ngài sợ, ngài sẽ đứng dậy tránh đi, nhưng ngài vẫn ngồi thiền tự nhiên. Nhạc Đế là vị đi đầu tới bên ngài quì xuống thưa: Bạch Hòa thượng, nay tôi muốn qui y với Phật. Ngài Tư Đại mới xả thiền làm lễ qui y. Buổi lễ xong, Nhạc Đế thưa: Bạch Hòa thượng, tôi muốn tặng ngài một vật để làm kỷ niệm, vì tôi là Nhạc Đế, là thần lớn nhất ở núi này. Vị thần nằn nì mãi, ngài Tuệ Tư không chấp nhận. Sau cùng thần nói: Ở xóm dưới chân núi có nhiều người chưa biết đạo, để tôi ám trợ họ lên qui y với Hòa thượng, Ngài có bằng lòng không? Ngài Tuệ Tư bảo: Không được. Hỏi: Tại sao? Đáp: Vì qui y là tự người thức tỉnh phát tâm, nếu do sức ám trợ là không đúng pháp Phật. Thần hỏi: Vậy có cái gì để con đền ơn ngài? Ngài Tuệ Tư bảo: Ở trước chùa ta cây cối xơ xác, cạnh núi bên kia tùng bá sum sê, nếu được, ông dời những cây bên đó qua giùm ta. Nhạc Đế nhận lời và dặn: Tối nay nếu nghe tiếng sấm sét, Hòa thượng bảo người trong chùa đừng kinh sợ, con sẽ dời cây cối. Đúng tối hôm đó sấm sét ầm ầm nổ vang, sáng ra cây cối xơ rơ biến mất, chỉ có tùng bá sum sê.

[35] Kính Sơn chỉ cho thiền sư Kính Sơn Pháp Khâm hay đại sư Quốc Nhất đã nói ở trên. Khi sư trú trì ở Kính Sơn, mỗi ngày thường được Long cung biến thành dị nhân đi đến hiến cúng, cúng xong thì ẩn thân.

núi[36]. Đó là những nhân do để nghiệm biết, quyết chớ tự khinh mà thoái khuất. Chồn hoang còn nghe Bách Trượng nói pháp[37], ốc nước ngọt bảo hộ kinh Kim cương[38]. Mười ngàn con cá nghe danh Phật hóa làm Thiên tử[39], năm trăm con dơi

---

[36] Tuyết Phong Nghĩa Tồn (雪峰義存, 822-908), là môn đệ của Đức Sơn Tuyên Giám. Từ dòng thiền của sư xuất sinh ra hai tông lớn của Thiền tông, đó là tông Vân Môn và Pháp Nhãn. Sư ấn khả cho 56 môn đệ, trong đó các vị Vân Môn Văn Yển, Huyền Sa Sư Bị và Trường Khánh Huệ Lăng là ba vị danh tiếng nhất. Mộc nhân khai sơn (木人開山): mộc nhân tức mộc cầu (木毬, trái cầu gỗ) hay côn cầu (輥毬, lăn trái cầu). Tiết Tuyết Phong Nghĩa Tồn thiền sư trong Ngũ Đăng Hội Nguyên, quyển 7 ghi: "Một hôm sư thăng tòa, tăng chúng tập họp đầy đủ. Sư lăn quả cầu gỗ, Huyền Sa bèn lượm lại đặt vào chỗ cũ." Đây là sự thi thiết vô nghĩa của Thiền gia, ý nghĩa quét sạch ngôn ngữ ý thức của người học đạo, không thể dựa vào tình thức ý tưởng để suy đoán lý giải. Khi sư muốn gọi vị tăng nào đến thì lăn trái cầu, trái cầu đi đến vị ấy. Khi sư muốn xin sự trợ giúp của vị đàn na thí chủ thì thẩy trái cầu lên trên không, trái cầu sẽ bay thẳng đến nhà vị thí chủ ấy, đề rồi vị ấy đưa đồ hiến cúng đến sư. Cho nên có câu truyền tụng: Tuyết Phong côn cầu thục biện ki, nhất thiên ngũ bách cơ nhân tri, trát khỏi mi mao thiên vạn lý, tu thị ngô môn sư tử nhi. 雪峰輥毬孰辨機,一千五百幾人知,眨起眉毛千萬里,須是吾門獅子兒.Tuyết Phong lăn cầu ai hiểu chốt, một ngàn năm trăm người biết chuyện, chớp mắt lông mày ngàn vạn dặm, chúng ta nên là sư tử con.

[37] Theo công án Bách Trượng dã hồ: "Mỗi khi ngài Bách-Trượng thượng đường, thường có một lão tăng đến nghe pháp, rồi theo chúng giải tán. Một hôm không đi, Bách Trượng hỏi: Đứng đó là ai? Lão tăng thưa: Tôi từ thời Phật Ca Diếp đời quá khứ, thường trụ ở núi này, có một học nhân hỏi: "Người đại tu hành, lại phải rơi vào nhân quả chăng?" Tôi đáp: "Chẳng rơi vào nhân quả". Do đó tôi bị đọa làm thân cáo đã 500 kiếp. Nay xin hòa thượng thay cho một chuyển ngữ". Bách Trượng nói: "Chẳng mờ nhân quả" (bất muội nhân quả). "Lão tăng nghe nói xong đại ngộ".

[38] Vào thời Đường, có một người tên là Đãi Chế, đi thuyền đến sông Hán thì gặp gió to sóng lớn, nước ngập cả thuyền. Đãi Chế liền lấy cuốn kinh Kim Cương mà hằng ngày thường trì tụng, ném xống dòng sông, liền khi đó gió lặng sóng yên. Đãi Chế nuối tiếc cuốn kinh mà mình bao năm thọ trì, buồn bã không vui. Hai tháng sau, thuyền mới cập bến Trấn Giang. Anh ta bất chợt thấy sau đuôi thuyền của mình, chừng 100 bước, có một cái bao giống như cái túi da, chìm nổi bất chợt, không biết cái gì. Đãi Chế nhờ một người chài lưới lấy cái bao đó đem lại cho anh ta, mới thấy sò ốc bu quanh che kín làm thành cái túi. Đãi chế dùng tay tách những con ốc ra thì thấy cuốn kinh mà mình trì tụng không có hư hao gì cả. Anh ta xúc động, vui mừng, vái lạy cuốn kinh, rồi than rằng: "Con sông Hán nhập vào chín sông, trôi chảy về phía Nam cả ngàn dặm, tàu thuyền qua lại không biết bao nhiêu, thế mà không có một ai biết trì kinh này, trong khi đó loài sò ốc gặp được kinh thì không buông, chúng nhất định thoát luân hồi sanh tử. Con người là tinh anh nhất trong muôn loài thế mà có ai nghe đến kinh này, dù có nghe nói đến cũng không thấy, dù có thấy kinh cũng không có niềm tin, dù có tin tưởng vào kinh cũng bị danh lợi trói buộc. Người có niềm tin ấy cũng không bằng loài sò ốc vậy."

[39] Kinh Kim Quang Minh ghi: "Đám cá ăn no rồi, ông (trưởng giả tử Lưu Thủy) lại nghĩ, ngày nay ta cho đám cá này thực phẩm, nguyện đời sau ta cho đám cá này pháp thực. Lại nghĩ, ngày trước, nơi khu rừng trống vắng, ta đã thấy một vị Bí sô đọc tụng kinh đại thừa, nói về cái pháp sâu xa là mười hai duyên khởi. Kinh ấy lại nói, chúng sinh sắp chết mà nghe danh hiệu đức Bảo kế như lai thì được sinh chư thiên. Ta nay nên vì mười ngàn cá này mà nói mười hai duyên khởi sâu xa, lại niệm cho chúng hồng danh đức Bảo kế như lai. Nhưng người đại lục Thiệm bộ có hai loại, có loại thâm tín đại thừa, có loại phỉ báng không tin. Ta cũng nên phát sinh và tăng trưởng tín tâm cho loại này. Ông nghĩ ta nên vào trong hồ nói diệu pháp cho

nghe tiếng pháp trở thành Thánh hiền[40]. Trăn nghe sám được sanh thiên[41], rồng nghe kinh mà ngộ đạo[42]. Con vật kia còn có thể lãnh ngộ, huống con người sao chẳng hồi tâm? Hoặc có kẻ vùi đầu ăn uống mà trôi qua một đời, hoặc có người lầm lối tu hành mà không xét tâm ý[43]. Đâu hiểu tánh giác bồ đề, ai nấy viên thành; há biết căn lành bát nhã, mỗi người đầy đủ. Đừng hỏi bậc đại ẩn, tiểu ẩn[44]; chớ chấp người tại gia, xuất gia. Không câu nệ tăng tục mà chỉ cốt biện tâm. Pháp vốn không nam nữ thì chẳng nên trước tướng. Người chưa sáng suốt thì lầm phân tam giáo, người hiểu thấu đáo thì cùng ngộ nhất tâm. Nếu hay phản chiếu hồi quang, đều được kiến tánh thành Phật. Lại nữa, thân người dễ mất, Phật pháp khó nghe, muốn vượt qua sáu nẻo xoay vần, chỉ có nhất thừa là đường tắt. Phải cầu chánh kiến, chớ tin tà sư. Ngộ rồi thì vào được đạo, làm được mới có thể thoát tục. Từng bước chân đạp thật địa, trên đầu đảnh đội hư không. Khi dùng thì muôn cảnh hiển lộ[45], thu lại thì một bụi không còn[46]. Vượt lên chỗ sanh tử chẳng tương quan, đạt tới cơ quỷ thần rình không phá. Là phàm là Thánh cùng nhập một đường; hoặc oán hoặc thân cùng chung một thể. Thật ngộ như

đám cá. Nghĩ rồi, ông bước xuống nước, xướng lớn: Kính lạy đức Bảo kế như lai đã nhập niết bàn, bậc Đến như chư Phật, bậc Thích ứng hiến cúng, bậc Biết đúng và khắp, bậc Hoàn hảo sự sáng, bậc Khéo qua niết bàn, bậc Lý giải vũ trụ, bậc Không ai trên nữa, bậc Thuần hóa mọi người, bậc Thầy cả trời người, bậc Tuệ giác hoàn toàn, bậc Tôn cao nhất đời. Đức Bảo kế như lai, xưa kia, khi làm việc làm bồ tát, có lời nguyện như vầy: mười phương quốc độ, bao nhiêu chúng sinh có ai sắp chết mà nghe được danh hiệu của Như lai, thì chết rồi được sinh Đao lợi". (H.T Thích Trí Quang dịch)

[40] Tây vực ký chép: Bờ Nam Hải có một cây khô, có 500 con dơi ở trong hốc cây, vì ham nghe người đọc kinh, bị lửa đốt nóng mà không hay, nên bị cháy cả, được hóa kiếp thành người, bỏ nhà học đạo, sau đều thành bồ tát.

[41] Vợ vua Lương Vũ Đế, vì ác nghiệp, chết phải đọa làm kiếp trăn, báo mộng cho vua tụng kinh sám hối, được thác sinh lên trời.

[42] Trong kinh Pháp Hoa nói: Bồ tát Văn Thù xuống Long cung thuyết pháp, có Long nữ tám tuổi nhân nghe pháp mà ngộ đạo. Khi đức Phật nói kinh Pháp Hoa, Long nữ hiện thần thông cho mọi người thấy.

[43] Sách Quy Nguyên Trực Chỉ (歸元直指) quyển 2, có trích dẫn đoạn này: "Kim cương khoa nghi vân: Dã hồ thượng thính Bách Trượng pháp, loa sư du hộ Kim Cương kinh. Thập thiên du ngư văn Phật hiệu nhi hóa vi thiên tử, ngũ bách biển bức thính pháp âm nhi tổng tác Thánh hiền. Mãng văn sám dĩ sanh thiên, long thính kinh nhi ngộ đạo. Bỉ vật thượng năng lĩnh ngộ, huống nhân hà bất hồi tâm. Hoặc hữu mai đầu khiết phạn nhi không quá nhất sanh; hoặc hữu thác lộ tu hành nhi bất tỉnh giá ý."

[44] Đại ẩn là vị cư trần bất nhiễm, đối cảnh vô tâm, không mừng Thánh vị, không trọng bản thân (chỉ trọng tánh giác). Tiểu ẩn là vị sơ tâm tu hành nên cần ẩn dật nơi chốn thanh tịnh như núi đồi, tịnh thất.

[45] Chính là ý: Pháp pháp bất ẩn tàng, cổ kim thường hiển lộ, Sơn hà cập đại địa, Toàn lộ Pháp vương thân.

[46] Chính là ý: Thật tế lý địa bất thọ nhất trần, vạn hạnh môn trung bất xả nhất pháp.

thế, còn ngừng nửa đường. Chớ ưa hướng thượng tam huyền[47], cần hiểu một thủ đoạn[48] sau chót. Hãy nói, ngay đây gọi cái gì là một thủ đoạn sau chót?

Non xanh thoai thoải nhìn trời rộng,
Sen biếc ngạt ngào đượm nước hương.[49]

Vứt bỏ hồ lô, đập nát cầm
Chẳng luyến thủy ngân trong vàng ròng
Từ nay không gặp hoàng long nữa
Mới hiểu trước nay lầm dụng tâm.
Biết sự sống chết toàn vô thường
Chớ bảo người già mạng vong trước
Đại hạn đến mình không xác định
Tuổi trẻ sanh sau phải dự phòng.
Phú quý, bần cùng đều sẽ chết
Duyên xưa phân định chớ cưỡng cầu

---

[47] Tam huyền (三玄): Cơ xảo của tông Lâm Tế, nhằm kích thích hành giả tham thiền phát khởi nghi tình, đó là: 1. Thể trung huyền: Câu nói phải chất phác, ngay thật không trau chuốt; 2. Cú trung huyền: Lời nói không mắc kẹt tình thức phân biệt; 3. Huyền trung huyền: Câu nói lìa đối đãi hai bên.

[48] Nhất trước (一著): Còn gọi là nhất trước tử (一著子), vốn là dụng ngữ của cờ vây, chỉ cho một việc, sự kiện, thủ đoạn, kế sách, một lần. Tiết Trí Hải Bản Dật thiền sư trong Ngũ Đăng Hội Nguyên, quyển 16 ghi: 我有這一著, 人人口裡嚼, 嚼得破者,速須吐卻. 嚼不破者, 翻成毒藥. Ta có thủ đoạn này, mỗi người nhai trong miệng. Nếu nhai bể thì mau ói ra. Nếu nhai không bể thì trở thành thuốc độc

[49] Trên đây là bài Thích Ca Văn Phật, cùng với bài Tường phù, được vua Trần Thái Tông trích dẫn làm bài Phổ khuyết phát bồ đề tâm. Khóa hư lục (課虛錄), tác phẩm của vua Trần Thái Tông (1218- 1277), có 2 bản in: 1. Khóa hư lục, in năm 1631, 2 quyển thượng hạ, gồm có Khóa hư lục và Lục thời sám hối khoa nghi, và được hoàn chỉnh trong bản in năm 1867 của Thích Tuệ Hiền, chùa Hoa Yên; 2. Khóa hư tập (課虛集), in năm 1840, gồm 3 quyển thượng trung hạ, tựa của Nguyễn Thận Hiên. Trong Khóa hư tập, Phổ khuyến phát bồ đề tâm chính là bài Tường phù và bài Thích ca Văn Phật của Kim Cương khoa nghi. Còn trong Khóa hư lục, Phổ khuyến phát bồ đề tâm bắt đầu từ đoạn "Phù thế chi chí quý giả ... ngô vị như chi hà dã dĩ hỷ." (夫世之至貴者 … 吾未如之何也已矣, Ôi! Vật quý nhất đời chỉ là vàng ngọc vậy... ta chẳng biết làm sao được), tiếp theo sau là bài Tường phù và bài Thích ca Văn Phật. Đoạn "Phù thế chi chí quý giả ... ngô vị như chi hà dã dĩ hỷ" trong Khóa hư tập là đoạn kết của bài Phổ thuyết sắc thân. Tác phẩm Kim cương tam muội kinh chú giải của vua Trần Thái Tông đã thất lạc, chỉ còn một bài tựa được in lại trong Khóa hư lục mà thôi. Trong bài tựa này nói rằng, mỗi khi vua đọc kinh Kim cương tam muội thì "trăm thứ cảm hứng nảy sanh", và từ cảm hứng đó, vua làm những lời chú giải kinh Kim cương. Chúng ta có thể giả thiết, sanh thời vua Trần Thái Tông đã thọ trì, đọc tụng, giảng giải kinh Kim cương, kể cả lễ sám kinh Kim cương theo Tiêu thích Kim cương khoa nghi. Bài Tường phù và bài Thích Ca Văn Phật là một sự chia sẻ tâm đắc của vua Trần Thái Tông trong sự hành trì kinh Kim cương, cũng là lời khuyên mọi người hãy phát khởi chí nguyện mong cầu tuệ giác Bồ đề qua bài Phổ khuyến phát bồ đề tâm.

Chưa từng gieo hạt mùa Xuân trước
Tay trắng ruộng hoang mơ mùa Thu.

(*Khải thỉnh kinh Kim Cương: Nếu có người nào muốn thọ trì kinh Kim Cương thì trước phải chí tâm niệm chân ngôn Tịnh khẩu nghiệp v.v..., sau đó khải thỉnh danh hiệu của Tám vị Kim Cang và Bốn vị Bồ tát, để chư vị sẽ đến ủng hộ nơi trú xứ của người ấy.*)

Nhất tướng vốn vô cấu
Thể tánh rời trần duyên
Chuyên tâm trì tứ cú
Mới nên tụng chân ngôn.

Chân ngôn Tịnh khẩu nghiệp:
Tu rị, tu rị, ma ha tu rị, tu tu rị, ta bà ha. (3 lần)

Chân ngôn Tịnh tam nghiệp:
Án ta phạ, bà phạ, thuật đà ta phạ, đạt ma ta phạ, bà phạ thuật độ hám. (3 lần)

Chân ngôn An Thổ địa:
Nam mô tam mãn, đa một đà nẫm, án, độ rô, độ rô địa vĩ, ta bà ha. (3 lần)

Chân ngôn Phổ cúng dường:
Án nga nga nẵng, tam bà phạ, phiệt nhật ra hồng. (3 lần)

Kính nghe: Pháp thân vô tướng, chẳng phải tướng có thể quán chiếu; đạo lý tuyệt ngôn, chẳng phải ngôn từ có thể diễn tả. Bởi lẽ, nhân địa phát khởi bốn nguyện[50], quả chứng viên mãn ba thân[51], theo hạnh nguyện mà hiện thân, dùng ngôn từ để hóa hộ. Đức Phật Thích Ca Thánh chủ, lợi vật tình thâm, thương cõi khổ Ta Bà chìm đắm, khen cảnh giới Nghiêm độ thường vui. Quốc độ tên Cực Lạc, đức Phật hiệu Di Đà, phát bốn mươi tám nguyện rộng sâu, hành muôn ngàn

[50] Tứ hoằng thệ nguyện.

[51] Pháp thân, báo thân và hóa thân. Ba thân của đức Phật là: Thanh tịnh Pháp thân Tỳ Lô Giá Na, Viên mãn báo thân Lô Xá Na và Thiên bá ức hóa thân Thích Ca Mâu Ni.

hạnh môn quảng đại. Hiểu về hai ứng thân chân hóa[52], ứng hóa tiếp độ cao thấp, trước sau nhập địa cùng trú, tứ Thánh lục phàm đều sanh. Duyên nguyện Di Đà, ở đây rõ ràng; lý thật Tịnh độ, do đây hiển lộ. Kinh đến từ lâu[53], vẫn thiếu tuyên truyền[54]. Phụng báo ân Phật, sáng tỏ ý kinh. Qua cửa diệu đạt cảnh Như Lai, đi tới cao đăng miền bổn phận.

Phật tại Linh Sơn chớ viễn cầu
Linh Sơn trú ở nơi tự tâm
Mỗi người đều có Linh Sơn tháp
Thường bỏ Linh Sơn tháp mà tu.
Ngoại đạo, thiên ma đều chắp tay
Phạm vương, Đế thích dâng đẹp lành
Nguyện nay hội họp chư nam nữ
Đồng chứng Kim cương đại đạo tràng.
Sớm khởi nao nao thẳng đến chiều
Chẳng sầu sống chết chỉ sầu tham
Dẫu anh khiến hết ngàn điều xét
Thẳng đến vô thường chẳng thỏa lòng.

Đại giáo Bát nhã, hơn sáu trăm quyển. Phật Như Lai, kim khẩu tuyên. Sáu triều phiên dịch[55], Đông độ lưu truyền. Luôn luôn trì tụng, bốn câu chân thuyên. Phước vô vi thù thắng, quả báo lợi nhân thiên.

Kính lễ Tam giới chủ
Đại hiếu Thích Ca tôn

---

[52] Chân ứng thân: Đại hóa thân, cũng gọi là Thắng ứng thân. Thân này cao 1 ngàn trượng, để giáo hàng Bồ tát Đại thừa Gia hạnh vị. Hóa ứng thân: Tiểu hóa thân, cũng gọi là Liệt ứng thân, thường gọi là cái thân đức Phật lịch sử, biểu hiện cho loài người. Thân này cao 1 trượng 6, để giáo hóa hang Bồ tát Ba tư lương vị (Thập trụ, Thập hạnh và Thập hồi hướng).

[53] Kinh Kim Cương đến từ thời Hán, Đường.

[54] Tuy có chú thích kệ tụng nhưng vẫn chưa kết quy chỉ bày An Dưỡng.

[55] Có 6 bản dịch kinh Kim cương trong Hán tạng: 1. Kim cương bát nhã ba-la-mật kinh (金剛般若波羅蜜經), đời Diêu Tần, ngài Cưu-ma-la-thập dịch; 2. Kim cương bát nhã ba-la-mật kinh, đời Nguyên Ngụy, ngài Bồ-đề-lưu-chi dịch; 3.Kim cương đoạn cát bát nhã ba-la-mật kinh (金剛斷割般若波羅蜜經), đời Trần, ngài Chân Đế dịch; 4. Kim cương đoạn cát bát nhã ba-la-mật kinh, đời Tùy, ngài Đạt-ma-cấp-đa dịch; 5. Năng đoạn Kim cương bát nhã ba-la-mật (能斷金剛般若波羅蜜經, hội thứ 9 của bộ Đại bát nhã kinh) đời Đường, ngài Huyền Trang dịch; 6. Phật thuyết năng đoạn kim cương bát nhã ba la mật đa kinh (佛說能斷金剛般若波羅蜜多經), đời Đường, ngài Nghĩa Tịnh dịch.

Nhiều kiếp báo thân ân
Tích nhân thành Chánh giác.

Phụng thỉnh Tám vị Kim Cang:

Phụng thỉnh Thanh Trừ Tai Kim Cang.
Phụng thỉnh Bích Độc Thần Kim Cang.
Phụng thỉnh Hoàng Tùy Cầu Kim Cang.
Phụng thỉnh Bạch Tịnh Thủy Kim Cang.
Phụng thỉnh Xích Thanh Hỏa Kim Cang.
Phụng thỉnh Định Trì Tai Kim Cang.
Phụng thỉnh Tử Hiền Kim Cang.
Phụng thỉnh Đại Thần Kim Cang.

Phụng thỉnh Bốn vị Bồ tát:

Phụng thỉnh Kim Cang Quyến Bồ tát.
Phụng thỉnh Kim Cang Sách Bồ tát.
Phụng thỉnh Kim Cang Ái Bồ tát.
Phụng thỉnh Kim Cang Ngữ Bồ tát.[56]

Kinh này là giáo nghĩa của Đại thừa, là nhân tố tu hành của bậc đại Bồ tát. Bát nhã thì tối thắng trong sáu Ba la mật, cho nên kinh này mệnh danh là Bát nhã Ba la mật. Kinh Kim cương ghi rằng: "Như lai nói cho những người đi theo giáo pháp Đại thừa, nói cho những người đi theo giáo pháp Đại thừa tối thượng." Vì lý do này mà Phật thuyết kinh Đại Bát nhã, gồm sáu trăm quyển, tổng cộng mười sáu hội. Kinh Kim cương chính là kinh ở quyển thứ năm trăm bảy mươi bảy, chỗ thuyết thứ hai là vườn Cấp Cô Độc[57], hội thứ chín. Cho nên nói: Ngày xưa Như Lai kim khẩu thuyết, đến nay cô khởi [58] càng thêm mới.

Kinh này Phật thuyết số ngàn năm
Vô lượng người trời được thọ truyền

---

[56] Bốn vị Bồ tát này tượng trưng cho tứ vô lượng tâm: từ, bi, hỷ và xả.

[57] Đức Phật thuyết Kinh Đại Bát nhã ở bốn chỗ: 1. Núi Thứu Phong nơi thành Vương Xá; 2. Vườn Cấp Cô Độc; 3. Cung Trời Tha Hóa Tự Tại; 4. Tịnh Xá Trúc Lâm thành Vương Xá.

[58] Già đà (Gatha = phúng tụng hay cô khởi) là thể văn chỉnh cú không theo văn trường hàng mà tự nói pháp nghĩa.

Nhớ đến người xưa từng hiểu đạo
Lại phải biết chọn, không nghe trước [59].
Nhân gian thọ mạng thật khó nói
Thời gian quí giá như vàng bạc
Chớ đợi đến già mới học đạo
Bao nấm mồ hoang những thiếu niên.
Tại gia Bồ tát trí phi thường
Trong chốn huyên náo dựng đạo tràng
Tâm địa đối cảnh không quái ngại
Núi cao đất bằng là Tịnh độ.
Bát nhã Kim cương thể chân như
Trúc biếc hoa vàng khắp con đường
Tám trăm học đồ trình diệu thủ[60]
Chư vị theo mẫu họa hồ lô[61].

Bát nhã Kim cương, mỗi người vốn đủ, trí cắt đoạn đứng đầu. Khi mây trắng tan, mặt trăng hiển lộ, ảnh in ngàn sông, không đến không đi. Mọi người chọn lấy, biết phàm Thánh nhất thể.

Đại Bát nhã pháp vương
Không ngắn cũng không dài
Xưa nay chẳng đen trắng
Tùy xứ hiện xanh vàng.

Văn Phát nguyện:

Cúi lạy đấng Tam giới tôn
Quy mạng cùng mười phương Phật
Con nay phát nguyện rộng
Thọ trì kinh Kim Cương
Trên đền bốn ơn nặng
Dưới cứu khổ ba đường

[59] Mỗi người có một quyển kinh, không cần hướng ngoại tìm cầu

[60] Có hơn 800 sa môn góp sức cho công trình dịch kinh của ngài Cưu ma la thập, trong đó có vị học trò ưu tú của ngài, đó là: Đạo sinh, Đạo dung, Tăng triệu, Tăng duệ, Đàm ảnh, Tuệ quán, Tuệ nghiêm, Tăng khế, Đạo thường (Đạo hằng) và Đạo tiêu. Diệu thủ là khả năng thông thạo Hoa – Phạn của chư vị ấy.

[61] Tức y kinh giải nghĩa

Nếu có kẻ thấy nghe
Đều phát lòng Bồ đề
Hết một báo thân này
Sanh qua cõi Cực Lạc.

Kệ Khai kinh:

Pháp vi diệu rất sâu vô lượng
Trăm nghìn muôn ức kiếp khó gặp
Con nay thấy nghe được thọ trì
Nguyện hiểu nghĩa chơn thật của Như Lai.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)

Vân hà Phạn:

Làm sao được trường thọ
Thân Kim cang bất hoại?
Lại nữa nhân duyên gì
Được sức kiên cố lớn?
Làm sao đối kinh này
Rốt ráo đến bờ kia
Nguyện Phật khai mật ý
Rộng vì chúng sanh thuyết.

Kinh Kim cương Bát nhã Ba la mật.[62]

Tông Kính thưa: "Chỉ có một quyển kinh này, chúng sanh sáu đường, trong tất cả tánh[63], thảy đều có đủ. Bởi vì sau khi thọ thân, vọng sanh sáu căn, sáu trần, che mất một đoạn linh quang này, trọn ngày mờ mịt, không biết không hiểu. Cho nên đức Phật mới mở lòng từ bi, nguyện cứu hết thảy chúng sanh, đều vượt qua biển khổ, cùng chứng quả Bồ đề. Đức Phật thuyết kinh này ở nước Xá

[62] Chánh văn kinh Kim cương do Hòa thượng Thích Trí Quang dịch. Muốn hiểu rộng xin xem Kinh Kim cương do Hòa thượng Thích Trí Quang dịch giải.
[63] Hữu tình và vô tình.

Vệ với chủ ý là: Chỉ vì người mà cởi mở dính mắc, ngay đó thấy rõ tự tánh"[64], thoát khỏi luân hồi, không bị sáu căn, sáu trần mê hoặc. Những ai là bậc thượng căn thượng trí thì không đẩy tự chuyển, nghĩa là trong lòng tự có kinh này. Huống nữa, đem ba mươi hai phần kinh này đặt trên mảnh đất vô dụng ở giữa không gian, không có đúng sai. Ai chưa có được kinh này thì hãy lắng nghe đồng ruộng, núi non, để dẹp đi dây sắn, dây bìm. Nói đến kinh Kim cương là nói đến đặc tánh cứng chắc, muôn kiếp không hư hoại, còn hơn đặc tánh cứng chắc của vàng. Bát nhã là trí tuệ. Ba la mật là lên đến bờ kia. Thấy được tự tánh là vượt qua được, tức lên đến bờ bên kia; chưa vượt qua được, tức là còn ở bờ bên này. Kinh là con đường. Nếu đức Phật không khai mở một con đường, thì những người đời sau hướng đến chỗ nào mà đi tới? Hãy nói, từ một bước này làm sao bước tới? Xin xem lấy đề cương ở văn dưới. Kinh này ý chỉ sâu xa, vô tướng làm tông, vẹt vọng tỏ chân. Yếu chỉ đề cương là: gươm bén rõ bày, diệt muôn pháp vốn là không; hoa tâm tỏa sáng, chiếu năm uẩn chẳng phải có; đúng là mây tan mưa tạnh, biển lặng trời trong, mừng lên thuyền Từ bát nhã, thẳng đến bờ kia Bồ đề. Hãy nói, hoa tâm tỏa sáng ở chỗ nào vậy? Thái hồ[65] rộng ba vạn sáu ngàn khoảnh, trăng lên trăng lặn trên sóng nước, ai có thể nói trăng ở hướng nào?

Pháp vương quyền thật khiến song hành
Chớp quằn, gió phăng, biển núi nghiêng
Sét đánh vang ầm, mây tan hết
Đến nhà mới không trải đường đi.

---

[64] Đoạn trong ngoặc kép là của Như Như cư sĩ. Có thể tìm thấy đoạn này trong Kim cương kinh ngũ thập tam gia tập chú (金剛經五十三家集註), quyển 1. Như Như cư sĩ (如如居士) tức Nhan Bính (顏丙), vị cư sĩ của Phái Đại Huệ thuộc Lâm Tế Tông Trung Quốc, còn gọi là Đơn Hà Tiên Sinh (丹霞先生), xuất thân Thuận Xương (順昌, tỉnh Phúc Kiến). Ông đến tham vấn Khả Am Huệ Nhiên (可庵慧然) ở Tuyết Phong Sơn (雪峰山) và kế thừa dòng pháp của vị này. Sau đó, ông hoạt động giáo hóa ở trung tâm Phúc Châu (福州, tỉnh Phúc Kiến) và cử xướng Thiền Tam Giáo Nhất Trí. Vào ngày 15 tháng 6 năm thứ 5 niên hiệu Gia Định (嘉定, 1212), ông từ trần. Trước tác của ông hiện có Như Như Cư Sĩ Ngữ Lục (如如居士語錄) 15 quyển, Tam Giáo Đại Toàn Ngữ Lục (三教大全語錄) 1 quyển. (Phật học tinh tuyển – Thích Nguyên Tâm biên soạn)

[65] Ngũ Hồ gồm: Thái Hồ ở Hồ Châu, Xạ Dương hồ ở Sở Châu, Thanh Thảo hồ ở Nhạc Châu, Đan Dương hồ ở Nhuận Châu và Cung Đình hồ ở Hồng Châu. Men theo sông Vận Hà đi xuống phía Nam tới Nghi Hưng. Đây là Đào Đô nổi tiếng khắp thiên hạ, trong khoảng non xanh nước biếc óng ánh từng gò từng gò cát tía, có một cảnh sắc riêng. Đi về phía đông, không bao lâu thì tới bờ Thái Hồ. Thái Hồ nằm vắt qua ba châu, sông ngòi vùng đông nam đều chảy vào đó, vòng vèo năm trăm dặm, thời cổ gọi là Ngũ Hồ. Đứng cạnh hồ chỉ thấy sóng dài xa tít tới tận chân trời, đưa mắt nhìn ra chỉ thấy một màu xanh biếc và bảy mươi hai đỉnh núi xanh thẫm nhô lên trên ba vạn sáu ngàn khoảnh ba đào.

Tịnh độ Tây phương mỗi người có
Không đợi tu trì mới hiện tiền
Chư thượng thiện nhân đều thấy tánh
Phật A Di Đà liền ngang vai.
Vô thỉ vô minh mê huyễn sắc
Hồn mộng sống chết ngàn năm trôi
Một khi lên đường siêu ba cõi
Chỉ niệm Di Đà, về đi thôi.

Nhân duyên pháp hội, nguồn cội giáo khởi. Như thị pháp, đức Phật tuyên. Ở nước Xá Vệ, tuần tự khất thực. Ăn uống xong xuôi, Phật về chỗ ở, lót chỗ mà ngồi, Ngài lặng yên không nói.

Phần thứ nhất: Nhân duyên pháp hội

Tôi nghe như vầy: Một thời Thế tôn ở nước Xá vệ, trong khu lâm viên Chiến thắng Thiện thí, cùng với một ngàn hai trăm năm chục vị đại tỷ kheo. Vào lúc bấy giờ gần đến giờ ăn, nên đức Thế tôn sửa y, cầm bát, đi vào khất thực trong thành Xá vệ. Tuần tự khất thực trong thành này rồi, Ngài về chỗ ở, ăn uống xong xuôi, thu dọn y bát, rửa sạch hai chân và trải đồ lót lót chỗ mà ngồi.

Đức Điều ngự sư đi vào thành Xá Vệ, uy động càn khôn. Chư A la hán vân tập vườn Kỳ Đà, rạng ngời nhật nguyệt. Vào thành trì bát, lý do thương xót nghèo cùng; dọn y rửa chân, chính là thời gian yên nghỉ. Xưa kia, Phật chưa cất lời, đại chúng hiểu được, cũng còn chưa thỏa; sau khi mở lời, chúng ta tiếp nhận, y văn không hiểu. Tông Kính gấp vì cảnh tỉnh, sớm muộn tám khắc[66]. Vì sao? Ngựa hay thấy bóng roi mà chạy[67], A Nan theo lệ hỏi Thế Tôn.

Khất thực trở về hội Cấp Cô
Dọn y xếp bằng rồi yên nghỉ

[66] Ngày xưa tính thời gian 8 khắc làm 1 thời. Một ngày có 12 thời.

[67] Công án: Ngoại đạo hỏi Phật: Chẳng hỏi có lời, chẳng hỏi không lời? Thế Tôn lặng thinh giây lâu. Ngoại đạo tán thán: Thế Tôn đại từ đại bi vẹt mây mù cho con, khiến con được vào. Ngoại đạo đi rồi, A Nan hỏi Phật: Ngoại đạo chứng được cái gì mà nói được vào? Phật bảo: Như ngựa hay ở đời, thấy bóng roi liền chạy. (Bích Nham Lục, Tắc 65)

Chân từ thuyết pháp siêu ba cõi
Điều ngự người trời đắc chân như.
Tây phương bảo hiệu hay trì niệm
Chím phẩm đài sen ắt vãng sanh
Tự tánh Di Đà chớ kiếm ngoài
Chẳng nhọc mười muôn tám ngàn đường.

Thiện Hiện thưa thỉnh, bỗng khởi nghi tâm, chắp tay hỏi Thế Tôn: Cách nào trú ở, sữa chữa tâm mình? Phật dạy như thế, kỹ lưỡng rõ ràng. Băng tan bờ này, không hoa chớ trách Xuân.

Kim cương Bát nhã trí
Chớ hướng ngoại tìm cầu
Không Sanh[68] đến thưa hỏi
Phật dạy có nguyên do.

Phần thứ hai: Thiện Hiện thưa thỉnh

Lúc ấy Thiện Hiện, một vị trưởng lão, cũng có ở trong các đại tỷ kheo. Từ chỗ mình ngồi, trưởng lão đứng dậy, vắt một vạt y, để trần vai phải, đầu gối bên phải quì xuống chấm đất, hai tay chắp lại, cung kính mà thưa: kính bạch Thế tôn, Ngài thật hiếm có; Ngài khéo nâng đỡ cho các Bồ tát, lại khéo giao phó cho các Bồ tát. Kính bạch Thế tôn, thiện nam thiện nữ đã phát tâm nguyện vô thượng bồ đề, thì phải làm sao để ở tâm ấy? Và phải làm sao để sửa tâm mình? Đức Thế tôn dạy: tốt lắm Thiện Hiện; thật đúng như lời trưởng lão đã nói, Như lai rất khéo nâng đỡ Bồ tát, Như lai rất khéo giao phó Bồ tát. Do vậy, trưởng lão, hãy nghe cho kỹ, Như lai sẽ nói cho các vị biết thiện nam thiện nữ phát tâm bồ đề thì bằng cách nào trú ở tâm ấy, và bằng cách nào sửa chữa tâm mình. Trưởng lão thưa rằng, dạ, bạch Thế tôn, chúng con ước muốn được nghe ngài dạy.

[68] Không Sanh, cách dịch khác tên ngài Tu bồ đề. Ngoài Thiện Hiện, Không Sanh, có vị dịch là Thiện Cát, Thiện Thật, Diệu Sanh.

Xưa đẹp thay ngài Thiện Hiện, khen hiếm có đức Từ Tôn, thương xót chúng sanh trược thế, xác quyết yếu nghĩa tâm Bồ đề. Có thể nói, một kinh con mắt cứng chắc[69], ba tạng dứt tuyệt luận bàn, ngàn Thánh không truyền, chư Tổ không nói. Sửa tâm như thế, thuyền nhỏ đã qua hồ Động Đình[70], hộ niệm dặn dò, đâu chỉ mây trắng ngàn vạn lý? Như vậy nghĩa là sao? Phật Tỳ Bà Thi sớm lưu tâm, thẳng đến mà nay không đạt diệu[71].

Hỏi chỗ cao vót, đáp sâu xa
Diệu viên chân tịnh[72] chẳng cần tìm
Thình lình như thế biết đầu đuôi
Lặng hợp Bồ đề đại đạo tâm.
Phật A Di Đà vốn vô tướng
Pháp giới sáng ngời không che giấu
Văn Lộ[73] tán đồng tu Tịnh độ
Đông Pha[74] phát nguyện sanh Tây phương.
Vừa xuất bào thai, lại nhập thai
Thánh nhân thấy biết quá bi ai[75]

---

[69] Bồ đề tâm là con mắt cứng chắc (chánh nhãn = kiên cố nhãn) của kinh Kim cương.

[70] Hồ Động Đình (洞庭湖) là một hồ lớn, nông ở phía Đông Bắc tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc. Đây là hồ điều hòa của sông Dương Tử. Kích thước của hồ phụ thuộc vào mùa, nhưng về tổng thể nó là một trong số bốn hồ nước ngọt có diện tích bề mặt lớn nhất tại Trung Quốc, cùng các hồ như Bà Dương, Hô Luân và Thái Hồ.

[71] Triệu Châu Chân Tế thiền sư ngữ lục (趙州真際禪師語錄), Công án 359: "Một ông Tăng hỏi: Đêm bay lên trời Đâu Suất, ngày giáng xuống cõi Diêm Phù, trong trường hợp đó, vì sao ngọc Ma Ni không xuất hiện? Sư đáp: Ông nói gì? Ông Tăng lập lại câu hỏi. Sư đáp: Phật Tỳ Bà Thi sớm lưu tâm, thẳng đến mà nay không đạt diệu." Lưu tâm là lấy tâm truyền tâm. Diệu là Bồ đề tâm.

[72] Đạo lý vi diệu, viên dung hiển mật, chân thật, thanh tịnh, tức đạo lý chân như.

[73] Văn Lộ Công (文潞公,1006-1097), tức Văn Ngạn Bác (文彥博), Tể tướng đời Tống, đức hạnh công nghiệp trùm khắp triều đình, đề xướng pháp hội niệm Phật, kết duyên vãng sanh với một vạn người.

[74] Tô Đông Pha (蘇東坡, 1037-1101), là nhà văn, nhà thơ nổi tiếng Trung Quốc thời Tống. Tô Đông Pha mỗi khi đến một nơi nào, đều đem theo một bức tượng vẽ đức Phật A Di Đà. Người ta hỏi ông ta đem theo để làm gì. Ông đáp: "Đây là công cứ để sanh về Tây Phương của ta". Từ ngữ Tây Phương công cứ do Tô Đông Pha nói ra đầu tiên. Trên thực tế, Tô Đông Pha không được vãng sanh, vì tập khí văn học quá nặng, sở tri chướng quá sâu.

[75] Ngũ mẫu tử kinh (五母子經, Kinh làm con năm người mẹ, ĐTK 555A) kể về cậu bé mới bảy tuổi, hảo tâm đạo pháp, từ giã mẹ đi xuất gia, theo một vị A-la-hán sống trong núi cầu đạo tu hành, thọ Sa-di giới. Cậu bé tinh tấn tu hành không giải đãi, đến năm tám tuổi đắc được tuệ nhãn nhìn thấy xa vô cực, tai nghe rõ khắp, thấu triệt trời đất, hành động thiện ác ở đâu đều nghe biết, đầy đủ thần thông phi hành tự tại, phân thân biến hoá, không việc gì không làm được. Và quán biết túc mạng của mình, trước đây đã từng làm con của năm người mẹ nên tự nhiên mỉm cười. Sư phụ thấy lạ hỏi, trong núi này không có ca xướng, kỷ nhạc...

Huyễn thân rốt cuộc không thơm sạch
Phá bỏ bình vẽ, về đi thôi.

Đại thừa chánh tông[76], chỉ bày kỹ lưỡng, ý Không Sanh rõ ràng, như thế trú ở, sửa chữa tâm mình. Bốn loài sáu nẻo, không ngã, không nhân[77]. Ai về diệt độ? Cầm lên ở ngay tim.

Một mình ngồi tịch tĩnh
Đất bằng nổi sóng xao
Gió thổi làn sóng chạy
Nước dâng thấy thuyền cao.

Phần thứ ba: Đại thừa chánh tông

Trưởng lão Thiện Hiện, Bồ tát thì phải sửa chữa tâm mình bằng tuệ giác này: Bao nhiêu chúng sinh hoặc sinh bằng trứng, hoặc sinh bằng thai, sinh bằng ẩm thấp, sinh bằng biến hóa, hoặc có hình sắc hoặc không hình sắc, hoặc có tư tưởng, hoặc không tư tưởng, có không tư tưởng, ta làm hết thảy đều được nhập vào niết bàn hoàn toàn mà giải thoát cả. Làm cho vô lượng vô số chúng sinh niết bàn như vậy, mà thật không thấy có chúng sinh nào được niết bàn cả. Tại sao như vậy? Trưởng lão Thiện Hiện, vì nếu Bồ tát mà vẫn còn có ý tưởng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả thì Bồ tát ấy không phải Bồ tát.

Niết bàn thanh tịnh, làm cho hết thảy hàm thức quy y; bốn tướng đều mất, thật không thấy có chúng sanh diệt độ. Liễu ngộ như vậy, nhanh chóng vượt

---

không có gì vui, vậy con cười cái gì, con cười ta chăng? Cậu bé ấy trả lời, con đâu dám cười thầy. Con cười vì con nhớ đời trước đã làm con năm người mẹ. Người mẹ thứ nhất mới sanh con, qua ngày hôm sau con chết. Trong xóm có đứa bé sinh cùng ngày với con, mỗi khi bà thấy đứa kia chơi đùa thì nhớ con khóc. Người mẹ thứ hai cũng vậy, con yểu mệnh chết sớm, thấy người khác cho con bú, bà nhớ con khóc. Làm con người mẹ thứ ba, năm con lên bảy tuổi thì mất, mỗi lần ăn cơm nhớ con bà khóc. Đến người mẹ thứ tư con cũng mất sớm, thấy những đứa trẻ đồng lứa với con trưởng thành cưới vợ, bà lại nhớ con khóc thương. Bây giờ, làm con người mẹ thứ năm, con chí hướng cầu xuất gia, mẹ con duy chỉ có mình con, thương nhớ không biết con sống trong núi nóng lạnh, đói no…. ra sao nên ưu buồn khóc lóc sầu thảm… Con nghĩ một mình mà làm khổ năm người mẹ nên con cười.

[76] Chánh tông của Đại thừa là Bồ đề tâm.

[77] Không có ý tưởng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả.

thoát sống chết. Bốn tướng chưa rời, như cũ bị vô minh che lấp, hình hài trói buộc, hội chưa?

Sanh tử, Niết bàn vốn bình đẳng
Vọng tưởng, Bồ đề đều giả danh
Đức Thế Tôn[78] nhận rõ nguyên nhân
Thật có chúng sanh nhập Niết bàn?
Dứt tuyệt sống lại, không một vật
Liễu tri sanh tử chẳng liên can
Bảy hàng cây báu mỗi người có
Chín phẩm hoa sen khắp chốn khai
Không trải đoạn đường được thấy Phật
Viên âm nghe mãi lòng sáng tỏ
Quăng bỏ Diêm Phù như dép cỏ
Tâm không một vật, không bó buộc
Linh minh một điểm ngàn năm sáng
Siêu nhật nguyệt quang, về đi thôi.

Diệu hành vô trú, nhật nguyệt phân minh, bản thể rời căn trần, bốn phương trên dưới, chiếu sáng vô cùng. Thế Tôn chỉ dạy, mỗi một rõ ràng. Không Sanh tin nhận, oanh về khắp chốn Xuân.

Ma ha Bát nhã tông
Tánh tướng thể thảy đồng
Bốn loài cùng sáu nẻo
Toàn ở trong tĩnh lặng[79].

Phần thứ tư: Diệu hành vô trú

Trưởng lão Thiện Hiện đối với các pháp, Bồ tát không nên trú ở đâu cả mà làm bố thí: không ở nơi sắc mà làm bố thí, không ở nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp, mà làm bố thí. Trưởng lão Thiện Hiện, Bồ tát hãy nên bố thí như thế: không ở đâu cả. Tại sao như vậy, vì nếu Bồ tát không

[78] Chánh văn là Đính môn cụ nhãn. Đính môn là nhục kế của Phật thường phóng hào quang. Cụ nhãn là Phật có đủ Kim cương chánh nhãn.
[79] Từ nhất pháp giới chân tâm biến hiện, mà có ra 10 pháp giới khác biệt.

ở đâu cả mà làm bố thí thì được phước đức không thể lường được. Trưởng lão Thiện Hiện, ông nghĩ thế nào, không gian hướng đông có lường được không? Không, bạch Thế tôn. Trưởng lão Thiện Hiện, không gian hướng nam, hướng tây hướng bắc, và cả bốn góc, cả trên cả dưới, có lường được không? Càng không, bạch Ngài. Trưởng lão Thiện Hiện, Bồ tát bố thí mà không ở đâu thì được phước đức cũng y như thế không thể lường được. Trưởng lão Thiện Hiện, Bồ tát chỉ nên trú ở theo lời Như lai dạy đây.

Trú tướng bố thí, như nhật nguyệt có cùng tận; không dính sáu trần, như hư không không ngằn mé. Mình người cùng lợi, phước đức khó lường. Cởi mở vận dụng linh thông, rộng rãi dọc ngang tự tại. Hãy nói, còn có chỗ trú trước nào nữa? Diệu thể xưa nay không xứ sở, pháp thân vô tướng sao có dấu.

Vận tâm thí độ khế chân thường
Phước bằng hư không chẳng thể lường
Trên cây vô ảnh hoa nở rộ[80]
Từ người rải cúng Pháp trung vương.
Đầu đội chân đạp đều là đạo
Di Đà vốn không trú Tây phương
Pháp thân đầy khắp ba ngàn cõi
Hóa thân biến thành mười hai Quang[81].
Đường qua Mang Sơn nhiều cổ mộ[82]
Hoài Âm công nghiệp[83] sự xót xa
Giàu nghèo sang hèn như giấc mộng

---

[80] Cây vô ảnh chỉ cho chân đế. Hoa nở rộ chỉ cho tục đế.

[81] Vô Lượng Quang Phật, Vô Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật, Vô Đối Quang Phật, Diễm Vương Quang Phật, Thanh Tịnh Quang Phật, Hoan Hỷ Quang Phật, Trí Tuệ Quang Phật, Bất Đoạn Quang Phật, Nan Tư Quang Phật, Vô Xứng Quang Phật và Siêu Nhật Nguyệt Quang.

[82] Núi Mang Sơn ở Hà Nam, cách thành Lạc Dương 11 dặm, có rất nhiều lăng tẩm và mộ các danh thần, danh tướng đời Đông Hán và đời Đường.

[83] Hàn Tín (韓信, 229 – 196 TCN), còn gọi là Hoài Âm hầu (淮陰候), là một danh tướng bách chiến bách thắng, thiên hạ vô địch, được vua Hán Cao Tổ ca ngợi là "Nắm trong tay trăm vạn quân đã đánh là thắng, tiến công là nhất định lấy thì ta không bằng Hoài Âm Hầu".[1] thời Hán Sở tranh hùng, là 1 trong "tam kiệt nhà Hán" có công rất lớn giúp Hán Cao Tổ Lưu Bang đánh bại Hạng Vũ lập nên nhà Hán kéo dài 400 năm. Về sau ông bị Lưu Bang đối xử bạc bẽo và chết trong oan khuất.

Đến khi tỉnh mộng, về đi thôi.

Như lý thật thấy, rõ ràng nói phá. Ý Không Sanh thế nào? Đất nước lửa gió, bốn đại hòa hợp. Mây đến mây đi, lại không việc khác, bọt nổi bọt chìm, vốn chẳng một hay nhiều.

Như như chân diệu lý
Trong suốt tự nhiên quán
Tròn sáng chân thật thấy
Nơi nào cũng an nhiên.

Phần thứ năm: Như lý thật thấy

Trưởng lão Thiện Hiện, ông nghĩ thế nào, đối với Như lai, có thể hay không thấy bằng đặc tướng? Không, bạch Thế tôn, không thể thấy Ngài bằng các đặc tướng; tại sao như vậy, vì theo Ngài dạy thì các đặc tướng là phi đặc tướng. Đức Thế tôn bảo trưởng lão Thiện Hiện, hễ có đặc tướng thì đặc tướng ấy toàn là giả dối, nếu thấy đặc tướng là phi đặc tướng thì thấy Như lai.

Kim thân sáng rỡ, sừng sững ngọn núi giữa biển cả; diệu tướng trang nghiêm, sáng rỡ trăng tròn giữa ngàn sao. Tuy là như vậy, hoàn toàn phi chân. Kinh ghi rằng: "Sợ mê lầm chấp là chân hay phi chân, nên Như Lai thường không giảng nói.[84]" Hãy nói, nghĩa lý ở đây là gì? "Một vầng trăng in bóng khắp sông hồ; trăng vô số chỉ một trăng duy nhất.[85]"

Báo, hóa phi chân rõ vọng duyên
Pháp thân thanh tịnh rộng vô biên
Ngàn sông có nước, ngàn sông nguyệt

[84] Kinh Thủ Lăng Nghiêm: Đà na vi tế thức, Tập khí thành bộc lưu, Chơn phi chơn khủng mê, Ngã thường bất khai diễn. (Thức A đà na (thức thứ tám) rất là tinh tế, các chủng tử trong thức này nó sanh diệt rất vi tế, như giòng nước chảy mau. Ta đối với phàm phu và tiểu thừa không hề giảng nói (thức này) vì sợ chúng mê lầm chấp là "chân" hay là "vọng")

[85] Chứng đạo ca: Nhất nguyệt phổ hiện nhất thiết thủy, Nhất thiết thủy nguyệt nhất nguyệt nhiếp.

Muôn dặm không mây muôn dặm thiên[86].
Sanh mạng vô thường thở ra vào
Mắt xem mặt trời lặn phương Tây
Núi báu trải chân trời ngoảnh lại
Một khi mất thân muôn kiếp được
Kính lễ Di Đà chân Thánh chủ
Thân ngồi đài bảy báu vàng tía
Bốn mươi tám nguyện không gián đoạn
Nhiếp thọ chúng sanh, về đi thôi.

Chánh tín hy hữu, nhất niệm không sai. Tâm nội ngoại, chớ thủ pháp. Tâm nếu thủ pháp, phàm Thánh đều khác. Tâm nếu vô niệm, thường bị ráng mây. Viên minh một điểm, Xuân về cây nở hoa.

Vọng tâm đều quét sạch
Chánh tín chớ sanh nghi
Niệm niệm không sai biệt
Xứ xứ phát chân cơ.

Phần thứ sáu: Chánh tín hy hữu

Trưởng lão Thiện Hiện; bạch đức Thế tôn, có thể có ai nghe pháp thoại này mà sinh đức tin đúng chân lý không? Đức Thế tôn dạy, đừng hỏi như vậy, trưởng lão Thiện Hiện; sau khi Như lai nhập niết bàn rồi, năm trăm năm sau, có ai giữ giới, làm phước, tu tuệ, thì với pháp thoại như thế này đây, có thể tin tưởng đúng với chân lý. Trưởng lão phải biết những người như vậy không chỉ gieo trồng gốc rễ điều lành nơi một đức Phật, nơi hai đức Phật, nơi ba bốn năm đức Phật mà thôi, mà đã gieo trồng gốc rễ điều lành ở nơi vô số ngàn vạn đức Phật. Những người như vậy mà được nghe đến pháp thoại thế này thì dầu đến nỗi chỉ một ý niệm tin tưởng trong sáng, Như lai cũng vẫn biết và thấy rõ họ thực hiện

[86] Nghe danh vua Trần Thái Tông, vị tăng tên Đức Thành, người Tống đến hỏi: Đức Thế Tôn chưa rời Đâu suất đã giáng vương cung, chưa ra khỏi thai mẹ độ hết chúng sanh là thế nào? Ngài đáp: Thiên giang hữu thủy thiên giang nguyệt, Vạn lý vô vân vạn lý thiên. Vua Trần Thái Tông đã ngộ câu "Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" trong khi tụng kinh Kim Cương.

được vô lượng phước đức. Tại sao như vậy, vì những người này không còn có nữa ý tưởng ngã nhân chúng sinh thọ giả, không còn có nữa ý tưởng về pháp và về phi pháp. Nếu những người này còn có ý tưởng chúng sinh thọ giả, còn ý tưởng pháp là còn ngã nhân, chúng sinh thọ giả, còn tưởng phi pháp là còn ngã nhân chúng sinh thọ giả. Vì lý do ấy, đừng nắm lấy pháp, lại càng đừng nên nắm lấy phi pháp. Do ý nghĩa này Như lai thường nói, các vị Tỷ kheo hãy nhận thức rằng pháp Như lai nói tựa như chiếc bè: pháp còn phải bỏ, huống chi phi pháp?

Nhân thắng quả thắng, tín tâm thấy rõ không nghi; nhân không pháp không, chân tánh xưa nay bình đẳng. Cho dù danh tướng đều diệt, thủ xả đều hết, vẫn còn ý niệm chiếc bè. Ôi! Búng tay đã qua biển sanh tử, cần chi tìm kiếm thuyền đưa người.

Thiện căn thành thục tín không nghi
Thủ tướng, cầu huyền, chuyển ngược lại
Nhất niệm đốn siêu ngoài không kiếp
Vốn xưa không nhận Lão Hồ hội[87].
Chim Tần già còn biết quy hướng
Khổng tước do nghe được hóa sanh
Thời tiết nhân duyên chớ lần lữa
Lầu cao tàn trống đúng sơ canh
Thế Chí, Quán Âm hoài bi mẫn
Bình báu, nhành dương rưới tam tai
Nguyện sanh Tịnh độ Di Đà Phật

---

[87] Chỉ hứa lão hồ tri, bất hứa lão hồ hội (只許老胡知, 不許老胡會): Tiếng dùng trong Thiền lâm. Có nghĩa là đạo Phật chỉ có thể dùng chân trí mà thâm nhập, khế hợp chứ không thể dùng tri thức biện bác ngoài đời mà có thể hiểu hoặc lãnh hội được. Lão hồ (già Hồ), chỉ Sơ tổ của Thiền tông Trung quốc, tức Ngài Bồ đề đạt ma. Ngài Đạt ma là người miền nam Thiên trúc, nhưng Trung quốc thấy ngài là người khác tộc đến từ phương tây, nên phần nhiều quen gọi ngài là Người Hồ. Thiền lâm cũng do đó gọi đùa ngài Đạt ma là Lão Hồ. Cái biết của lão Hồ, tức chỉ Trí của ngài Đạt ma, nhưng ở đây hàm ý thể hội chân lý, khế hợp với chân trí, cái hội của Lão Hồ thì chỉ tác dụng sau khi đã phân biệt phán đoán rồi sau mới hiểu và hợp với chân trí. Nhưng Phật đạo thiền chỉ đều phải dùng chân trí mà thể nhập khế ngộ, chứ không thể dùng công phu phân biệt phán đoán của thế trí biện thông, cho dù Tổ sư Đạt ma cũng không thể đem trí thức ngoài đời mà hiểu tỏ được. Bích nham lục tắc 51 (Đại 48, 186 hạ), nói: Các người có hiểu được câu rốt cùng không? Chỉ chấp nhận Lão Hồ biết, chứ không chấp nhận Lão Hồ hội. Từ xưa đến nay công án vạn biệt thiên sai, cũng giống như rừng gai gốc vậy.

Tiếp dẫn chúng sanh, về đi thôi.

Không đắc không thuyết[88], ai xác định cái tên? Ý Không Sanh rõ ràng, Như Lai đã nói, vô thủy vô chung. Mây trôi suối vắng, trăng chiếu hư không. Ngàn pháp, muôn pháp, đều từ một pháp sanh.

Thủ xả đều khó được
Vô tâm thể tự nhiên
Xưa nay thường tịch tĩnh
Không nói cũng không truyền.

Phần thứ bảy: Không đắc không thuyết

Trưởng lão Thiện Hiện, ông nghĩ thế nào, phải chăng Như lai được vô thượng giác? phải chăng Như lai có sự thuyết pháp? Trưởng lão thưa rằng kính bạch Thế tôn, theo con hiểu biết ý của Ngài nói, thì không thể có một pháp khẳng định để được mệnh danh là vô thượng giác, cũng không thể có một pháp khẳng định để được gọi là Thế tôn thuyết pháp. Tại sao như vậy, vì Pháp Ngài nói không thể nắm lấy không thể diễn tả, không phải là pháp, không phải phi pháp, lý do là vì hết thảy hiền thánh toàn do Vô vi biểu hiện khác biệt.

Đắc cũng phi, thuyết cũng phi, pháp luân Năng Nhân như điện chớp. Thủ không được, xả không được, lưỡi Không Sanh tuôn lời cuồn cuộn. Hãy nói, pháp Vô vi làm sao lại có sai biệt? Đầm biếc ngàn xưa nguyệt trong không, ba phen mò mẫm mới biết được[89].

---

[88] Không có định pháp để đắc Bồ đề, không có định pháp có thể thuyết.

[89] Câu thiền ngữ này bàng bạc trong nhiều thiền sư ngữ lục. Sư Thiện Chiêu (947-1024) họ Du quê ở Thái Nguyên (Trung Quốc). Thuở bé, Sư bẩm tánh thâm trầm, ít chịu trang sức, có trí tuệ lớn, tất cả văn tự không do thầy dạy mà tự thông hiểu. Năm mười bốn tuổi, cha mẹ lần lượt qua đời, sống trong cảnh cô quả, Sư phát tâm xuất gia. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư quảy gói du phương. Đến nơi nào, Sư dừng lại thời gian ngắn, không thích ngắm sơn ngoạn cảnh, chỉ vì mở sáng mắt đạo mà thôi. Sư đã tham vấn qua bảy mươi mốt vị tôn đức, rốt sau mới đến Thủ Sơn Thiền sư Niệm. Thủ Sơn lên tòa. Sư ra hỏi:- Bá Trượng cuốn chiếu, ý chỉ thế nào? Thủ Sơn đáp:- Áo rồng vừa phất toàn thể hiện. Sư hỏi:- Ý Thầy thế nào? Thủ Sơn đáp:- Chỗ tượng vương đi bặt dấu chồn. Qua câu nói này, Sư đại ngộ liền đảnh lễ, rồi thưa: - Đầm biếc ngàn xưa nguyệt trong không, ba phen mò mẫm mới được biết (vạn cổ bích đàm không giới nguyệt, tái tam lao lộc thủy ưng tri). Sư dừng lại đây hầu hạ thời gian rất lâu.

Mây cuộn trời Thu nước bóng trăng
Sáng dịu vằng vặc đẹp khó bàn
Bao la thấu đất thông thiên nhãn
Đại đạo rõ ràng chẳng cần tham.
Tây phương thắng cảnh không sáng tối
Trái lại nhân gian nửa đêm khuya
Trống điểm canh năm ngay giờ Tý
Một vầng trăng sáng giữa trời trong.
Chớ cài trâm rồng cùng trâm phụng
Đừng thoa son phấn dơ má môi
Pháp thân thanh tịnh vốn vô cấu
Thể lộ rực rỡ, về đi thôi.

Y pháp xuất sanh, muôn pháp đều chân, vốn từ một pháp sanh. Bốn loài sáu nẻo, tình và vô tình. Sơn hà đại địa, thể lộ rõ ràng. Trâu bùn hút nước, Hoàng hà đáy trong vắt.

Núi sông bàn tay phẳng
Không hoại cũng không thành
Ngàn sai và muôn khác
Trong Kim cương giới sanh.

Phần thứ tám: Y Pháp xuất sanh

Trưởng lão Thiện Hiện, ông nghĩ thế nào, có ai đem cho đủ hết bảy loại vàng ngọc chất đầy đại thiên thế giới, thì người cho ấy được phước nhiều không? rất nhiều, bạch Ngài; vì phước đức ấy Ngài đã nói là tính phi phước đức, thế nên Ngài nói phước đức rất nhiều. Trưởng lão Thiện Hiện, nhưng nếu có ai từ pháp thoại này tiếp nhận ghi nhớ dầu là chỉ được chỉnh cú bốn câu, và biết đem nói cho bao người khác, thì phước người ấy vẫn hơn người trước. Tại sao như vậy, vì lẽ, trưởng lão, hết thảy Phật đà cùng với Phật pháp - Pháp vô thượng giác của các Phật đà - toàn là xuất ra từ pháp thoại này. Trưởng lão Thiện Hiện, gọi là Phật

pháp thì Như lai nói là phi Phật pháp, thế nên Như lai nói là Phật pháp."

Báu đầy Tam thiên, tài thí có tận; kệ tuyên bốn câu, pháp thí vô cùng. Phát sanh trí tuệ quang minh, lưu xuất chân như diệu đạo. Lý do tán dương đức thắng, liễu đạt tánh không, thấu suốt bản nguyên của chư Phật, mở ra con mắt của một kinh. Có thấy bốn câu thân thiết chỗ nào? Chân tánh rỗng sáng y Bát nhã, chẳng nhọc búng tay chứng Bồ đề.

Xin đem bảy báu thí Tam thiên
Thượng căn nghe ngộ nhờ tứ cú
Trong vô lượng kiếp chư Phật Tổ
Do pháp thí siêu xuất Niết bàn[90].
Đèn tuệ không tắt, ma khó nhập
Gương trí thường soi, mộng chẳng xâm
Than ôi chúng sanh thường ngủ gật
Vì sao muôn kiếp mặc hôn trầm.
Đầu tóc rối bời, trâm tre cài
Đôi vai gầy gánh nước, gánh củi
Một đời nghèo cùng nhiều nỗi khổ
Chán chê thân gái, về đi thôi.

Nhất tướng vô tướng, vốn tự như nhiên, không nơi miệng tuyên truyền. Năm quả bốn hướng[91], ai sau ai trước? Một chút không mang, muôn pháp tròn đầy, tròn sáng sung mãn, vô tâm chiếu Đại thiên.

---

[90] Niết bàn vô trú là bỏ tạp nhiễm (phiền não) mà không bỏ sinh tử, nên không trú nơi sinh tử mà cũng không trú nơi Niết bàn, nên nói siêu xuất Niết bàn.

[91] Năm quả chỉ cho ngũ quả Bất hoàn: Trong quả Bất hoàn (A na hàm) có thể phân ra làm năm loại, gọi là ngũ chủng bất hoàn, có nơi còn gọi là ngũ chủng A na hàm, ngũ bất hoàn quả, hay ngũ chủng ban, đó là: (1) Trung ban, chỉ cho Thánh giả bất hoàn quả khi chết ở cõi Dục được sanh về cõi Sắc, ở vị "trung hữu" của Sắc giới mà nhập vào Bát Niết bàn. (2) Sanh ban, Thánh giả đã sanh về Sắc giới không lâu có khả năng phát khởi Thánh đạo, đoạn trừ được hoặc nghiệp của Vô sắc giới mà Bát Niết bàn. (3) Hữu hành ban, Thánh giả sanh vào cõi Sắc, tinh tấn thực hành thêm, qua thời gian lâu dài hơn nữa mà vào Bát Niết bàn. (4) Vô hành ban, hành giả sanh về cõi sắc, nhưng chưa tinh tấn thực hành thêm, phải trải qua lâu ngày chầy tháng mới đoạn trừ được hoặc nghiệp của cõi Vô sắc mà vào Bát Niết bàn. (5) Thượng lưu ban, trước hành giả sinh về sơ thiền cõi Sắc, dần dần sanh lên trong các trời khác ở cõi Sắc, cuối cùng đến trời Sắc cứu cánh hoặc trời Hữu đảnh mà nhập Bát Niết bàn. Bốn hướng: 1. Tu đà hoàn (Dự lưu). 2. Tư đà hàm (Nhất lai). 3. A na hàm (Bất hoàn, Bất lai). 4. A la hán (Vô học). Mỗi quả vị được xem như có hai bậc: chuẩn bị

Năm quả cùng bốn hướng
Bản thể vốn vô tướng
Hai mắt không giống nhau
Lỗ mũi chung một dạng.

Phần thứ chín: Nhất tướng vô tướng

Trưởng lão Thiện Hiện, ông nghĩ thế nào, vị Tu đà hoàn có ý nghĩ rằng ta được đạo quả Tu đà hoàn chăng? Trưởng lão thưa Ngài, không, bạch Thế tôn ; tại sao như vậy, vì Tu đà hoàn là Vào dòng nước, thế nhưng thật ra không có cái gì nhập vào đâu cả: không nhập sắc thanh, hương, vị, xúc, pháp, nên được mệnh danh là Tu đà hoàn. Trưởng lão Thiện Hiện, ông nghĩ thế nào, vị Tư đà hàm có ý nghĩ rằng ta được đạo quả Tư đà hàm chăng? Trưởng lão thưa Ngài, không, bạch Thế tôn; tại sao như vậy, vì Tư đà hàm là Một trở lại, thế nhưng thật ra không có cái gì một lần trở lại, nên được mệnh danh là Tư đà hàm. Trưởng lão Thiện Hiện, ông nghĩ thế nào, vị A na hàm có ý nghĩ rằng ta được đạo quả A na hàm chăng? Trưởng lão thưa Ngài, không, bạch Thế tôn; tại sao như vậy, vì A na hàm là Không trở lại, thế nhưng thật ra không có cái gì không còn trở lại, nên được mệnh danh là A na hàm. Trưởng lão Thiện Hiện, ông nghĩ thế nào, vị A la hán có ý nghĩ rằng ta được đạo quả A la hán chăng? Trưởng lão thưa Ngài, không, bạch Thế tôn; tại sao như vậy, vì lẽ thật ra không có cái gì là A la hán, nên được mệnh danh là A la hán. Kính bạch Thế tôn, nếu vị La hán nghĩ rằng mình được đạo quả La hán, thì như thế là chấp trước ngã nhân, chấp trước chúng sinh, chấp trước thọ giả. Bạch Ngài, Ngài nói trong số những người được định Không cãi, con là hơn hết, con là La hán ly dục bậc nhất; nhưng con không có ý nghĩ mình là một vị La hán ly dục bậc nhất. Nếu con còn nghĩ mình là

---

chứng nhập quả vị, gọi là Hướng, và đã thể nhập quả vị rồi, gọi là Quả. Tu đà hoàn hoàn tất việc trừ sạch các Kiến hoặc trong tam giới (còn gọi là 88 sử), chứng được Ngũ thập tâm trong Kiến đạo, xong giai đoạn nầy gọi là Dự lưu hướng, thể nhập địa vị Tu đạo, là đạt Dự lưu quả. Tiến vào giai vị Nhất lai, hành giả phải giải trừ 6 phẩm đầu trong 9 phẩm phiền não Tu hoặc, là chứng được quả vị nầy. Rồi hành giả tiến vào giai vị Bất lai, phải giải trừ sạch 3 phẩm phiền não Tu hoặc. Trong giai vị A la hán cuối cùng, hành giả giải trừ vĩnh viễn mọi phiền não, và thể nhập Niết bàn.

La hán, thì Ngài không nói Thiện Hiện là người thích thú làm theo chánh định Không cãi; vì con không còn làm theo gì cả, nên Ngài nói con theo định Không cãi.

Người trời qua lại, các lậu chưa trừ[92]. Đạo quả đều quên, Vô tránh bậc nhất[93]. Siêu phàm nhập Thánh, từ đầu khám chứng. Tương lai chuyển vị, hồi cơ thấu nguồn, đều khiến bỏ đi. Còn có nghi ngờ nào nữa?

Chớ bảo vô tâm ấy là đạo
Vô tâm còn cách một lớp rào
Quả vị Thanh văn tốt riêng mình
Vắng lặng trong định vốn phi chân
Hồi tâm vào thẳng biển Như Lai
Quay ngược thuyền từ tiếp độ người.
Bên lầu họa, trống tàn canh năm
Chúng sanh tranh cãi do mắt nhắm
Chưa thấy tánh, ngày Xuân rực rỡ
Chìm vào đêm khuya tối bao trùm.
Quốc độ Cực Lạc thật yên vui
Không có tám nạn cùng ba tai
Thường nghe nhạc trời vang không trung
Xin khuyên Tây phương, về đi thôi.

Trang nghiêm Tịnh độ, trên gấm thêm hoa, uổng công đi đếm cát. Nhiên Đăng xưa thành Phật, thọ ký không sai. Do gió thổi lửa, sau rốt đưa hoa. Người nào hiểu được, Ca Diếp liền mỉm cười.

Trang nghiêm sanh Tịnh độ
Mạt vàng rơi trong mắt[94]
Sơ sanh vừa tiết lộ
Sau rốt lại đưa hoa.

---

[92]Chỉ cho bậc sơ quả Tu-đà-hoàn, dù chưa vượt thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử, hành giả không còn bị thối chuyển và chắc chắn sẽ đạt quả vị A La Hán sau bảy lần tái sanh giữa cõi nhân Thiên.

[93] Chỉ cho bậc A-la-hán, đã đoạn kiến hoặc, tư hoặc, không chấp đắc đạo, đắc quả, chứng vô tránh tam muội (chánh định Không cãi).

[94] Mạt vàng tuy quí, rơi trong con mắt cũng thành bệnh. Mạt vàng cũng giống như hạt bụi mà thôi.

Phần thứ mười: Trang nghiêm Tịnh độ

Đức Thế tôn bảo trưởng lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, Như lai xưa kia nơi đức Nhiên đăng, được pháp gì chăng? Không, bạch Thế tôn; nơi đức Nhiên đăng, thực sự Thế tôn không được pháp gì. Trưởng lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, phải chăng Bồ tát trang hoàng cõi Phật? Không, bạch Thế tôn; lý do là vì trang hoàng cõi Phật, sự trang hoàng ấy Thế tôn đã nói là phi trang hoàng, thế nên Ngài nói đó là trang hoàng. Do vậy, trưởng lão, Bồ tát đại sĩ hãy sinh cái tâm trong sạch như vầy: không ở nơi sắc mà sinh tâm ra, không ở nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp, mà sinh tâm ra; hãy đừng ở vào bất cứ chỗ nào mà sinh tâm ra. Trưởng lão Thiện hiện, ví dụ có người thân thể cao lớn như núi Tu di, ông nghĩ thế nào, thân ấy lớn không? rất lớn, bạch Ngài; tại sao, bởi vì Ngài nói thân lớn là phi thân lớn, thế nên Ngài nói đó là thân lớn.

Như Lai nối lửa Nhiên Đăng, thật không có pháp khả đắc; Bồ tát trang nghiêm Phật độ, phải không sở trú mới sanh tâm. Các vọng tiêu vong, nhất chân thanh tịnh. Xưa xem diệu chỉ của kinh Pháp Hoa, tự mình cảm lời khuyến khích của Phổ Hiền, thanh tịnh thân tâm, an cư cầu thật. Thầm khế áo nghĩa, hiểu rõ nhân trước, thẳng được tâm pháp đều quên, căn trần đều mất. Hãy nói, trang nghiêm cái gì vậy? Búng tay viên thành tám vạn môn, sát na diệt mất ba kỳ kiếp.

Trong chánh pháp nhãn không sở đắc
Ngoài niết bàn tâm dối trang nghiêm
Sáu trần không tịch không người hiểu
Xô ngã Tu di, nhúng mặt trăng.
Trăm năm thời gian một sát na
Sớm mai tịnh khẩu niệm Di Đà
Xem kinh, đọc tụng không ngừng nghỉ
Tương lai chắc khỏi qua Nại hà.
Tạo luận, hoằng kinh đại biện tài
Mã Minh, Long Thọ và Thiên Thai

Khuê Phong cho đến ngài Thanh Lương[95]
Đều khuyên Tây phương, về đi thôi.

Vô vi phước thắng, bốn câu đáng khen, như bụi so với cát. Trú tướng bố thí, phàm Thánh đều sai. Không đến không đi, trăng chiếu bên rèm. Cái cây không rễ, thường nở hoa bốn mùa.

Bốn câu dứt ngợi khen
Hà sa số dần nhiều
Đếm ra không một pháp
Tịnh xứ ta bà ha.

Phần thứ mười một: Vô vi phước thắng

Trưởng lão Thiện hiện, giả thiết sông Hằng có bao nhiêu cát, thì mỗi hạt cát, là một sông Hằng, ông nghĩ thế nào, số cát tất cả sông Hằng như vậy nhiều hay không nhiều? Rất nhiều, bạch Ngài; số lượng sông Hằng đã là vô số, huống chi số cát những sông Hằng ấy. Trưởng lão Thiện hiện, với lời nói thật, Như lai hôm nay nói với trưởng lão: giả sử thiện nam hay thiện nữ nào đem hết bảy loại vàng ngọc chất đầy thế giới đại thiên nhiều như số cát những sông Hằng ấy mà làm bố thí, thì phước họ được là nhiều hay ít? Trưởng lão kính thưa, rất nhiều, bạch Ngài. Trưởng lão Thiện hiện, nếu có thiện nam hay thiện nữ khác với pháp thoại này, tiếp nhận ghi nhớ dầu chỉ bốn câu, và biết đem nói cho bao người khác, thì phước người này hơn phước người trước.

Chứa đầy hằng sa bảy báu, bố thí khắp cả ba ngàn. Phước đức rõ ràng, nhân quả không lầm. Đem nói kệ tụng bốn câu, hơn vạn lần phước người trước. Dụng chân trí để soi ngu, như dòng xiết thì lui mau. Hãy nói, sau khi thoái lui thì thế nào? Voi dẫm hằng sa xuyên suốt qua, đại thiên sa giới tan trăm mảnh.

Tăng thêm bảy báu đầy hằng sa
Như bỏ đào ngọt tìm khổ qua

[95] Hoa Nghiêm tông: Tạo luận có ngài Long Thọ, Mã Minh. Hoằng kinh Hoa Nghiêm có ngài Đỗ Thuận (557-640), Trí Nghiễm (602-668), Pháp Tạng (643-712), Thiên Thai Trí Khải (538-597), Khuê Phong Tông Mật (780-841), Thanh Lương Trừng Quán (738-839).

Bỗng ngộ chân không vốn bất hoại
Trăm ngàn tam muội đều không hoa.
Trăm năm thời gian như khoảnh khắc
Rong ruỗi bất định trong thoáng chốc
Phiền ông thử quán chiếu hình hài
Nhiều ít anh hùng đi không về.
Thế Chí bi quang bặt bụi hồng
Quốc độ vi trần hiện Như Lai
Tâm lượng hạnh nguyện theo Quán Âm
Tiếp dẫn chúng sanh, về đi thôi.

Tôn trọng chánh giáo, ai dám khinh mạn? Tháp miếu ở bên thân, mọi người vốn có, ai cũng đồng nhất. Kim cương bảo tạng, thể tự tròn đầy. Trở về tín thọ, đưa lên tự xem xét.

Đứng ngồi đều tôn trọng
Thường ở trước tháp miếu
Chân như vốn bất động
Nơi nào cũng an nhiên.

Phần thứ mười hai: Tôn trọng chánh giáo

Thêm nữa, trưởng lão, chỗ nào giảng dạy pháp thoại như vầy, dầu chỉ bốn câu, trưởng lão cũng phải nhận thức chỗ ấy, tất cả thế giới chư thiên nhân loại và a tu la đều nên hiến cúng chùa tháp Như lai. Huống chi có người tiếp nhận ghi nhớ, đọc xét văn nghĩa, tụng được thuộc lòng, giảng nói cho người trọn pháp thoại này; trưởng lão phải biết người ấy đạt được cái pháp tối thượng hiếm có bậc nhất, và những địa điểm người ấy giảng dạy pháp thoại như vầy là có Như lai hay có các vị đệ tử cao trọng.

Thương xót ba căn[96], tùy thuyết đến nhân thiên kính ngưỡng; thọ trì bốn câu, đều phải như tháp miếu tôn sùng. Thường hành cái tâm vô niệm, thật là cái

[96] Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát. Thương xót ba căn mà Phật nói giáo pháp ba thừa.

pháp hiếm có. Vì sao gọi cái pháp tối thượng bật nhất? Chẳng phải riêng mình nay thông hiểu, hằng sa chư Phật đồng nhất thể.

Chỗ giảng tùy nghi chẳng trệ không
Khuyên trì bốn câu để lưu thông
Trời rồng che chở tôn như tháp
Công đức vô biên khen không cùng.
Trăm năm thời gian người đầu bạc
Núi xanh nước chảy đến hôm nay
Mở mắt nhận ra lai sanh lộ[97]
Chẳng học ngu si lầm dụng tâm.
Lâm chung niệm Phật thấy bảo đài
Tràng phan, bảo cái đầy hư không
Quán Âm, Thế Chí, đức Di Đà
Chắp tay theo cùng, về đi thôi.

Như pháp thọ trì, ai dám khinh người? Tu bồ đề, ông nghĩ thế nào? Như lai vì ông, mỗi một giải nói. Chốn mây trắng tan, trăng soi sông Thiền. Văn Thù không xa, ngưng du sơn lễ sườn núi[98].

Như pháp kính thọ trì
Phước đức hơn Tu di
Mây trắng xua tan hết
Trăng sáng mới rực rỡ.

Phần thứ mười ba: Như pháp thọ trì

Vào lúc bấy giờ trưởng lão Thiện hiện bạch đức Thế tôn, pháp thoại như vầy nên gọi tên gì? chúng con cần phải ghi nhớ thế nào? Đức Thế tôn dạy, trưởng lão Thiện hiện, pháp thoại như vầy nên gọi tên là Kim cương bát nhã ba la mật đa, trưởng lão hãy nhớ pháp thoại như vầy qua danh hiệu ấy. Tại sao như vậy, trưởng lão Thiện hiện, bởi vì bát nhã

---

[97] Con đường lai sanh. Lai viết gọn cho vô khứ vô lai (không đến không đi). Sanh là không sanh không diệt.

[98] Ngài Đỗ Thuận, Sơ Tổ tông Hoa Nghiêm, dẫn đệ tử lên Ngũ đài sơn, có làm bài kệ: Chơi núi nước mênh mông, Đài sơn lễ sườn núi, Văn Thù chỉ đây là, Sao còn tìm Di Đà. (Du tử mạn ba ba, Đài sơn lễ thổ pha, Văn Thù chỉ giá thị, Hà cánh mịch Di Đà. 遊子漫波波，臺山禮土坡，文殊只這是, 何更覓彌陀)

ba la mật đa thì Như lai nói là phi bát nhã ba la mật đa, thế nên Như lai nói là bát nhã ba la mật đa.

Trưởng lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, Như lai có sự thuyết pháp hay không? Trưởng lão thưa Ngài, không, bạch Thế tôn, Thế tôn không có thuyết pháp gì cả.

Trưởng lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, thế giới đại thiên có bao vi trần, số lượng nhiều không? rất nhiều, bạch Ngài. Trưởng lão Thiện hiện, những vi trần ấy, Như lai nói chúng là phi vi trần, thế nên Như lai nói là vi trần. Và bao thế giới, Như lai cũng nói những thế giới ấy là phi thế giới, thế nên Như lai nói là thế giới.

Trưởng lão Thiện hiện trong ý của ông, ông nghĩ thế nào, có thể hay không nhìn thấy Như lai bằng ba mươi hai đặc tướng siêu nhân? Không, bạch Thế tôn; tại sao như vậy, vì các đặc tướng thì Thế tôn nói là phi đặc tướng, thế nên Thế tôn nói là đặc tướng.

Trưởng lão Thiện hiện, nếu có thiện nam hay thiện nữ nào đem thân mạng mình bằng cát sông Hằng mà bố thí cả, và có người khác với pháp thoại này tiếp nhận ghi nhớ dầu chỉ bốn câu, và đem giảng nói cho bao người khác, thì phước người này quá nhiều hơn nữa.

Đại giác tôn, xưa nay chẳng lập một chữ, vẫn chỉ thẳng tâm người; Tu bồ đề, vô cớ riêng thỉnh gọi tên, chỉ gắng gượng sanh thêm phiền toái. Giả dụ tách thế giới ra thành vi trần, không hình tướng có thể tìm thấy; bố thí thân mạng bằng cát sông Hằng, không pháp thoại có thể tuyên thuyết. Hãy nói, phụng hành nghĩa là gì? Gươm báu Kim cương nhờ trời lạnh, ngoại đạo tà ma thảy vỡ đầu.

Bát nhã vốn không một chữ cái
Chân không ai dám cưỡng an danh?
Vô cớ nhô vượt Kim cương nhãn
Chiếu phá ma vương tám vạn thành.
Trăm năm thời gian không sợ hãi
Già đến lấy gì làm tiền trình?
Chỉ nhờ kinh quyển ba ngàn tạng
Chớ nhận hư hoa chết một đời.
Bát nhã hiện tiền không quái ngại

Thân trùm vũ trụ[99] chớ hoài nghi
Hư không đè phá, khó chứa giấu
Đại đạo rõ ràng, về đi thôi.

Ly tướng tịch diệt, ai sanh khởi phân biệt? Có miệng nhưng khó nói. Năm trăm năm sau, cắt đứt phiền toái, nên không một niệm dối trá ngôn thuyết. Thành đạo chứng quả, mây tan trăng muôn nhà.

Ly tướng tức phi thuyết
Xưa nay thường tịch diệt
Không khởi một niệm tâm
Mặc ông chia phiền toái.

Phần thứ mười bốn: Ly tướng tịch diệt

Vào lúc bấy giờ, trưởng lão Thiện hiện nghe pháp thoại này, lĩnh hội sâu xa, lòng đầy xúc cảm, rơi lụy mà khóc. Trưởng lão thưa rằng, thật quá hiếm có, kính bạch Thế tôn; Ngài đã tuyên thuyết pháp thoại cực sâu. Từ khi có được con mắt tuệ giác cho đến ngày nay, con chưa nghe được pháp thoại như vầy. Bạch Ngài, có ai nghe pháp thoại này tin tưởng trong sáng và phát sinh được cái tuệ giác thật, thì biết người ấy đạt được công đức hiếm có bậc nhất. Kính bạch Thế tôn, tuệ giác thật ấy thì Ngài nói là phi tuệ giác thật, thế nên Ngài nói là tuệ giác thật. Kính bạch Thế tôn, hôm nay con được nghe pháp thoại này, tin tưởng lĩnh hội, tiếp nhận ghi nhớ, thì không khó mấy. Nhưng nếu tương lai, năm trăm năm sau người nào nghe được pháp thoại như vầy, tin tưởng, lĩnh hội, tiếp nhận, ghi nhớ, mới hiếm có nhất. Tại sao như vậy, bởi vì người ấy thì không còn có ý tưởng ngã nhân chúng sinh thọ giả. Ý tưởng ngã nhân chúng sinh thọ giả là phi ý tưởng: phi mọi ý tưởng thì thế gọi là chư Phật như lai. Đức Thế tôn dạy trưởng lão Thiện hiện, thật đúng như

[99] Hoành thân vũ trụ = hoành thân tam giới. Trong bài kệ trước khi thị tịch của thiền sư Phù Dung Đạo Khải (1043-1118) có câu: Buông tay thân ngang ngoài tam giới/ Mặc tình vươn bổng nào buộc ràng. 撒手横身三界外，騰騰任運何拘束 Tán thủ hoành thân tam giới ngoại/ Đằng đằng nhậm vận hà câu thúc.

vậy: nếu có người này được nghe pháp thoại Bát nhã như vầy mà không kinh ngạc, cũng không sợ hãi, thì biết người ấy cực kỳ hiếm có. Tại sao, trưởng lão, bởi vì Bát nhã chính là tối thượng ba la mật đa, và Như lai nói cái pháp tối thượng ba la mật đa là phi tối thượng ba la mật đa, thế nên Như lai nói là tối thượng ba la mật đa.

Trưởng lão Thiện hiện, cái pháp nhẫn nhục ba la mật đa, Như lai cũng nói là phi nhẫn nhục ba la mật đa, thế nên Như lai nói là nhẫn nhục ba la mật đa. Tại sao trưởng lão, vì như xưa kia, trong khi Như lai bị Ca lị vương cắt thịt khắp nơi tay chân Như lai, Như lai không có ý tưởng ngã nhân chúng sinh thọ giả. Nếu lúc bấy giờ Như lai còn có ý tưởng ngã nhân chúng sinh thọ giả thì phải sinh ra giận dữ oán hận. Trưởng lão Thiện hiện, Như lai lại nhớ trong thì quá khứ, có năm trăm đời Như lai đã làm tiên nhân Nhẫn nhục. Vào lúc bấy giờ, Như lai cũng không ý tưởng ngã nhân chúng sinh thọ giả.

Vì lý do ấy, trưởng lão Thiện hiện, Bồ tát thì phải rời mọi ý tưởng mà phát huy tâm vô thượng bồ đề; đừng ở nơi sắc mà sinh tâm ra, đừng ở nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp, mà sinh tâm ra. Hãy sinh cái tâm không ở đâu cả. Nếu tâm ở đâu thì chính như thế là phi trú ở. Vì lý do này, Như lai nói rằng Bồ tát thì phải không ở sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, mà làm bố thí. Trưởng lão Thiện hiện, Bồ tát thì vì ích lợi chúng sinh một cách khắp cả mà hãy bố thí theo cách như vậy. Vì Như lai nói ý tưởng chúng sinh là phi ý tưởng, Như lai cũng nói hết thảy chúng sinh là phi chúng sinh. Trưởng lão Thiện hiện, Như lai là người nói phải, nói chắc, nói như sự thật, nói không lừa đảo, nói không mâu thuẫn. Trưởng lão Thiện hiện, Pháp mà Như lai đã chứng ngộ được, cái Pháp như vậy không phải chắc chắn, không phải trống rỗng. Trưởng lão Thiện hiện, Bồ tát nếu tâm ở nơi mọi thứ mà làm bố thí, thì như một người vào trong bóng tối, không còn thấy được một thứ gì hết; Bồ tát nếu tâm không ở mọi thứ mà làm bố thí, thì như một người đã có mắt sáng, lại có ánh sáng mặt trời soi rõ, nên thấy đủ cả.

Trưởng lão Thiện hiện, trong thì vị lai, nếu có thiện nam hay thiện nữ nào, đối với pháp thoại Bát nhã như vầy, tiếp nhận ghi nhớ, đọc xét văn nghĩa, tụng được thuộc lòng, nói cho người khác, thì thế là được

Như lai sử dụng tuệ giác Như lai mà biết rất rõ, và thấy rất rõ, rằng người như vậy ai cũng đạt được vô lượng công đức.

Không Sanh nghe thuyết kinh này, hiểu nghĩa thú mà bi thương rơi dòng lệ; tiên nhân rủ lòng từ hành nhẫn nhục, vẫn mỉm cười nhát gươm chém mắng, an nhiên như hư không. Như vậy ngôn từ ấn khả, rời xa hết thảy chư tướng. Chưa biết chỗ cảm ngộ có gì kỳ đặc? Mở toang mắt tuệ sáng như mặt trời, phản chiếu thế giới nhiều như vi trần ở hư không.

Thiện Cát thân nghe, thấy suốt nguồn
Bi hân hòa lẫn tán Từ tôn
Tâm không pháp sáng siêu chân tế
Kham báo cái ơn trước chưa đền.
Trăm năm thời gian đá chớp lòe
Hồi đầu sao chẳng sớm suy lường?
Vô thường mời đến nên thoái thác
Khỏi hướng Diêm quân luận ngắn dài.
Chân lạc, chân thường, chân tịnh độ
Bảo trì, bảo thọ, bảo hoa khai
Không hàn, không nhiệt, không tàn biến
Về đi thôi nè, về đi thôi.

Trì kinh công đức, phước nhiều khó so sánh, ba buổi bố thí không bằng. Trú tướng bố thí, có lúc thoái lui. Vô lậu trí tuệ, đốn chứng bồ đề. Hoa nở hoa tàn, mặt trời mọc hướng Đông, mặt trăng lặn hướng Tây.

Kinh này công đức thắng
Người nào hiểu thọ trì?
Hàn Sơn gặp Thập Đắc
Vỗ tay cười mĩm chi.

Phần thứ mười lăm: Trì kinh công đức

Trưởng lão Thiện hiện, nếu có thiện nam hay thiện nữ nào buổi sáng đã đem hằng sa thân mạng mà bố thí cả, buổi trưa cũng đem hằng sa thân mạng mà bố thí nữa, buổi chiều lại đem hằng sa thân mạng mà

bố thí luôn, và sự bố thí thân mạng như vậy làm đến trăm ngàn vạn ức thời kỳ; và có người khác nghe pháp thoại này, trong lòng tin tưởng chứ không đối kháng, thì phước người này hơn phước người trước, huống chi có người sao chép ấn hành, tiếp nhận ghi nhớ, đọc xét văn nghĩa, tụng được thuộc lòng, nói cho người khác. Trưởng lão Thiện hiện, chính yếu mà nói thì bài pháp thoại Bát nhã như vầy có những công đức ngoài tầm nghĩ bàn, ước lượng, đối chiếu, siêu việt giới hạn ; Như lai nói cho những người đi theo giáo pháp đại thừa, nói cho những người đi theo giáo pháp đại thừa tối thượng. Ai có năng lực tiếp nhận ghi nhớ, đọc xét văn nghĩa, tụng được thuộc lòng, trình bày phong phú cho bao người khác, thì chính Như lai biết rõ người ấy, thấy rõ người ấy, đạt được công đức không thể ước lượng, không thể đối chiếu, không có giới hạn, ngoài tầm nghĩ bàn. Những người như vậy có thể gánh vác tuệ giác vô thượng của ta, Như lai. Tại sao như thế, trưởng lão Thiện hiện, bởi vì những ai ưa pháp tiểu thừa, vẫn còn ngã nhân, chúng sinh thọ giả, thì với pháp này không thể lắng nghe, tiếp nhận ghi nhớ, đọc xét văn nghĩa, tụng được thuộc lòng, nói cho người khác.

Bố thí thân mạng đến ngàn muôn ức kiếp, phước đức sâu như biển; nói cho người đi theo giáo pháp đại thừa, gánh vác nặng như núi. Vui mừng xốc tới mà đi, xin mời buông bỏ lối cũ. Vì sao? Đại lực lượng nhân vốn bất động[100], vô cớ bôi trơn then máy trên đầu.

Cầm ngược thổi lông[101] quét dấu lạ
Bỗng khiến tâm địa được khai thông
Mô nhọn riêng lộ Tỳ Lô đảnh[102]
Phàm Thánh đều bảo đứng hạ phong.
Trăm năm thời gian đuốc trong gió

---

[100] Vô môn quan, tắc 20, Đại lực lượng nhân: Cử: Hòa thượng Tùng Nguyên (1132-1202) nói: Người có sức mạnh siêu việt, vì cớ gì nhấc chân không nổi vậy? Còn bảo: Tại sao nói chuyện mà không cần dùng lưỡi? (舉：松源和尚云：大力量人，因甚抬腳不起？又云：開口不在舌頭上．Cử: Tùng Nguyên hòa thượng vân: Đại lực lượng nhân, nhân thậm đài cước bất khởi? Hựu vân: Khai khẩu bất tại thiệt đầu thượng.)

[101] Tham thiền kệ, thiền sư Phương Tụ Thành: Kệ 103: Tham thiền bậc nhất, Quét phá - kiến lập, Sừng thỏ giơ ngang, Lông rùa cầm ngược. (參禪第一, 掃蕩建立, 兔角橫擎, 龜毛倒握 Tham thiền đệ nhất, Tảo đãng kiến lập, Thố giác hoành kình, Qui mao đảo ác.)

[102] Tỳ Lô Giá Na, có nghĩa là Biến nhất thiết xứ.

Tâm người nào cùng tâm Phật đồng
Tu hành mau đi đến phương Tây
Dưới chân hoa sen từng bước nở.
Mười niệm viên thành một niệm hồi
Ba tâm[103] quả mãn chín sen khai
Trần lao niệm Phật đồng thời về
Về đi thôi nè, về đi thôi.

Năng tịnh nghiệp chướng, trần thể[104] đều quên, năm trăm ức khó lường. Hằng sa chư Phật, thừa sự cúng dường, mà nay thành đạo, vạn pháp phô bày. Viên minh quả mãn, Xuân về ngày dần dài.

Nghiệp chướng xưa nay không (có)
Tâm lầm chuyển thấy khác
Nếu ngộ lý ba không[105]
Nơi nào chẳng chân như.

Phần thứ mười sáu: Năng tịnh nghiệp chướng

Trưởng lão Thiện hiện, bất cứ chỗ nào, hễ có bản kinh Kim cương bát nhã, thì cả thế giới chư thiên, nhân loại và a tu la, đều nên hiến cúng. Nên biết chỗ ấy chính là chùa tháp tôn thờ Như lai ; hãy lạy, đi nhiễu, tung rãi các loại bông hoa, hương liệu.

Thêm nữa, trưởng lão, bất cứ thiện nam hay thiện nữ nào học hỏi ghi nhớ, nghiên cứu, tụng thuộc kinh Kim cương này mà bị khinh dễ, thì biết người ấy tội ác đời trước đáng sa chỗ dữ, nhưng vì đời này bị người khinh dễ thì tội ác đó tiêu tan hết cả, người ấy sẽ được tuệ giác vô thượng.

Trưởng lão Thiện hiện, Như lai nhớ lại quá khứ vô số thời kỳ vô số, trước khi Như lai gặp đức Nhiên đăng, thì đã gặp được tám trăm bốn ngàn vạn ức trăm triệu chư Phật như lai, đối với Ngài nào Như lai cũng đồng thừa sự hiến cúng chứ không bỏ qua. Nhưng nếu có ai ở trong thời

---

[103] Ba tâm: thâm tâm, chí thành tâm và hồi hướng phát nguyện tâm.

[104] Trần là 8 vạn trần lao phiền não. Thể là vô minh làm thể năng sanh trần lao phiền não.

[105] Ba không: nhân không, pháp không và nhân pháp đều không.

kỳ cuối cùng sau này, mà có năng lực học hỏi, ghi nhớ, nghiên cứu tụng thuộc bản kinh Kim cương bát nhã này đây, thì bao công đức người ấy đạt được, công đức Như lai phụng sự chư Phật không bằng phần trăm, phần ngàn vạn ức, đến nỗi toán pháp và ví dụ nữa, cũng không bằng được một phần nào cả. Trưởng lão Thiện hiện, nếu có thiện nam hay thiện nữ nào ở trong thời kỳ cuối cùng sau này, mà có khả năng tiếp nhận, ghi nhớ, nghiên cứu, tụng thuộc bản kinh Kim cương bát nhã như vầy, bao nhiêu công đức mà họ đạt được, nếu Như lai nói một cách đầy đủ, thì tất có kẻ nghe mà nổi khùng, bối rối, hoài nghi, không thể tin được. Trưởng lão Thiện hiện, phải nhận thức rằng ý nghĩa Kim cương không thể nghĩ bàn, hiệu quả cũng vậy không thể nghĩ bàn.

Xưa nghiệp duyên đáng sa chỗ dữ, nay người khinh thì tội liền tiêu. Cúng chư Phật, tụng kinh này, công đức thắng mà biết chẳng gì bằng. Chỉ như căn nguyên không vướng mắc, không hình tướng, còn có quả báo hay không có? Vọng tâm diệt hết nghiệp hoàn không, thẳng chứng bồ đề vượt đẳng cấp.

Nhân ác, ai làm tội, ai chiêu?
Chân tánh như không, chẳng động lay
Nhiều kiếp vô minh đều hủy diệt
Trời trước đất sau vẻ tịch liêu.
Trăm năm thời gian như sông chảy
Vô cùng, vô tận, khi nào ngưng?
Chẳng bằng trước chứng bồ đề lộ
Ắt thoát luân hồi được tự do.
Về đi thôi nè, về đi thôi
Nhất linh[106] thôi chớ nhập bào thai
Hóa thân hoa sen, thân kim sắc
Mắt thấy kim dung, về đi thôi.

Cứu cánh vô ngã, bốn đại toàn không, năm uẩn giả lập danh. Thông đạt vạn pháp, tất cả pháp đều không. Núi xanh nước biếc, mây bay trời xa. Mọi người gắng lấy, chim vàng anh hót gió sớm.

[106] Nhất linh = nhất linh chân tánh: tức thân trung hữu.

Thọ ký vốn vô ngôn
Chân từ Đại giác tuyên
Tứ tướng phi tứ tướng
Quả bồ đề tự nếm.

Phần thứ mười bảy: Cứu cánh vô ngã

Vào lúc bấy giờ, trưởng lão Thiện hiện kính bạch Thế tôn, thiện nam thiện nữ đã phát tâm nguyện vô thượng bồ đề, thì phải làm sao để ở tâm ấy? và phải làm sao để sửa tâm mình? Đức Thế tôn dạy, trưởng lão Thiện hiện, thiện nam thiện nữ phát tâm bồ đề, thì sửa tâm mình bằng tuệ giác này: ta phải làm cho hết thảy chúng sinh được niết bàn rồi mà thật không thấy một chúng sinh nào được niết bàn cả. Lý do là vì Bồ tát mà có ý tưởng ngã nhân chúng sinh thọ giả, thì như thế là không phải Bồ tát. Tại sao như vậy, trưởng lão Thiện hiện, bởi vì thật ra không có pháp gì là người phát tâm vô thượng bồ đề.

Trưởng lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, nơi đức Nhiên đăng, phải chăng Như lai có một pháp gì gọi là đạt được vô thượng bồ đề ? Không, bạch Thế tôn ; theo chỗ con hiểu ý nghĩa đã được Thế tôn dạy cho thì khi Ngài ở nơi đức Nhiên đăng, không có pháp gì gọi là đạt được vô thượng bồ đề. Đức Thế tôn dạy, đúng vậy, Thiện hiện, đúng là không có pháp gì gọi là Như lai đạt được vô thượng bồ đề. Nếu có pháp gì gọi là Như lai đạt được tuệ giác vô thượng bồ đề, thì đức Nhiên đăng đã không ghi nhận, rằng trong tương lai ông thành Phật đà, danh hiệu gọi là Thích ca mâu ni; vì thật không có pháp gì gọi là Như lai đạt được vô thượng bồ đề, nên đức Nhiên đăng mới ghi nhận cho, bằng cách nói rằng ông thành Phật đà danh hiệu gọi là Thích ca mâu ni, tại sao như vậy? vì chữ Như lai chính là nghĩa Như của tất cả pháp. Nếu có ai nói Như lai đạt được vô thượng bồ đề, thì nói như vậy là không chính xác, bởi vì, trưởng lão, thật ra không có pháp gì gọi là Như lai đạt được vô thượng bồ đề, sự đạt được ấy không phải chắc chắn, không phải trống rỗng. Vì lý do này, Như lai tuyên ngôn rằng tất cả pháp toàn là Phật pháp. Trưởng lão Thiện hiện, tất cả pháp ấy Như lai đã nói phi tất cả pháp, nên Như lai nói là tất cả pháp.

Trưởng lão Thiện hiện, ví như có người thân thể cao lớn... Trưởng lão Thiện hiện liền bạch Thế tôn, thân cao lớn ấy thì Ngài đã nói phi thân cao lớn, thế nên Ngài nói là thân cao lớn. Trưởng lão Thiện hiện, Bồ tát cũng vậy: Bồ tát mà nói ta phải làm cho vô số chúng sinh đều được niết bàn, thì không được gọi là vị Bồ tát; trưởng lão Thiện hiện, bởi vì thật ra không có pháp gì gọi là Bồ tát. Vì thế Như lai nói tất cả pháp không phải ngã nhân chúng sinh thọ giả. Trưởng lão Thiện hiện, nếu Bồ tát nói ta phải trang hoàng cõi Phật của ta, thì không được gọi là vị Bồ tát. Tại sao, trưởng lão, trang hoàng cõi Phật thì Như lai nói là phi trang hoàng, thế nên Như lai nói là trang hoàng. Trưởng lão Thiện hiện, Bồ tát thấu triệt về sự vô ngã, Như lai mới nói vị ấy đích thực là vị Bồ tát.

Vọng hết hoàn chân, chúng sanh chưa từng diệt độ? Pháp không, nhân vô ngã, bồ đề vốn tự viên thành. Dù cho gặp đức Nhiên Đăng ấn chứng mà chẳng nghi, đã cách đời sau; huống chi đức Thích Ca xét lại mà mới ngộ, trải qua lộ trình. Hãy nói, người chưa trải qua đến cuối lộ trình, gót chân trở lại địa điểm cũ đó thôi? Trượng phu tự chí xông trời thẳm, đừng đi theo hành xứ của Như Lai.[107]

Chỉ thẳng truyền riêng mật ý sâu
Xưa nay phi Phật cũng phi tâm
Rõ ràng chẳng nhận Nhiên Đăng ký
Tự có linh quang chiếu cổ kim.
Trăm năm thời gian trong giấc mộng
Bạc đầu chẳng giống thời xưa trẻ
Chúng sanh đẹp tợ gió vô định
Lay rụng hoa đào khắp đất hồng.
Không biết ai giải khéo an bài

---

[107] Trượng phu tự hữu xung thiên chí, Bất hướng Như Lai hành xứ hành. Theo kinh Giải thâm mật, hành xứ của Như Lai là hết thảy chủng loại về cõi Phật tinh khiết mà chư Phật cùng có, và cõi Phật ấy được trang hoàng bởi vô lượng công đức bất khả tư nghị. (如來行處者,一切諸佛功德平等不可思議, 無量功德莊嚴清淨佛之國土. Như lai hành xứ giả nhất thiết chư Phật công đức bình đẳng bất khả tư nghị, vô lượng công đức trang nghiêm thanh tịnh Phật chi quốc độ.) Hai câu này được truyền tụng rất nhiều, ghi chép từ lâu trong các bộ Ngữ lục Thiền tông Trung Quốc. Thiền sư Quảng Nghiêm (1121–1190) đời Lý, thế hệ thứ 11 dòng thiền Vô Ngôn Thông, dựa vào đó để viết thành bài thơ bất hủ: Ly tịch phương ngôn tịch diệt khứ, Sanh vô sanh hậu thuyết vô sanh. Nam nhi tự hữu xung thiên chí, Hưu hướng Như Lai hành xứ hành.

Nắm lại y trước lại mở ra
Âm thanh về, tiếp âm thanh đi.

Nhất thể đồng quán, muôn pháp không sai biệt, phàm Thánh chung một nhà. Năm mắt của Như lai, chiếu sáng cõi trần sa. Ba tâm thấu suốt, bản tánh không giới hạn. Xuân về trời ấm áp, cây cối đều ra hoa.

Như Lai đủ sáu thông
Ba tâm không thể cùng
Đếm cát vô số ức
Đến đây thể đều đồng.

Phần thứ mười tám: Nhất thể đồng quán

Trưởng lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, có đúng Như lai hiện có mắt thịt, mắt trời phải không? Phải, bạch Thế tôn, Ngài có mắt thịt và có mắt trời. Có đúng Như lai hiện có mắt tuệ, mắt pháp phải không? Phải, bạch Thế tôn, Ngài có mắt tuệ và có mắt pháp. Như lai hiện có mắt Phật phải không? Phải, bạch Thế tôn, Ngài có mắt Phật. Trưởng lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, cát trong sông Hằng Như lai cũng nói là cát phải không? Phải, Ngài nói cát. Ông nghĩ thế nào, có bao nhiêu cát trong một sông Hằng thì có sông Hằng bằng số cát ấy, và những cõi Phật bằng với số cát những sông Hằng này thì nhiều hay không? Rất nhiều, bạch Ngài. Trưởng lão Thiện hiện, bao nhiêu tâm tưởng tất cả chúng sinh trong những cõi Phật được nói như vậy, Như lai biết hết. Tại sao, trưởng lão, Như lai nói rằng bao tâm tưởng ấy là phi tâm tưởng, thế nên Như lai nói là tâm tưởng : Tâm tưởng quá khứ không thể nhận được, tâm tưởng hiện tại không thể nhận được, tâm tưởng vị lai không thể nhận được.

Năm mắt thảy tròn sáng, như mặt trời rực rỡ chiếu soi thế giới hằng sa; ba tâm không thể nhận được, giống khêu lửa tìm bọt nổi trên biển xanh. Giả sử tận cùng mọi biện luận thâm huyền, cạn kiệt cái khôn khéo thế gian[108], đến đây rốt

[108] Cùng chư huyền biện, kiệt thế xu cơ: Đức Sơn (782-865) là một thiền sư lớn đời Đường. Sư là một học giả uyên bác tinh thông kinh điển, chuyên chú giải kinh Kim Cương, người đương thời ca ngợi là Chu Kim

cuộc mờ mịt. Hãy nói, khuôn phép là gì? Dù cho giảng nói ngàn kinh luận, cũng rơi vào trù liệu thứ hai của thiền gia.

Tâm nhãn đều thông khắp pháp giới
Hằng sa diệu dụng đều mất dấu
Mây tan, sông sâu, bầu trời rộng
Trăng sáng, hoa lau nên vẻ Thu.
Hiu quạnh chiều tà cỏ lay sầu
Xin hỏi khô lâu anh là ai?
Hay là bậc anh hùng hào kiệt
Không thể hồi đầu ai biết cho?
Mạt pháp Ta bà vào khổ tai
Ăn nuốt lẫn nhau, dữ như sài
Đao binh, dịch bịnh thêm đói kém
Rời xa Diêm phù, về đi thôi.

Pháp giới thông hóa, tợ có hoàn không, mỗi người vốn không khác. Tròn sáng một điểm, không đến không đi. Gánh nước bửa củi, khéo dùng công phu. Ngọn tùng trăng soi, áo rách lộ châu báu.

Trân bảo đầy đại thiên
Phước đức thật khó lường
Đến phước địa vô vi
Mới biết ý vị dài[109].

Cương. Khi nghe nói thiền tông đang nổi lên ở phương Nam, sư cho đó là tà đạo, nên bèn rời đất Thục để đi Lễ Dương, với niềm tin sẽ diệt bỏ được cái đám tà đạo kia để xiển dương Phật pháp. Trên đường đi, sư gặp bà lão bán bánh và xin mua bánh điểm tâm. Bà lão hỏi: "Ngài mang theo cái gì đó?" Sư trả lời đầy hãnh diện: "Đó là bộ Thanh Long sớ sao chú giải kinh Kim cương". Bà lão hỏi: "Trong kinh có một câu, già này xin hỏi, nếu thầy trả lời được thì già này cúng dường bánh điểm tâm, nếu không thì xin mời thầy đi nơi khác". Sư đồng ý. Bà già hỏi: "Kinh Kim Cương nói: 'quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc'. Vậy xin hỏi thầy muốn điểm cái tâm nào?" Sư không đáp được bèn tìm đến thiền sư Sùng Tín ở Long Đàm. Sau khi được Sùng Tín khai ngộ, sư Đức Sơn bèn đem bộ Thanh Long sớ sao ra đốt và nói: "Tột cùng mọi biện luận thâm huyền, như sợi lông đặt giữa hư không; cạn kiệt cái khôn khéo thế gian, giống giọt nước rơi vào vực lớn." (窮諸玄辯，若一毫置於太虛； 竭世樞機，似一滴投於巨壑 Cùng chư huyền biện, nhược nhất hào trí ư thái hư; kiệt thế xu cơ, tự nhất trích đầu ư cự hác) Sư lễ từ Long Đàm rồi du phương.

[109] Tức ý vị giải thoát.

Phần thứ mười chín: Pháp giới thông hóa

Trưởng lão Thiện hiện, giả sử có ai đem hết vàng ngọc đầy cõi đại thiên mà bố thí cả, người này vì thế được phước nhiều không? Rất nhiều, bạch Ngài, người này vì thế được phước rất nhiều. Trưởng lão Thiện hiện, nếu phước có thật thì Như lai đã không nói phước nhiều, nhưng vì phước ấy thật là phi phước, thế nên Như lai nói là phước nhiều.

Bố thí nhân duyên, đúng là quả hữu lậu nhân thiên; phước đức vô vi, vượt hơn công phàm Thánh thông hóa. Ôi! Hữu vi tuy giả, bỏ đi thì công hạnh chẳng thành; vô vi tuy thật, suy nghĩ thì Thánh quả khó chứng. Hãy nói, khi không bỏ không nghĩ, thế nào là Thánh đế đệ nhất nghĩa[110]? Đạt Ma khế cơ từng chỉ thẳng, 'rỗng không' nên 'không biết' Lương vương[111].

Bảo thí cõi trần phước hơn thường
Hoa nở trên gấm rất khó lường
Trong đó thúc ép[112] Không vương điện[113]
Cột trụ, lồng đèn đều phóng quang.
Vườn xưa ấy lại một phen Xuân
Khô lâu ngang dọc trắng như ngân
Nắng đốt gió thổi thôi áo não
Khô lâu toàn là kẻ lợi danh.
Tịnh độ trọn không ba nẻo dữ

---

[110] Đệ nhất nghĩa tức chân thật nghĩa, chỉ cho pháp tánh, tức Tâm hay chân như. Siêu việt chân đế và tục đế; chân tục bất nhị nên gọi là Thánh đế đệ nhất nghĩa.

[111] Theo sách Truyền Đăng Lục của Đạo Nguyên, sau ba năm lênh đênh trên biển, Bồ Đề Đạt Ma vào đến miền Nam Trung Hoa vào năm 527 A. D. Lương Vũ Đế mời Ngài vào cung hỏi đạo, Bồ Đề Đạt Ma dùng phương tiện hiển bày giáo lý Đốn Ngộ nhưng vua Lương Vũ Đế không hiểu. Cuộc đối đáp được ghi lại như sau: Vua Lương Vũ Đế hỏi: "Thế nào là Thánh đế đệ nhất nghĩa?" Đáp: "Rỗng không không Thánh." (Khuếch nhiên vô Thánh) Hỏi: "Trước mặt trẫm là ai vậy?" Đáp: "Không biết." (Bất thức) Cư trần lạc đạo của Phật hoàng Trần Nhân Tông có câu: "Ắt đã quên thủa trước Tiêu Hoàng/ Công đức toàn vô, tính chấp si càng thêm lỗi/ Khuếch nhiên bất thức, tai ngu mảng ắt còn vang."

[112] Tạt đảo = nhất tạt tạt đảo liễu (一拶拶倒了): Tiếng dùng trong Thiền lâm. Nhất tạt có nghĩa là lời nói thúc ép, dồn người học đến đường cùng. Thiền sư dùng cách này để khám nghiệm chỗ ngộ của đệ tử. Tắc 35 trong Bích nham lục có ghi: Lúc ấy liền hét 1 tiếng, thúc ép người học đến đường cùng (Nhất tạt tạt đảo liễu dã). Ở đây, tạt đảo (thúc ép) chỉ cho nghĩa lý không trú ở một bên.

[113] Chỉ cho nghĩa lý không trú ở phước đức.

Phan báu vắng lặng chẳng luân hồi
Dây vàng, đường ranh, chốn kinh hành
Khéo niệm Di Đà, về đi thôi.

Ly sắc ly tướng, không trú không nương, pháp giới ngập ánh sáng. Không ngôn không thuyết, không phải không trái. Không đến không đi, không bóng không làm. Đầm trong, trăng soi, người đá đội mũ trở về[114].

Biết được ý Như Lai
Huyền không chẳng tìm nữa
Toàn hảo, phi toàn hảo
Thanh sắc thảy phân minh.

Phần thứ hai mươi: Ly sắc ly tướng

Trưởng lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, có thể hay không nhìn thấy Như lai bằng cái sắc thân toàn hảo đặc tướng? Không, bạch Thế tôn, không nên nhìn Ngài bằng cái sắc thân toàn hảo đặc tướng. Tại sao như vậy, vì cái sắc thân toàn hảo đặc tướng thì Thế tôn nói là phi sắc thân toàn hảo đặc tướng, đó là lý do tại sao Thế tôn nói là sắc thân toàn hảo đặc tướng. Trưởng lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, có thể hay không nhìn thấy Như lai bằng các đặc tướng toàn hảo tất cả? Không, bạch Thế tôn, không nên nhìn Ngài bằng các đặc tướng toàn hảo tất cả. Tại sao như vậy, vì các đặc tướng toàn hảo tất cả thì Thế tôn nói là phi đặc tướng toàn hảo tất cả, đó là lý do tại sao Thế tôn, nói là đặc tướng toàn hảo tất cả.

Có tướng có thân, Như Lai trang nghiêm toàn hảo; phân khách phân chủ, Không Sanh giải biện thân sơ. Cho dù chủ khách đều quên, tướng tốt vẻ đẹp thảy rời. Thế nào là chủ trong chủ? Đạo vua tôi đúng phép không tác động lại qua, nhận được rõ ràng "ta không phải là mi"[115].

---

[114] Đem tâm vô công dụng mà khởi công dụng.

[115] Động Sơn Lương Giới (807-869) giả từ thầy là Vân Nham Đàm Thạnh (780-841) để lên đường vân du, trong lòng hãy còn bất an. Một hôm đang lội qua một khúc sông, chợt nhìn thấy bóng mình trên mặt nước, cảm thấy như gặp được khuôn mặt thực sự của thầy mình (và hiểu được ý thầy). Hôm đó đối với ông là một ngày rất đặc biệt nên ông đã làm bài kệ Quá Thủy để ghi lại sự kiện nói trên: "Thiết kỵ tùng tha mịch,

Đoan nghiêm tướng hảo tử kim thân
Chánh nhãn nhìn đến toàn bất chân
Lĩnh hội dò hỏi ý thân thù
Uẩn không nên vô ngã, vô nhân.
Viên âm xướng vang dội trong trẻo
Thử tụng Kim cương một quyển kinh
Gắng nhận chúng sanh, phương ngoại cú[116]
Quả cân bằng sắt rất phân minh.
Đường quê hoa đào nở Xuân về
Gió lay hoa hạnh tuyết bay xa
Lan man rụng phủ ai nào ngộ?
Cười chỉ mây mầu, về đi thôi.

Phi thuyết sở thuyết, chẳng ở phân biệt, bản tánh rời ngôn thuyết. Róc rách nước biếc, xuất lưỡi rộng dài. Viên âm thong thả, không có ngừng nghỉ. Chớ đem tai nghe, hoa tuyết trên lò lửa đỏ.

Tâm mình vốn phi hữu
Vô tâm thuyết cho ai?
Sở thuyết, phi sở thuyết
Bao trùm thượng thừa cơ.

Phần thứ hai mươi một: Phi thuyết sở thuyết

Trưởng lão Thiện hiện, đừng nói Như lai có cái ý nghĩ Như lai thuyết pháp. Đừng nói như vậy. Lý do tại sao, vì nói Như lai có sự thuyết pháp thì thế chính là phỉ báng Như lai. Nói thế tức là không khéo lĩnh hội ý nghĩa đã được Như lai tuyên thuyết. Trưởng lão Thiện hiện, gọi là thuyết pháp là thật không có pháp gì để thuyết, như thế mới được gọi là thuyết pháp.

Thiều thiều ngã dĩ sơ, Ngã kim độc tự vãng, Xứ xứ đắc phùng cừ, Cừ kim chính thị ngã, Ngã kim bất thị cừ, Ưng tu nhậm ma hội, Phương đắc khế như như" (Đừng nhờ ai tìm kiếm, Lần hồi lơ với ta, Giờ một mình ta bước, Đâu đâu cũng gặp mi, Nay mi chính là ta, Ta không phải là mi, Nên hiểu được như thế, Mới gặp trúng Như như.)

[116] Phương ngoại chi cú (方外之句): Chỉ cho đại trí bát nhã của kinh Kim cương.

Lúc ấy Thiện hiện, người lấy tuệ giác mà làm tính mạng, kính bạch Thế tôn, có thể có ai trong thì vị lai nghe Pháp như vầy mà tin tưởng không? Đức Thế tôn dạy, những người như vậy không phải chúng sinh hay không chúng sinh; tại sao, trưởng lão, gọi là chúng sinh thì Như lai nói là phi chúng sinh, vì thế Như lai gọi là chúng sinh.

Như Lai không thuyết pháp, từ vân cam lộ rưới lất phất; Tuệ Mạng chưa từng nghe, trăng sáng gió mát trời tịch mịch. Chính ngay lúc đó, hãy nói, cảnh giới thế nào? Muốn cho không chiêu nghiệp Vô gián, chớ chê Như lai chánh pháp luân.

Đạo vốn vô ngôn kêu không tỉnh
Thuốc vì cứu bịnh mở bình vàng
Xót thương muôn ức chúng nhân thiên
Y xưa ngây ngô nghiêng tai nghe.
Tiếng trống tập chúng xuống lâm tuyền
Chớ học Kim cương hỏi Phổ Hiền
Nghê đài tòa cao truyền bí yếu
Diệu thông một ngón lão thiền tăng[117]
Có bịnh có nguy trọn thoái đọa
Không sanh không diệt không luân hồi
Tây phương tịnh độ thường an lạc
Không khổ không ưu, về đi thôi.

Vô pháp khả đắc, tình thức khó lường, bản thể lộ rực rỡ. Bao hàm pháp giới, tướng cùng vô tướng. Đi đứng ngồi nằm, tỉ mỉ tham tường. Tri âm khám phá, trời nóng đuổi tuyết sương.

Vô vi, vô sở đắc
Pháp ấy sao nắm giữ?
Vì không có chút pháp
Được Vô thượng bồ đề.

Phần thứ hai mươi hai: Vô pháp khả đắc

[117] Hòa thượng Câu Chi (俱胝和尚) mỗi khi có ai hỏi gì chỉ dơ một ngón tay lên.

Trưởng lão Thiện hiện, kính bạch Thế tôn, Thế tôn đạt được vô thượng bồ đề, thật ra là sự phi đạt được chăng? Đúng, đúng như vậy, trưởng lão Thiện hiện; Như lai đối với vô thượng bồ đề không có chút gì gọi là đạt được nên được gọi là vô thượng bồ đề.

Pháp không đắc được, nên gọi Vô thượng bồ đề; đạo không truyền được, chỉ thẳng Niết bàn chánh nhãn. Bởi vì đắc mà không đắc, truyền mà không truyền, rốt cuộc tông chỉ là gì? Ba hiền còn chưa rõ ý chỉ ấy, mười Thánh sao thể đạt tâm tông này.

Từ đây không thuyết cũng không truyền
Vừa trải tư duy liền cách quan
Ngữ mặc[118], ly vi[119] đều quét sạch
Lặng lẽ độc tọa Linh sơn xưa.
Trong lò vấn vít thử dâng hương
Khắp thỉnh thiên long giáng đạo tràng
Công đức vô biên nên có báo
Trang nghiêm tịnh độ việc khó lường.
Chư thiên Lục dục có năm suy[120]
Ba thiền còn tự có phong tai
Dù cho tu đến Phi phi tưởng
Cũng là không đúng, về đi thôi.

Tịnh tâm hành thiện, chớ dạy nhiễm ô, pháp chấp rời xa phàm ngu. Pháp thì bình đẳng, vạn pháp đều như. Núi xanh nước biếc, với ta đâu có khác? Cát vàng xuất từ sông Lệ[121], ánh trăng tràn ngập thái hư.

Tịnh tâm bình đẳng hành

---

[118] Ngữ mặc (語默): Nói năng hay im lặng; động hay tĩnh. Chứng đạo ca: Hành diệc thiền, tọa diệc thiền, Ngữ mặc động tĩnh thể an nhiên. (Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền, Nói im động tĩnh thảy an nhiên.)

[119] Ly vi (離微): Xa lìa mọi thể tướng mà được tịch diệt gọi là ly, cũng gọi là Niết bàn; tác dụng của pháp tánh vi diệu, chẳng thể lường biết gọi là vi, cũng gọi là bát nhã.

[120] Ngũ suy: Là năm tướng suy của chư thiên, nó hiện ra khi các Ngài hưởng hết phước nơi cõi trời và chuẩn bị đi đầu thai. Trong Kinh Niết Bàn, quyển 19, có ghi: Đức Đế Thích khi sắp mạng chung, thấy có năm tướng suy hiện ra: 1. Quần áo thường dơ; 2. Trên đầu tóc rối nhầu như cành hoa tàn úa; 3. Thân thể hôi hám và nhơ nhớp; 4. Dưới nách thường ra mồ hôi; 5. Không thích chỗ ngồi của mình nữa.

[121] Lệ thủy hay Lệ giang: Con sông ở Vân Nam, Trung Quốc.

Không thấp cũng không cao
Thiện pháp phi thiện pháp
Sao mở miệng lải nhải?

Phần thứ hai mươi ba: Tịnh tâm hành thiện

Thêm nữa, trưởng lão, Pháp thì đồng đẳng, không bất đồng đẳng, thế nên gọi là vô thượng bồ đề: không có ngã nhân chúng sinh thọ giả mà làm pháp lành, thế thì đạt được vô thượng bồ đề. Trưởng lão Thiện hiện, gọi là pháp lành thì Như lai nói là phi pháp lành, thế nên Như lai gọi là pháp lành.

Pháp không cao thấp, cho nên tâm chư Phật ở trong chúng sanh, mỗi lúc thành đạo; tướng rời ngã nhân, vì vậy tâm chúng sanh ở trong chư Phật, mỗi niệm chứng chân. Sở dĩ nói: Niệm Phật không trở ngại tham thiền, tham thiền không trở ngại niệm Phật. Đến chỗ niệm mà không niệm, tham mà chẳng tham. Sáng suốt bản địa phong quang[122], hiểu rõ duy tâm tịnh độ. Nước và núi có nhiều loại, nhưng chung trăng và mây. Có phải pháp tánh bình đẳng ở trong đó? Có biết ngang dọc ngại gì phương xứ? Chỗ nào có liễu xanh thì buộc ngựa, nhà nào có đường thì đến Trường An[123].

Hoa núi đẹp tươi, nước xanh lam
Chớ hỏi trước ba cùng sau ba[124]

---

[122] Thiền tông gọi tánh Không là Bản địa phong quang (chỗ đất mát mẻ sáng suốt), bản lai diện mục (mặt mũi xưa nay). Pháp Hoa và Trung luận gọi tánh Không là thật tướng.

[123] Trường An là thủ đô của hơn 10 triều đại trong lịch sử Trung Quốc. Tầm quan trọng chiến lược và kinh tế của Trường An chủ yếu là do vị trí trung tâm của nó. Các con đường dẫn đến Cam Túc, Tứ Xuyên, Hà Nam, Hồ Bắc và Sơn Tây đều hội tụ ở đây.

[124] Thuật ngữ thiền: Tiền tam tam hậu tam tam. Vô Trước viếng Ngũ Đài Sơn, đến một chỗ hoang vu giữa đường. Văn Thù biến ra một ngôi chùa để tiếp thầy ta nghỉ qua đêm. Rồi Văn Thù hỏi, "Thầy mới từ đâu đến vậy?" Vô Trước nói, "Từ phương Nam." Văn Thù nói, "Phật pháp ở phương Nam trụ trì như thế nào?" Vô Trước nói, "Các tỳ khưu thời mạt pháp ít chịu giữ giới luật." Văn Thù hỏi, "Chúng hội thường có bao nhiêu người?" Vô Trước nói, "Từ ba đến năm trăm." Vô Trước lại hỏi Văn Thù, "Ở đây thì Phật pháp trụ trì như thế nào?" Văn Thù nói, "Thánh phàm đồng cư, rồng rắn hỗn tạp." Vô Trước nói, "Chúng hội thường có bao nhiêu người?" Văn Thù nói, "Tiền tam tam, hậu tam tam." Rồi hai người dùng trà. Văn Thù dơ chén pha lê lên nói, "Ở phương Nam có cái này không?" Vô Trước nói, "Không." Văn Thù nói, "Thế thì thường họ dùng cái gì để uống trà?" Vô Trước không nói gì được. Sau đó từ biệt ra đi. Văn Thù sai Quan Đế đồng tử tiễn ra cửa. Vô Trước nói, "Vừa rồi ngài Văn Thù nói 'Tiền tam tam, hậu tam tam' có nghĩa là bao nhiêu

Tâm cảnh rỗng không quên bỉ thử
Đại thiên sa giới thảy bao hàm.
Nơi miệng lâm râm niệm Di Đà
Trong đầu nhân ngã nổi can qua
Tâm mà không sửa từ cái đầu
Đầu lâu xoang xoảng làm yêu ma.
Ở đời người ngu không trí tuệ
Chỉ biết luyến ái và tham tài
Giống như nét chữ mà cong gãy
Khéo niệm Di Đà, về đi thôi.

Phước trí không sánh, hai pháp chứa đầy, trần sa kết duyên tốt. Công hạnh nhiều kiếp, nhân duyên quả mãn. Đuốc trí chiếu khắp, mặt trăng giữa trời. Tròn sáng chiếu soi, vô tâm chiếu đại thiên.

Tánh chân không bát nhã
Phước tuệ thảy song tu
Bốn câu pháp vô vi
Trì niệm trọn thành Phật.

Phần thứ hai mươi bốn: Phước trí không sánh

Trưởng lão Thiện hiện, có người đem cho bảy loại vàng ngọc chất đống bằng với những núi Tu di trong cõi đại thiên, và có người khác tiếp nhận ghi nhớ dầu chỉ bốn câu bản kinh Bát nhã ba la mật này, và nói cho người, thì phước người trước không bằng phần trăm, phần ngàn vạn ức, toán pháp, ví dụ, cũng không bằng được một phần nào cả.

Phước bằng ba ngàn, thí bảy báu như Tu di; kinh trì bốn câu, sáng minh châu như biển trí. Làm cho biển cả tâm thức lắng yên, liền khiến trời đệ nhất nghĩa mở sáng. Lòng từ khắp giúp, rộng lợi vô biên. Nửa đêm chánh ngọ, trở về chỗ nào? Ba thân bốn trí thể toàn hảo, tám giải sáu thông tâm địa ấn.

---

vậy?" Đồng tử gọi, "Đại đức!" Vô Trước nói, "Vâng." Đồng tử nói, "Như thế là bao nhiêu vậy?" Vô Trước lại hỏi, "Đây là chùa gì vậy?" Đồng tử đưa tay chỉ tượng Kim Cương ở phía sau. Vô Trước quay đầu nhìn thì cả ngôi chùa và đồng tử đều biến mất, chung quanh chỉ là một thung lũng hoang vu mà thôi. Sau này nơi ấy được gọi là động Kim Cương.

Đống báu sơn vương tính không hết
Cũng như bắn tên hướng hư không
Rỗng sáng bốn câu vượt ba thời
Hơn cả tăng kỳ công vạn bội.
Trên đầu cọng lông làm niêm hoa
Cười khan bên cạnh ông làm nhà
Nhờ hỏi gặp nhau ý đích thực
Ma ni đạt rị hồng phát tra.
Con nhớ Di Đà như cha mẹ
Di Đà xem con như trẻ thơ
Tâm niệm thường xuyên không gián đoạn
Cha con theo nhau, về đi thôi.

Hóa không sở hóa, căn cơ phân nhỏ lớn, Không Sanh chớ nghi ngờ. Bốn loài sáu nẻo, đi qua trở lại. Hồi quang phản chiếu, mặt mũi sáng rỡ. Tâm nghi tiêu tan, ráng hồng khắp bầu trời.

Đại thừa lý thâm áo
Giải ngộ có nhiều bậc
Thật ngã, thật vô ngã
Tỉ mỉ khéo sanh quán.

Phần thứ hai mươi lăm: Hóa không sở hóa

Trưởng lão Thiện hiện, các vị đừng nói Như lai nghĩ rằng Như lai giải thoát các loại chúng sinh; trưởng lão Thiện hiện, đừng nghĩ như vậy, vì thật không có một chúng sinh nào Như lai giải thoát. Nếu có chúng sinh Như lai giải thoát, thì thế chính là Như lai đã có ý tưởng ngã nhân chúng sinh thọ giả. Trưởng lão Thiện hiện, ý tưởng về ngã thì Như lai nói phi ý tưởng ngã, nhưng người tầm thường thì bảo là ngã. Trưởng lão Thiện hiện, người tầm thường ấy Như lai nói là người phi tầm thường.

Vô ngã vô nhân, chúng sanh tự thành chánh giác; bất sanh bất diệt, Như Lai nói phi chúng sanh. Tuy rằng mỗi việc phân minh, mà sao đương cơ lầm lỗi.

Xưa có vị tăng hỏi Thúy Nham rằng: "Một hạt hoàn đơn có thể điểm sắt thành vàng; một câu chí lý có thể chuyển phàm thành Thánh. Đệ tử đến đây xin thầy chỉ điểm." Sư đáp: "Không điểm." Tăng hỏi: "Vì sao không chỉ điểm?" Sư đáp: "Sợ ngươi rơi vào phàm Thánh." Hãy nói, người nào chẳng rơi vào phàm Thánh, mắt sáng hay chưa? Dù cho Thánh giải phàm tình hết, mở mắt còn trong mộng như trước.

Lên bờ từ đó không dùng thuyền
Thảnh thơi đường lớn thấu Trường An
Biết rằng vốn chẳng do người ngộ
Mặt mũi rõ ràng đồng nhất thể.
Trước ba ba và sau ba ba
Suy nghĩ bàn luận đều không được
Bao nhiêu thức tình đều dứt tuyệt
Ba đời chín kiếp càng tham thiền.
Song thân tóc bạc, răng dần rụng
Cung phụng ngọt ngon chớ tránh né
Hãy học ngày xưa đức Năng Nhân
Phụng sự mẹ cha, về đi thôi.

Pháp thân phi tướng, không ở tâm tưởng. Dứt khoảng giữa, trong và ngoài. Đem thanh sắc thấy Như Lai, chưa thoát bào thai luân hồi. Nếu rời xa thanh sắc, cũng khó thấy Như Lai. Nhọc nhằn tìm ở xa, Văn Thù tại Ngũ đài.

Hữu tướng tức vô tướng
Vô tướng cũng chẳng chân
Hai xứ đều không lập
Nhất thể mới là gần.

Phần thứ hai mươi sáu: Pháp thân phi tướng

Trưởng lão Thiện hiện, ông nghĩ thế nào, phải chăng có thể nhìn thấy Như lai bằng ba mươi hai đặc tướng siêu nhân? Kính bạch Thế tôn, theo chỗ con hiểu nghĩa của Ngài dạy, không thể nhìn Ngài bằng ba mươi hai đặc tướng siêu nhân. Đức Thế tôn dạy, trưởng lão Thiện hiện, thật đúng như vậy, bởi vì nếu nhìn ba mươi hai nét đặc tướng siêu nhân

mà cho có thể nhìn thấy Như lai thì Chuyển luân vương cũng là Như lai. Thế nên không thể nhìn thấy Như lai bằng ba mươi hai đặc tướng siêu nhân; hãy nhìn Như lai bằng cách nhìn thấy tất cả đặc tướng là phi đặc tướng. Bấy giờ Thế tôn nói chỉnh cú này : "Nếu đem sắc tướng nhìn thấy Như lai, hoặc đem âm thanh nhận thức Như lai, thì những người ấy đã đi lạc đường, không còn có thể thấy biết Như lai".

Diệu tướng trang nghiêm, tướng Thánh vương cũng là tướng Như Lai; pháp thân biến khắp, thân Như Lai khác xa thân Thánh vương. Nếu hướng vào chỗ này thấy được thông suốt rồi buông bỏ, như con cò tựa ổ tuyết, con thỏ ở mặt trăng. Hoặc không phải như thế, đá lửa vụt tan ngoài trời rộng, người ngu còn mãi ngắm trăng sao.

Công án hiện thành còn xét hỏi
Ái tình vượt khoảnh lầm thừa đương
Chớ đem thanh sắc hành tà đạo
Kết tội do đâu thấy Pháp Vương.
Chín năm diện bích tự biết phi
Chẳng bằng tháo thân một dép đi
Đừng nói thời vận Thiếu Lâm hết
Mây trăng như xưa ôm cửa phên.
Ba cõi rối bời ngày nào hiểu
Sáu trần quấy nhiễu chừng nào thôi
Tây phương một đường siêu sanh tử
Cùng niệm Di Đà đến liên đài.

Không đoạn không diệt, từ xưa trường tồn, chẳng diệt và chẳng sanh. Núi sông thành hoại, cái gì yên ổn. Không đến không đi, sáng xưa chiếu nay, người người vốn đủ, đồng thau chớ đổi vàng.

Không sanh cũng không diệt
Không đoạn cũng không thường
Thường, lạc và ngã, tịnh
Chẳng cần phải luận bàn.

Phần thứ hai mươi bảy: Không đoạn không diệt

Trưởng lão Thiện hiện, nếu ông nghĩ rằng Như lai không do đặc tướng toàn hảo mà được tuệ giác vô thượng bồ đề, thì này trưởng lão, đừng nghĩ như vậy, rằng ta, Như lai, không do đặc tướng toàn hảo mà được vô thượng bồ đề.

Trưởng lão Thiện hiện, nếu ông nghĩ rằng những người phát tâm vô thượng bồ đề nói rằng các pháp là tiêu diệt hẳn, thì đừng nghĩ thế, tại sao, bởi vì những người phát tâm vô thượng bồ đề đối với các pháp không nói tiêu diệt.

Đặc tướng chẳng toàn hảo mà vốn toàn hảo[125], thường tự trang nghiêm; giáo pháp tuy truyền trao mà chẳng truyền trao, sao từng đoạn diệt? Năm xưa đức Thế tôn ở pháp hội Linh Sơn, trước đại chúng trời người, dạy rằng: "Như lai có pháp nhãn thanh tịnh, diệu tâm niết bàn, phó chúc cho tôn giả Ẩm Quang[126], làm cho truyền hóa rộng khắp." Hãy nói, đương thời truyền cái gì vậy? Mắt sen xanh đoái thương người trời, thân vàng đầu đà riêng mỉm cười.

Một đèn chuyền lửa trăm ngàn đèn
Tâm ấn sáng thông, pháp năng hành
Ngàn Thánh không truyền, thổi không tắt
Sáng mãi ngọn lửa chuyền rõ ràng.
Một điểm linh quang lạnh thái hư
Chẳng phải Thiền, Đạo, chẳng phải Nho
Làm thành một phiến người nào hiểu?
Cụ nhãn cao lưu đại trượng phu.
Nhạc trời véo von mưa hoa rải
Tha phương du hành Thánh mới về
Hải chúng như mây cùng nghênh tiếp
Mắt dõi thân vàng, về đi thôi.

---

[125] Đặc tướng toàn hảo chẳng phải pháp thân nên ngài Tu bồ đề chấp rằng không do đặc tướng toàn hảo mà được tuệ giác Vô thượng bồ đề, đây là nghĩa đoạn diệt. Đức Phật dùng đặc tướng toàn hảo mà tu phước đức, nhưng không thủ trước đặc tướng toàn hảo, lấy tuệ giác chân thật mà chứng đắc Vô thượng bồ đề. Vốn toàn hảo, là vì lấy tuệ giác làm chân thân.

[126] Ca Diếp, dịch là Ẩm Quang, ý nói ánh sáng trên thân tôn giả Đại Ca Diếp có thể nuốt hết tất cả ánh sáng khác.

Không thọ không tham, biết đủ thường đủ, không tội cũng không phước. Tùy duyên qua ngày, e dè biện giải. Một bát cơm ngàn nhà, đường nuôi sống nạp tăng. Tuy không một vật, tặng phước cho chúng sanh.

Bất giác, trần duyên khởi
Tham ái, chuyển kiến sâu
Nếu được hồi quang chiếu
Đang sanh tức chẳng sanh.

Phần thứ hai mươi tám: Không thọ không tham

Trưởng lão Thiện hiện, một vị Bồ tát đem cho tất cả bảy loại vàng ngọc chất đầy thế giới như cát sông Hằng; vị Bồ tát khác biết tất cả pháp toàn là vô ngã, thành được sức Nhẫn, thì Bồ tát này hơn Bồ tát trước. Lý do là vì, trưởng lão Thiện hiện, Bồ tát thì không tiếp nhận phước đức. Trưởng lão Thiện hiện kính bạch Thế tôn, tại sao Bồ tát không nhận phước đức? Bởi vì, Thiện hiện, Bồ tát làm hết mọi sự phước đức, thế nhưng không nên tham đắm phước đức, Như lai do vậy nói là không nhận mọi sự phước đức.

Có cầu có khổ, tám gió năm dục bức bách; không vướng không tham, ba minh sáu thông tự tại. Liền nghĩ đi đâu, hàng cây bên sông, trăng lạnh gió mát. Không nghĩ đi đâu, cầu gãy đường cùng, riêng thông lên xuống. Hiểu thấu hay chưa? Lão tăng cười chỉ chỗ vượn hú, còn có dấu thiêng ở phương trên.

Tuôn rơi phạn tự nhạn theo mây
Khúc vô sanh đàn cầm đáy khe
Đức hơn hà sa chẳng dùng đến
Gió mát trăng sáng chính tri âm.
Xuân đến Thu đi bao giờ nghỉ?
Than thở chúng sanh nỗi bạch đầu
Mùa Đông đồng rộng nhiều cổ mộ
Bên núi Bắc Mang có khô lâu.

Văn chương Cư Dị[127] thế gian hiếm
Còn cầu Đâu suất chán luân hồi
Nay tôi phụng khuyến văn chương sĩ
Niệm Phật Tây phương, về đi thôi.

Uy nghi tịch tĩnh, nhờ gì tâm lộ, chẳng dùng biện giải khéo. Đi đứng ngồi nằm, không thiếu không dư. Không từ đâu đến, không đi về đâu. Nếu ai hiểu được, toàn không uổng phí công phu.

Mọi người đủ bốn đại
Tôi thấy vạn pháp không
Đi đứng và ngồi nằm
Đến đi nhất chân đồng.

Phần thứ hai mươi chín: Uy nghi tịch tĩnh

Trưởng lão Thiện hiện, nếu nói Như lai có đến, có đi, có ngồi, có nằm, thì người nói ấy không hiểu ý nghĩa Như lai đã nói. Tại sao như vậy, bởi vì Như lai không đến từ đâu, không đi về đâu, nên gọi Như lai.

Ngồi nằm kinh hành, vốn là không đến không đi; uy nghi bất động, tịch nhiên chẳng lặng chẳng lay. Muốn hiểu ý nghĩa Như lai đã nói hay không? Tùy duyên phó cảm thân cùng khắp, vẫn thường ở Bồ đề tọa này[128].

---

[127] Bạch Cư Dị (白居易, 772-846), tự là Lạc Thiên, hiệu là Hương Sơn cư sĩ, là nhà thơ Trung Quốc nổi tiếng thời nhà Đường. Tác phẩm nổi tiếng của Bạch Cư Dị ở Việt Nam có lẽ là bài Tỳ bà hành, Trường hận ca. Danh tiếng của ông ngang với Lý Bạch (701-762), Đỗ Phủ (712-770), và còn được mệnh danh là "thi tiên". Ông làm quan đến chức Trung đại phu thái tử thiếu phó. Ông sửa nhà ông lại thành chùa lấy tên là chùa Hương Sơn; vì thế mà ông có hiệu là Hương Sơn cư sĩ. Về già, ông mắc chứng bệnh phong thấp, ông bỏ ra ba vạn tiền lương hưu của mình để vẽ toàn bộ cảnh y báo chánh báo trang nghiêm ở thế giới Tây phương Cực lạc theo sự mô tả trong kinh Vô lượng thọ. Người nào trông thấy cũng đều đảnh lễ phát nguyện. Ông có làm bài kệ tán như sau: Thế giới Cực lạc cõi thanh tịnh/ Không có đường ác và các khổ/ Nguyện như thân con, người già bệnh/ Cùng sanh chỗ Phật Vô Lượng Thọ. Có người kể lại rằng: "Bấy giờ, ở núi Bồng Lai có người tên Lạc Thiên. Lạc Thiên giả từ bằng bài kệ: 'Sông núi không phải ta quay về/ Nếu về, ta về trời Đâu-suất. Nhưng nay ta đã bỏ cõi trời Đâu-suất chỉ cầu sanh Tịnh độ Tây phương. Đâu cho rằng đãi cát tìm vàng, càng đãi thì càng tinh sao!'

[128] "Tùy duyên phó cảm mị bất chu, nhi hằng xử thử Bồ đề tọa." trích trong phẩm Như Lai hiện tướng, kinh Hoa Nghiêm,

Cao vời bất động Pháp trung vương
Sao có vượn khỉ nhảy sáu cửa
Cười trỏ chân không không mặt mũi
Dặm mây đẩy nguyệt xuống ngàn sông.
Trong bóng hoa lau một khô lâu
Nửa nằm cát vàng nửa gò đất
Khô lâu chỉ có khí trong đầu
Tranh danh đoạt lợi lúc nào thôi?
Cuối Hán[129], Đường diệt[130] rất khổ đau
Lòng người trên dưới quá ngang trái
Tham lam dối trá sao nói hết
Loạn thế như mè, về đi thôi.

Lý tướng hợp nhất, chẳng ở phân biệt, muôn xứ mặc tuyên thuyết. Chín năm diện bích, chém đinh chặt sắt[131]. Thần Quang ba lạy, thời tiết hoa nở. Giảng dạy rõ ràng, quả cân vốn bằng sắt.

Ba ngàn cõi vi trần
Cùng về nhất niệm tâm
Như lai nhất hợp tướng
Xô ngã cả vũ trụ.

---

[129] Ngụy Tấn Nam Bắc triều (魏晋南北朝), gọi đầy đủ là Tam Quốc Lưỡng Tấn Nam Bắc triều (三国两晋南北朝), là một thời kỳ về cơ bản là phân liệt trong lịch sử Trung Quốc. Thời kỳ này bắt đầu từ năm 220, khi Tào Phi cưỡng bách Hán Hiến Đế phải thiện nhượng cho mình, kiến lập Tào Ngụy; kéo dài đến năm 589 khi Tùy diệt Trần, tái thống nhất Trung Quốc. Thời kỳ Ngụy Tấn Nam Bắc triều có thể phân nhỏ thành thời kỳ Tam Quốc, thời kỳ Tây Tấn, thời kỳ Đông Tấn và Ngũ Hồ thập lục quốc, thời kỳ Nam-Bắc triều. Sáu triều đình Giang Nam đóng đô ở Kiến Khang (thời Đông Ngô gọi là Kiến Nghiệp, nay là Nam Kinh) bao gồm: Đông Ngô, Đông Tấn và các Nam triều Tống, Tề, Lương, Trần, gọi chung là Lục triều.

[130] Ngũ Đại Thập Quốc (五代十國) là một thời kỳ trong lịch sử Trung Quốc, phân thành Ngũ Đại (907 - 960) cùng Thập Quốc (907 - 979), bắt đầu từ khi nhà Đường (618-907) sụp đổ và kết thúc khi nhà Tống (960-1279) xuất hiện. Trong thời kỳ này, 5 triều đại được coi là chính thống thay nhau hùng cứ lưu vực sông Hoàng Hà ở phương bắc. Mười nước kia thì có 7 nước tồn tại cùng thời, có nước thì kế tục nhau như Hậu Thục kế Tiền Thục, có nước thì mất sớm như Tiền Thục, có nước thì thành lập rất muộn như Bắc Hán. Năm triều đại là: Hậu Lương (907-923), Hậu Đường (923-936), Hậu Tấn (936-947), Hậu Hán (947-951) và Hậu Chu (951-960). Mười nước là Ngô, Tiền Thục, Ngô Việt, Sở, Mân, Nam Hán, Nam Bình, Hậu Thục, Nam Đường và Bắc Hán.

[131] Chỉ cho lời nói quả quyết, đanh thép, chắc như đinh đóng cột.

Phần thứ ba mươi: Lý tướng hợp nhất

Trưởng lão Thiện hiện, có ai nghiền nát thế giới đại thiên thành ra vi trần, thì ông nghĩ sao, những vi trần ấy là nhiều hay ít? Rất nhiều, bạch Ngài. Tại sao, bởi vì những vi trần ấy nếu là thật có, thì Ngài không nói là những vi trần. Thế nhưng vi trần thì Ngài đã nói là phi vi trần, do đó Ngài nói là những vi trần. Và bạch Thế tôn, cái mà Ngài nói thế giới đại thiên là phi thế giới, vì thế nên được gọi là thế giới. Tại sao như vậy, bởi vì nếu nói thế giới thật có, thì đó chỉ là ý tưởng hợp nhất Ý tưởng hợp nhất thì Ngài nói phi ý tưởng hợp nhất, nên được gọi là ý tưởng hợp nhất. Đức Thế tôn dạy, trưởng lão Thiện hiện, ý tưởng hợp nhất thì không là gì để mà nói cả, nhưng người tầm thường đam mê dính mắc cái sự như vậy.

Đem thế giới nghiền thành vi trần, Từ tôn khéo dụ lẽ huyền yếu; lập quyền danh nói về thật tướng, phàm phu ý dứt lòng tham cầu. Như thế hiểu được, phản bản hoàn nguyên, bội trần hợp giác. Không như thế hiểu được, trí đồng chư Phật, bi hợp chúng sanh. Hoàn toàn chẳng như thế? Cự Linh[132] giơ tay không nhiều ít, chia chẻ Hoa sơn ngàn vạn trùng.

Một đoạn đời sống[133], sáu không thu[134]
Trước kia muôn pháp chẳng bạn bè
Nhẹ nhàng tách phá ba ngàn cõi
Thẳng đến Hoàng hà nước nghịch lưu.
Chỉ cho anh chín khúc Hoàng hà
Rõ ràng chẳng trải qua lộ trình
Không biết giữa trời xanh ngày trắng

[132] Tên vị thần ở núi Thái Hoa. Do vì ngày xưa mẹ của Cự Linh tạo nghiệp duyên xấu ác, chịu tội ở đáy núi Thái Hoa. Cự Linh muốn cứu mẹ mà lực không có. Sau đi vào phía Tây núi Thái Hoa, chỗ thiền sư Kính Nguyệt Phong Quang Chiếu, kính lễ thưa rằng: Mẹ con thọ tội ở núi này chưa ra được, nay con thỉnh cầu Thầy cứu giúp. Thiền sư liền vẽ một chữ Án, đưa cho Cự Linh cầm búa bổ xuống, như cầm búa bổ xuống đỉnh núi. Với một nhát búa, núi liền vỡ đôi. Mẹ của Cự Linh nhờ sức thần chú tổng trì này mà liền sanh cõi trời Đao Lợi. Cự Linh cầu đạo 3 năm, đứng rồi hóa ở đỉnh núi Thái Hoa. Hậu thân là đại thần Kim cang mật tích. Người đời có câu rằng: Chẻ đôi Hoa sơn liền thiên sắc, phóng đến Hoàng hà đến Hải thanh.

[133] Chỉ cho bát nhã chân không.

[134] Chỉ cho sáu căn không được thu thúc.

Mở mắt thấy nhiều người lầm đường.
Đông Tấn, Tuệ Viễn[135] từng kết xã
Di Dân[136] nhà bay thật kỳ tài
Uyên Minh[137] nhập hội nhiều vui uống
Chiều nay ngưng chén, về đi thôi.

Tri kiến không sanh, phản chiếu hoàn nguyên, bản tánh rời ngôn thuyết. Thấy nghe hay biết[138], không thẳng không nghiêng. Không dơ không sạch, không vơi không đầy. Linh quang sáng trắng, mặt trời chói chan giữa bầu trời.

Tri kiến độ chúng sanh
Chúng sanh vẫn mù mờ

---

[135] Tuệ Viễn (慧遠, 334-416): Vị tăng sống dưới thời Đông Tấn, sơ tổ của Tịnh độ tông Trung Quốc. Vào năm đầu niên hiệu Nguyên Hưng (402), ông cùng với Lưu Di Dân (劉遺民)và đồng đạo hơn 100 người sáng lập Bạch Liên Xã (白蓮社), chuyên lấy việc niệm Phật cầu vãng sanh về Tịnh Độ làm pháp môn tu tập, trong suốt hơn 30 năm chưa từng hạ sơn lần nào.

[136] Lư Di Dân (劉遺民): Cư sĩ Phật giáo Trung quốc, thuộc tông Tịnh độ, sống vào đời Đông Tấn, người Bành thành (Đồng sơn, Giang tô), tên Trình Chi, tự Trọng Ân. Mới đầu, ông ra làm quan, giữ chức Phủ tham quân, rồi làm Huyện lệnh Nghi Xương và Sài Tang, sau ông từ chức và cùng với Chu Tục Chi, Đào Uyên Minh lui về sống ẩn dật, người đương thời gọi là Tầm Dương tam ẩn (ba ẩn sĩ đất Tầm Dương). Còn hiệu Di Dân tương truyền là do vua Vũ đế nhà Lưu Tống đặt cho những người không vâng sắc lệnh của nhà vua để nêu cao tinh thần bất khuất của họ. Về sau, ông vào Lô sơn thờ ngài Tuệ viễn làm thầy, dựng 1 căn nhà riêng trong núi, chuyên tu Thiền pháp suốt 15 năm, nhiều lần cảm hào quang của Phật. Ông cùng với ngài Tuệ viễn kết Bạch liên xã ở chùa Đông lâm, thệ nguyện vãng sinh Tịnh độ, soạn Lô sơn Bạch liên xã thệ văn (được thu vào Lạc bang văn loại quyển 2), đến nay vẫn còn truyền tụng. Mùa đông năm Nghĩa hi thứ 6 (410), ông biết trước giờ lâm chung đã đến nên đốt hương lễ Phật, ngồi ngay thẳng quay mặt về hướng tây mà vãng sinh, hưởng thọ 59 tuổi. Ông có tác phẩm: Huyền phổ 1 quyển.

[137] Đào Uyên Minh (陶淵明,365 - 427): Ông sống vào đời Đông Tấn, người Tầm Dương, tỉnh Giang Tây, tự Nguyên Lượng, sau đổi tên là Tiềm, đời gọi là Tĩnh Tiết tiên sinh, cháu 4 đời của Đại tư mã Đào Khản đời Tấn. Từ thủa nhỏ ông đã có tiết tháo hơn người, nổi tiếng về thi văn. Năm 30 tuổi ông mới ra làm quan, giữ chức Huyện lệnh Bạch trạch. Sau hơn 80 ngày tại chức, nhân dịp Đốc Bưu đến huyện, ông phải đón tiếp, rồi ông tự than: Không thể vì năm đấu gạo mà khom lưng khúm núm trước kẻ tiểu nhân. Ông bèn làm bài phú Qui khứ lai từ và bỏ chức, về nhà. Từ đó, cùng với các ông Chu Tục Chi, Lưu Di Dân, ông ẩn cư nơi thôn dã, đời gọi là Tầm Dương tam ẩn, lấy thơ, rượu, đàn, sách làm bạn, xa lánh duyên đời, tự gọi là Hi Hoàng thượng nhân. Ông cũng từng qua lại với ngài Tuệ viễn ở Lô sơn. Năm Nguyên gia thứ 4 (42) ông qua đời, hưởng thọ 63 tuổi. Ông có tác phẩm: Đào Uyên Minh văn tập, 9 quyển.

[138] Thấy, nghe, hay, biết (kiến văn giác tri): 4 chữ bao gồm 6 thức: thấy là nhãn thức, nghe là nhĩ thức, hay là tỷ thức, thiệt thức và thân thức, biết là ý thức.

Như Lai phi pháp tướng
Mới đến thành Niết bàn.

Phần thứ ba mươi một: Tri kiến không sanh

Trưởng lão Thiện hiện, nếu có ai nói Thế tôn nói về ý tưởng ngã nhân chúng sinh thọ giả, thì này trưởng lão, ông nghĩ thế nào, người đó có hiểu ý nghĩa Như lai đã nói hay không ? Không, bạch Thế tôn, người ấy không hiểu ý nghĩa đã được Thế tôn nói ra. Lý do tại sao, vì Thế tôn nói ý tưởng ngã nhân chúng sinh thọ giả thì tức là phi ý tưởng ngã nhân chúng sinh thọ giả, thế nên gọi là ý tưởng ngã nhân chúng sinh thọ giả.

Trưởng lão Thiện hiện, những người phát tâm vô thượng bồ đề, thì với các pháp hãy biết như vậy, hãy thấy như vậy, tin tưởng, lĩnh hội cũng là như vậy: đừng nên trú ở nơi ý tưởng pháp. Trưởng lão Thiện hiện, nói ý tưởng pháp thì Như lai nói phi ý tưởng pháp, vì thế mới gọi là ý tưởng pháp.

Nếu dính mắc thấy nghe hay biết, không hiểu diệu nghĩa của Như Lai. Tỏ ngộ vô ngã, nhân, thọ mạng, vẫn còn giống sóng nắng, không hoa. Kinh Lăng Nghiêm ghi: "Tri kiến mà còn lập thêm một cái biết, đó là gốc của vô minh; tri kiến mà không lập thêm gì cả thì đó là Niết bàn[139]." Chỉ như khi ý tưởng pháp không sanh, thì mới tin tưởng, lĩnh hội, phải không? Thế giới ba ngàn bọt trong biển, tất cả Thánh hiền như chớp lóe[140].

Pháp không phi ngã do phi thân (tình)
Cây ngã dây khô cười chuyển mới
Gió quét nín khóc, sạch lá vàng[141]
Ngàn cây toàn thể lộ thiên chân.
Buổi sáng vội vàng, chiều vội vàng
Chúng sanh sao chẳng sớm suy tư?
Đời người Xuân mộng thật ngắn ngủi
Sanh mạng đèn trước gió sao bền?

---

[139] Tri kiến lập tri, tức vô minh bổn. Tri kiến vô kiến, tư tức Niết bàn.

[140] Chứng đạo ca: Đại thiên sa giới hải trung âu, Nhất thiết thánh hiền như điện phất.

[141] Thiền ngữ là nhận diệp chỉ đề (認葉止啼), ý nói trẻ con ngộ nhận lá vàng của cây dương là tiền đồng, nhờ đó mà nín khóc, tỷ dụ cho nhận giả làm thật, tư tưởng hành vi tầm thường ngu muội.

Tịnh độ duyên sanh gọi bản hoài
Tánh linh càng chẳng lọt bào thai
Pháp thân giải thoát đều đồng đẳng
Một thoáng hồi đầu, về đi thôi.

Ứng hóa phi chân, như sương mai như điện chớp. Pháp hữu vi, không bền chắc. Trú tướng bố thí, quả báo người trời. Trì kinh bốn câu, nhập Thánh siêu phàm. Luôn luôn chuyển niệm, thể kim cương rất cứng chắc.

Diễn thuyết kệ bốn câu
Sáu độ luôn đứng đầu
Ngang dọc không quái ngại
Bát nhã tự như như.

Phần thứ ba mươi hai: Ứng hóa phi chân

Trưởng lão Thiện hiện, nếu có người nào đem cho tất cả bảy loại vàng ngọc chất đầy vô lượng vô số thế giới, và có người khác, không kể thiện nam hay là thiện nữ, đối với pháp thoại Bát nhã như vầy, tiếp nhận ghi nhớ, nghiên cứu tụng thuộc, diễn tả cho người, thì dầu chỉ được chỉnh cú bốn câu, phước họ đạt được vẫn hơn người trước.

Diễn tả cho người bằng cách thế nào? Bằng cách đừng nắm ý tưởng về pháp, mà như sự Như chứ không dao động. Tại sao mà phải diễn tả cách ấy?

Bởi vì tất cả
các pháp hữu vi
toàn là giống như
chiêm bao, ảo thuật,
bóng nước, ảnh tượng,
sương mai, điện chớp;
rất cần phải có
cái nhìn như vậy.

Bố thí bảy báu, đầy cả tăng kỳ, phước có cầu nhưng liền quên; thọ trì kinh này, diễn nói bốn câu, đức tuy hơn mà phi chân. An tọa đạo tràng Thủy nguyệt, thành tựu Phật sự Không hoa. Độ hàm thức huyễn hóa, chứng Bồ đề tịch diệt.

Phàm tình, Thánh giải đều không, sanh tử Niết bàn như mộng. Xưa Lương Vũ Đế thỉnh Phó Đại sĩ giảng kinh Kim cương, Đại sĩ lên tòa ngồi vỗ bàn một cái, bước xuống tòa[142]. Hồng phạm[143] như thế, thiên cổ rõ ràng. Chẳng tiếc hoằng hóa từ bi, đương cơ biện giải trứ tác. Ôi! Đại sĩ vỗ thước giảng kinh, còn là phương tiện trao tặng. Đẹp thì rất đẹp, hiểu thì chưa hiểu. Nếu luận đốn tông tối thượng, đã là không thông phàm Thánh. Đem kim cương vương bảo kiếm, tận tình quét sạch không còn. Sáng đến tối đến mặc kệ nó, bốn phương tám hướng đến; ngưng đi nghỉ đi[144] khắp dạy người, một niệm muôn năm đi. Mặc dù như vậy, hãy nói: Câu văn sau chót, ai kham phụng hành? Cho dù hư không thảy tiêu mất, thiên long bát bộ lưu thông khắp.

Không Sanh lần lượt hết mê vọng
Đại giác nhiều phen nói kệ ngôn
Sau chót rõ ràng siêu trăm ức
Sáng như mặt trời chiếu càn khôn.

---

[142] Lương Vũ Đế sau khi tức vị, ông riêng chú ngũ kinh giảng nghị, kính thờ Lão Tử rất mực, tánh tình chí hiếu. Một hôm, ông suy nghĩ về pháp xuất thế để đền ơn cha mẹ, liền bỏ đạo Lão theo đạo Phật. Ông thọ giới Bồ tát với Pháp sư Lũ Ước, mặc áo cà sa giảng kinh Phóng Quang Bát nhã để đền ơn cha mẹ. Khi ấy, Chí Công Đại sĩ hiển dị hoặc chúng, bị giam trong khám. Chí Công phân thân du hóa trong thành ấp, một hôm, vua nhận biết cảm ngộ và rất kính trọng. Chí Công có những hạnh thầm hộ ẩn hiển không thể lường. Tại Vụ Châu có Đại sĩ ở núi Vân Hoàng, tự tay trồng hai cây gọi là Song thọ, tự xưng Đương Lai Thiện Huệ Đại sĩ. Một hôm, ông biên thư sai đệ tử dâng lên cho vua. Bấy giờ, triều thần cho ông không có tư cách quân thần nên chẳng nhận. Phó Đại sĩ sắp vào trong thành Kim Lăng bán cá. Vũ Đế thỉnh Chí Công giảng kinh Kim Cương. Chí Công tâu: Bần đạo không thể giảng, trong chợ có Phó Đại sĩ hay giảng kinh này. Vua hạ chiếu mời Đại sĩ vào trong cung. Phó Đại sĩ đã đến, lên giảng tòa vỗ bàn một cái, xuống tòa. Khi ấy liền xô nhào khỏi thấy một trường rối bời, lại bị Chí Công nói: Bệ hạ hội chăng? Vua nói: Chẳng hội. Chí Công tâu: Đại sĩ giảng kinh xong. (Bích Nham Lục)

[143] Hồng phạm là cái khuôn mẫu của trời đất. Khuôn mẫu ấy gồm có chín phạm trù, gọi là hồng phạm cửu trù (洪範九疇). Trong Kinh Thư có câu: "Thiên nãi tích Vũ hồng phạm cửu trù, di luân du tự". Nghĩa là, Trời bèn cho vua Vũ hồng phạm cửu trù, luân thường vì thế mà bày ra có thứ tự. Hồng phạm cửu trù là một quan niệm đại qui mô về tâm lý, sinh lý, xã hội, chánh trị, về vũ trụ vạn vật, tức là một Vũ trụ quan tiêu chuẩn, một Nhân sinh quan lý tưởng, căn cứ vào sự quan sát thực nghiệm mà kết cấu ra. Điểm xuất phát của Hồng phạm là thừa nhận một vị Thần Linh duy nhất gọi là Thiên hay Đế, vừa khách quan vừa chủ quan. Cửu trù gồm có: Ngũ hành, ngũ sự, bát chánh, ngũ kỷ, hoàng cực, tam đức, kê nghi, thứ trưng và ngũ phước – lục cực.

[144] Hưu hiết (休歇): ngưng nghỉ. Hưu hiết là một cách thực hành công phu vô tâm, nghĩa là khi hành công phu chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, tâm vừa khởi liền thôi, gặp duyên liền dứt. Người xưa nói: "Một mảnh lụa trắng đi! Lạnh như đất đi! Lò hương trong miếu cổ đi! Thẳng đến chỗ dứt lìa không còn một mảy may phân biệt, như ngây như dại, mới có chút phần tương ưng". Đây là công phu hưu hiết vọng tâm.

Thẳng tới cội nguồn nói cho ông
Hiểu không chút ít trải tình trần
Sao mà lầm hiểu ý Tây lai
Còn nói chớ đem cảnh bảo người.
Cực lạc quê nhà rất đẹp thay
Không có đau khổ, nhạc thường vang
Nhân đàm quả hải[145], viên âm thấu
Kính lễ thân vàng, về đi thôi.

Kim cương bát nhã, sáu độ căn nguyên, trong ngoài rất cứng chắc. Tam thiên đại thiên, vạn cổ lưu truyền. Song Lâm im lặng, Tổ tổ trùng tuyên. Khai thị ngộ nhập, đại nhân duyên cho chúng sanh.

Thuyết phá chuyện Vô sanh
Quyết định về Tây phương
Di Đà cõi Cực lạc
Thường nghe hương bát nhã.

Phần kết: Phật thuyết kinh này xong

Khi đức Thế tôn tuyên thuyết hoàn tất bản kinh Kim cương bát nhã này rồi, trưởng lão Thiện hiện, các vị tỷ kheo và tỷ kheo ni, những cận sự nam và cận sự nữ, toàn thể thế giới chư thiên, nhân loại, và a tu la, được nghe những điều Thế tôn tuyên thuyết, ai cũng hoan hỷ, tín thọ, phụng hành.

Nói đến chữ quán, là nội tâm giác chiếu. Chữ quán, Bát nhã Tâm kinh, ghi rằng: "Bồ tát Quán Tự Tại đi vào Bát nhã ba la mật đa sâu xa, soi thấy năm uẩn đều không." Ở Tâm kinh, hoàn toàn lấy sự quán chiếu như thế. Đối với người phát Bồ đề tâm, ấn chứng nghĩa không của các pháp. Người học (Bát nhã) chớ dùng con mắt thịt mà quán chiếu, mà lãnh hội, thì như ở gần mà tham hỏi lão Cù Đàm mặt vàng. Người nghe pháp thoại không phải vô cớ đột nhiên khai ngộ, vô lượng hoan hỷ, tin tưởng mà tiếp nhận, kính vâng mà thực hành. Hãy nói, tín

[145] Nhân đàm (nhân do nói ra): đức phật A Di Đà phát 48 đại nguyện. Quả hải (quả đức như biển): cõi tịnh độ Cực lạc y báo trang nghiêm thanh tịnh.

thọ phụng hành đó là gì? Mắt thấy[146] đối đáp chân bát nhã, núi sông hiển lộ Pháp vương thân.

Hơn năm ngàn chữ diệu khó lường
Trên tám trăm vị giải kỹ càng
Qúy trọng chư nhân chẳng cầu ngoài
Hồi quang trực hạ tự thừa đương.
Quỷ thần cúi đầu nghe tiếng kinh
Diệu ngộ viên thông vạn pháp minh
Từ đây chư nhân như hội đắc
Như vậy cần chi hỏi tiền trình.
Có được thân người rất gian nan
Chớ nắm phù sanh quá tầm thường
Phải nhờ Kim cương tam muôi lực
Dạy thẳng cách phá ải sanh tử.

Ba mươi hai phần, mỗi phần toàn chân thật, lời nói khéo tĩnh ngộ. Bốn dòng[147] hết sóng, sáu nước[148] an ninh. Sáng xem chiều chuyển, nhổ cột rút đinh. Mùa Xuân sấm sét vang, xô ngã cái đình ngắm thuyền.

Thấy sắc không dính sắc
Nghe thanh không là thanh
Sắc thanh không gì ngại
Gần đến Pháp vương thành.

Chân ngôn Bát nhã Vô tận tạng[149]:

---

[146] Xúc mục (觸目): Mắt thấy. Xúc mục bồ đề: Những gì mắt thấy đều là trí tuệ bồ đề. Xúc mục thị đạo: Những gì mắt thấy đều là đạo. Xúc mục vô trệ: Mắt nhìn không chút chướng ngại, ý nói sự lãnh hội trót lọt.

[147] Tứ lưu: Dục lưu, hữu lưu, vô minh lưu và kiến lưu.

[148] Khi mê thì nội cảnh của sáu căn, bao gồm tâm, tâm sở pháp, nói chung là tâm thức đối với tự cảnh có sự thủ xả chưa ngưng dứt, như một quốc gia có giặc, không được an bình.

[149] Chân ngôn này có 4 danh hiệu: 1. Bát nhã Vô tận tạng; 2. Bát nhã nhãn; 3. Bát nhã căn bản; 4. Kim cương bát nhã tâm. Trì tụng chân ngôn Vô tận tạng thì có năng lực lưu xuất vô lượng, vô tận Tu đa la tạng. Người thường trì tụng thần chú này thì hết thảy tội nghiệp tiêu diệt, thường thấy chư Phật, được túc mạng trí, chánh pháp được nghe hằng nhớ chẳng quên, mau chứng Vô thượng bồ đề. Dịch ý: Kính lễ quy y đức Thế Tôn và nương tựa trí tuệ bát nhã ba la mật đa đến bờ kia, án, đức Phật A Di Đà, bồ tát Văn Thù, thiện diệu uy đức, con khéo nghe, thọ trì, sanh trí tuệ bát nhã, chiến thắng vô lượng phiền não, xin nguyện như vậy.

Nam mô bạc già phạt đế, bát rị nhã ba la mật đa duệ, đát điệt tha. Án, hột rị, địa rị, thất rị, thú rô tri, tam mật lật tri, phật xã duệ, ta ha. (3 lần)

Chân ngôn Kim cương tâm[150]:
Án, ô luân ni, ta bà ha. (3 lần)

Chân ngôn Bổ khuyết[151]:
Nam mô hắc ra đát na đa ra dạ da, khư ra khư ra, câu trú câu trú, ma ra ma ra, hô ra hồng, hạ hạ, tô đát noa, hồng, bát mạt noa, ta bà ha. (3 lần)

Chân ngôn Bổ khuyết viên mãn[152]:
Án, hô lô, hô lô, xã duệ mục khế, ta ha. (3 lần)

Chân ngôn Phổ hồi hướng:
Án, ta ma ra, ta ma ra, di ma nẵng, tát phạ ha, ma ha chước ca ra phạ hồng. (3 lần)

Đoạn nghi sanh tín
Dứt tướng vượt tông
Liền quên nhân pháp hiểu chân không
Mùi bát nhã muôn trùng
Bốn câu dung thông
Phước đức khen vô cùng.
Nam mô Kỳ viên Hội thượng Phật Bồ tát ma ha tát. (3 lần)

Hội chúng thiện nhân cùng nhau tụng đọc bản kinh tối thượng thừa, vui mừng Phật sự hôm nay, giờ này hoàn mãn, chứa khắp nhân tố tốt lành, trang nghiêm phước điền hội thủ[153], thành tựu thiện quả vô cùng. Việc này hãy ngừng lại, thử hỏi chư nhân: Một chuỗi công án ấy, thực thi thế nào? Làm sao hội đắc?

---

[150] Quá khứ chư Phật lấy Kim cương tâm làm nhân địa tu hành, nhờ vậy chứng thành Phật quả. Hiện tại chư Phật ra đời giáo hoá chúng sinh cũng dạy chư Bồ tát lấy Kim cương tâm chú mà tu, để được vào pháp Đại thừa. Trước hiển, sau mật, tụng Kim cương kinh, rồi thường niệm chân ngôn, thì chẳng còn thối chuyển vậy.
[151] Khi tụng kinh, lễ sám, sợ có những lầm lỗi, vọng tưởng, biếng nhác, nên khi kết thúc thời khóa thì trì tụng chân ngôn này để sám hối, trừ sạch những lầm lỗi nói trên.
[152] Tụng chân ngôn này để bổ sung những thiếu sót khi trì tụng các chân ngôn, làm cho hoàn toàn viên mãn công đức.
[153] Vị đứng đầu pháp hội: pháp chủ, sám chủ.

Đưa hoa, Phật nhìn không hiển lộ; triển khai, pháp giới khó che giấu. Nếu có thể trực hạ thừa đương, thì cam đoan bản lai cụ túc. Tuy nói như vậy, còn qua lộ trình. Hãy nói, hiện tại hai tay giao phó, sanh khởi đạo lý cách nào? Mỗi lời nói chỉ thấy chân thật, lời nói chẳng có; trong mỗi câu văn siêu việt tông môn, câu văn vốn không.

Kim cương bản thể lặng suốt trong
Giữ bỏ lao quan[154] một vật không
Là vị sơn tăng thông đường bộ
Chư nhân nhận lấy bùa hộ thân.
Diêm vương vốn là vua bình đẳng
Không tham lam của cải trong dân
Chỉ thu nạp phẩm cách con người
Âm ty nếu dùng tiền thu nạp
Người nghèo chết trước, người giàu sống.
Tây phương Cực lạc cảnh tuyệt diệu
Lưới báu sáng giăng trăm vạn dặm
Bồ tát xót thương thuyết ý mầu
Thanh văn làm bạn giảng viên âm.

Bốn chúng duyên lành, nhờ nghe nhiều ít, bát nhã đại ma ha. Đi đứng ngồi nằm, chẳng rời động tĩnh. Mỗi người có đủ, chẳng phải mình, chẳng phải người. Chư nhân gom lấy, đời này không được lầm lỗi.

Ma ha không tối đại
Tối đại là ma ha
Bát nhã ba la mật
Buông tay thấy Di Đà.

Ma ha Bát nhã ba la mật đa Tâm kinh:

Bồ tát Quán Tự Tại đã đi vào Bát nhã ba la mật đa sâu xa, soi thấy năm uẩn đều không, vượt mọi khổ ách. Ngài nói, tôn giả Xá lợi phất, sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc; sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ tưởng hành thức cũng đều như vậy. Tôn giả Xá lợi phất, Không

[154] Lao quan (牢關): cửa ải, chỉ cho vọng tưởng phân biệt

ấy của các pháp không sanh không diệt, không dơ không sạch, không thêm không bớt. Thế nên trong Không không sắc thọ tưởng hành thức, không nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý, không sắc thanh hương vị xúc pháp, không nhãn giới cho đến không ý thức giới, không vô minh và sự diệt tận của vô minh, cho đến không lão tử và sự diệt tận của lão tử, không khổ tập diệt đạo, không quán trí, không thủ đắc, vì không thủ đắc gì cả. Bồ tát vì y theo Bát nhã ba la mật đa nên tâm không bị chướng ngại, vì không bị chướng ngại nên không khiếp sợ, siêu thoát mộng tưởng thác loạn, cứu cánh niết bàn. Chư Phật cả ba thời gian vì y theo Bát nhã ba la mật đa nên được Vô thượng bồ đề. Do đó mà biết Bát nhã ba la mật đa là bài chú rất thần diệu: bài chú rất sáng chói, bài chú tối thượng, bài chú tuyệt bậc mà đồng bậc, trừ được hết thảy khổ não, chắc thật, không hư dối. Nên tôi nói chú Bát nhã ba la mật đa, chú rằng: Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề, tát bà ha.

Ma ha bát nhã ba la mật đa. (3 lần)

Muốn hiểu rõ Đại thừa tối thượng, phải có đủ chánh nhãn Kim cương. Hãy xem đức Phật Thích Ca và ngài Tu bồ đề hiển hiện đại cơ, thực thi đại dụng. Chất chứa bảy báu bằng Tu di sơn vương, nghiền nát Tam thiên sa giới thành vi trần, tận cùng a tăng kỳ kiếp, bố thí đến tương lai. Riêng về tối thượng thừa, không pháp có thể thủ đắc, đến nỗi nhân thiên kinh hãi, ngoại đạo tâm hàn. Người thể hội thì có khả năng xả mạng thừa đương, vẫn như trước muôn dặm mây trắng. Vì vậy, luận giải kinh này có hơn tám trăm vị, làm thành kệ tụng mấy vị không quá đầu ngón tay[155]. Ôi, người xưa lầm đáp một chữ mà đọa làm

[155] Đó là Phó Đại sĩ, thiền sư Xuyên Lão và ngài Thích Tông Kính của khoa nghi này. Thiền sư Xuyên Lão, tên đúng là Đạo Xuyện, ông là thiền tăng đời Tống, họ Địch, người xứ Ngọc Phong, Tô Châu. Ban đầu ông làm Cung cấp cho bản Huyện, người đời thường gọi là Địch Tam. Ngẫu nhiên nghe thuyết pháp ở nhà phía đông, dưới trượng mà ngộ, mới bỏ chức quan mà nhập đạo. Năm Kiến Viêm nguyên niên, thọ cụ túc giới rồi đi du phương, đến năm Thiên Phong, thì yết kiến Kế Thành, đưa ra lời nói sắc bén, Thành mới ấn khả cho. Sau ông trở về ở Đông Trai, người học đến thỉnh vấn ngày thêm đông. Ông theo kinh Kim cương mà soạn thành bài tụng, lưu hành ở đời. Long Hưng nguyên niên (1163) ở Hoài An, ông thị tịch. Ông có nhiều bài thơ kệ rất hay, đến nay còn truyền tụng, một số câu được dùng khắc treo trong chùa như: 舊竹生心筍, 新花長舊枝, 雨催行客到, 風送片帆歸, 竹密不彷流水過, 山高豈礙白雪飛. Cựu trúc sinh tân doãn, Tân hoa trường cựu chi, Vũ thôi hành khách đáo, Phong tống phiến phàm quy, Trúc mật bất phòng lưu thuỷ quá,

chồn hoang[156]; lầm ca tụng kinh này, nên phải sa vào địa ngục[157]. Tông Kính tự nghĩ: Không vào địa ngục thì làm sao cứu giúp quần sanh? Đã có thể vì chánh pháp quên thân, sao lại tránh tội nghịch tầy trời? Cầm ngang kiếm báu, nói lại kệ rằng: Phá Niết bàn tâm, diệt chánh pháp nhãn, trừ sạch tri kiến, cắt đứt mạng căn[158], muốn báo cái ân không báo, dùng đáp cái đức khó đền, trước mắt mưa sạch ngàn núi biếc, chân bước hoa sen một đóa sanh.

Bốn mươi chin năm thành lộ bố[159]
Hơn năm ngàn quyển trọn ngôn thuyên
Sáng đẹp một câu ngoài uy âm
Bẻ sừng trâu bùn trong tuyết ngủ.
A Di Đà Phật thân kim sắc
Năm Tu di uyển chuyển bạch hào
Trên đầu xoắc ốc tóc tơ xanh
Ba mươi hai chủng tướng cao vời.
Giải nói Kim kinh duyên mãn tán[160]
Hôm nay hồi thí phước vô biên
Pháp hội đại chúng đều tu chứng
Thấy nghe huân chủng đã chu viên.

Sơn cao khởi ngại bạch vân phi. (Trúc già sinh măng mới, Hở nở khắp cành cao, Mưa dừng khách lạ đến, Gió tiễn cánh buồm trôi, Trúc dày chẳng ngăn dòng nước suốt, Núi cao nào án mây trắng bay.

[156] Xem Vô môn quan, tắc số 2, Bách Trượng dã hồ.

[157] Chỉ cho những người tự thị có thiên tánh minh mẫn, khéo thông văn nghĩa, chọn lấy ngữ ngôn tông giáo của Phật Tổ, thêm bớt làm thành tác phẩm của mình, in ấn lưu truyền. Người ấy vì không có đạo đức giới hạnh, chưa được kiến đế, thành ra luận giải sai lầm chánh pháp, đàm suông bát nhã, nhiễu loạn con mắt chúng sanh, do đó rơi vào ngục A tỳ, nuốt hoàn sắt nóng, không có thời kỳ ra khỏi.

[158] Mạng căn chỉ cho tự ngã. Muốn tu thành Thánh quả phải phá tan ý tưởng tự ngã, phải sống với chánh pháp, nên trong nhà Thiền thường nói "phải tới chỗ đoạn mạng căn thì mới thể nhập được".

[159] Lộ bố (露布): Thời xưa, văn thư báo tin chiến thắng gọi là lộ bố. Ở đây lộ bố có nghĩa là hiển lộ bố giáo, ý nói sau khi thành đạo, suốt 49 năm, đức Phật thuyết pháp hơn 300 hội, gồm có ba thừa năm giáo, và tùy theo căn cơ mà Phật thuyết, nên gọi là lộ bố.

[160] Mãn tán (滿散): Đối lại là Khải kiến. Thời gian pháp hội đã hoàn mãn, mọi người giải tán. Huyễn trụ thanh qui Thánh tiết mãn tán sớ (Vạn tục 111, 489 hạ), nói: "Mở (khải kiến) đạo tràng Kim cương vô lượng thọ 1 tháng, hàng ngày chư tăng luân phiên nhau lên điện Phật đọc tụng kinh văn, hôm nay là Mãn tán." Tấm bảng thông báo ngày giờ mãn tán, gọi là Mãn tán bài; những bộ kinh được đọc tụng, gọi là Tán kinh.

Đạo tràng viên mãn, chẳng thể nghĩ bàn, mỗi người dụng tâm cơ. Giải nói kinh Kim cương, Phật Thánh đều biết khắp. Thượng chúc hoàng đế thánh thọ muôn tuổi, pháp giới hữu tình đồng sanh Cực lạc quốc.

Đạo tràng viên mãn Phật hồi trình
Tràng phan bảo cái trong không nghênh
Chân bước sen vàng ngàn vạn đóa
Trên hư không âm nhạc vang rền.

Kính lễ nhất thừa tông, vô lượng nghĩa, chân không diệu hữu, kinh Kim cương bát nhã. Lại nguyện, tiếng kinh trầm bổng, lên thấu trời cao; lời Phạn du dương, dưới thông địa ngục. Nguyện một, núi dao lưỡi rụng; nguyện hai, rừng kiếm mũi gãy; nguyện ba, lò than lửa tắt; nguyện bốn, sông ngòi sóng ngưng. Quỷ đói cổ họng nhỏ như cây kim vĩnh viễn hết đói khát; những loài có vảy, có vỏ, có cánh, có lông, chớ ăn nuốt lẫn nhau; ác tinh biến quái[161], sớm ra khỏi thiên môn; yêu quái dị thú, ẩn giấu trong hang đất; tù nhân giam giữ, xin chịu ân trời; bịnh tật quấy thân, mau gặp thuốc tốt; người mù kẻ điếc, nguyện thấy nguyện nghe; người què kẻ câm, đi được nói được; phụ nữ mang thai, mẹ tròn con vuông; người lính xa nhà, sớm về quê hương. Chúng sanh nghèo cùng, thấp kém, nghiệp dữ mà lỡ tay giết hại, cố ý làm đau, tất cả oán hận, thảy đều tiên tan. Uy lực Kim cương, gột rửa thân tâm; uy quang bát nhã, chiếu đến bảo tọa. Cất bước hạ bước, đều là đất Phật. Lại nguyện, thất Tổ tiên vong, rời khổ sanh thiên; tội khổ địa ngục, đều được giải thoát. Đem công đức bất tận này, trên đền bốn ân, dưới giúp ba cõi, pháp giới hữu tình, đều lên Chánh giác.

Xuyên Lão tụng rằng: Như đói được ăn, khát được nước, bịnh được lành, nóng được mát, người nghèo được bảo, con thơ gặp mẹ; thuyền nhẹ đến bờ, lữ khách về làng; hạn gặp đầm nước, đất nước có người hiền; bốn Di[162] chắp tay, tám quốc[163] hàng phục. Mỗi chỗ toàn là chân như trí, mọi vật phô bày cổ Phật tâm. Xưa nay phàm Thánh, địa ngục thiên đường; đông tây nam bắc, chẳng dùng suy lường. Các hữu tình quốc độ trần sa, thảy vào Kim cương đại đạo tràng.

---

[161] Kinh Lăng nghiêm: "A Nan! Cõi Ta Bà này có tám vạn bốn ngàn tai biến ác tinh, do 28 đại ác tinh làm thượng thủ; lại có 8 đại ác tinh làm chủ, xuất hiện trên đời với nhiều hình dạng, hay gây các tai họa kỳ lạ cho chúng sanh. Hễ có chú (Lăng nghiêm) này thì thảy đều tiêu diệt, trong phạm vi 12 do tuần, các tai biến hung dữ, trọn chẳng thể xâm nhập."

[162] Chỉ các dân tộc thiểu số ngoài Trung quốc.

[163] Chỉ các nước láng giềng.

Ba đường dứt hẳn khổ bình thường
Sáu nẻo thôi theo nhân trầm luân
Hằng sa hàm thức ngô chân như
Tất cả hữu tình lên bờ giác.
Nhẫn đến hư không thế giới cùng
Chúng sinh, nghiệp, phiền não có tận
Bốn pháp như vậy rộng không ngằn
Nguyện xin hồi hướng cũng như vậy.
Mười phương ba đời tất cả Phật
Chư tôn Bồ tát ma ha tát
Thanh văn La hán hiền thánh tăng
Ma ha Bát nhã ba la mật.
Nguyện đem công đức này
Hướng về khắp tất cả
Tụng kinh được bình an
Tiêu tai thêm phước thọ.
Ba đàn đăng sự
Sáu độ cùng tu
Vô lậu quả nhân
Trọn thành Phật đạo.

28.11.2013
26.10.Quý Tỵ

銷釋金剛經科儀

隆興府百福院宗鏡禪師述

眾等皈依，金剛堅固力。漢朝感夢，白馬西來意。
摩騰化時，鳩摩羅什譯。秦宗奧典，佛日照昏衢。
法身無相，不時掛心懷。得見如來，文殊在五台。
給孤長者，祇園布黃金。說法化導，果證紫金身。

[0315a12] 般若海會佛菩薩

[0315a13] 大眾志誠心，同歎開科偈：

說經教主大法王，法身不壞號金剛。
巍巍相好真三昧，灼灼祥光照十方。
不長不短功莫測，無去無來德難量。
自從西域傳心印，超越前三與後三。

[0315a18] 般若海會佛菩薩　(歎佛宣疏)

[0315a19]
摩訶空最大，最大是摩訶，般若波羅蜜，撒手見彌陀。茲有開科疏文，謹當宣讀。

報答親恩甚奇哉，本來心地豁然開。
旃檀牛首無價寶，儘是能仁花裏來。

[0316a03] (化納)

白馬馱來一卷經，一番拈起一番新。
蒙師已問經題目，試誦金剛一卷經。

[0316a06]
蓋聞漢朝感夢，白馬西來，摩騰彰漢化之初時，羅什感秦宗之代典。明明佛日，照破昏衢；朗朗慧燈，至今不滅。教之興也，其在斯焉。末法之代，至於今日。恭白十方賢聖，現坐道場。

[0316a10]
本師釋迦牟尼佛，文殊普賢二大菩薩，滿空聖眾，一切神祇，有天眼者，天眼遙觀；有天耳者，天耳遙聞。他心宿住，聖心玄鑒。慈愍故，悲愍故，大慈悲愍故。

[0316a14]　　信禮常住三寶

[0316a15]　　歸命十方一切佛
歸命十方一切法　　法輪常轉度眾生
歸命十方一切僧

[0316a18]
夫金剛般若，能開解脫之門；玉偈波羅，善入菩提之路。行行而非空非有，句句而無去無來。《金剛經》說三十二分，分分而功德難量；須菩提聞四句妙偈，偈偈而殊因莫測。書寫讀誦，當生華藏之天；為人演說，定達涅槃之路。般若乃菩提佛母，信心即功德道源。長養聖胎，出生妙法。大抵看經通義，問道窮源，啟淨信心，具擇法眼。分句讀貫通之理，明問酬辯論之文。心心無間理全彰，念念不忘文自現。或問酬深妙，而句義玄微。詳究元因，略陳數段。庶一問一答，其文明若日星；重辯重徵，其義曉如白黑。義隨文而文隨義，左右逢源；珠走盤而盤走珠，縱橫無礙。信解受持者，洞明真性；見聞隨喜者，咸悟菩提。流通天上人間，普遍微塵剎海。太虛無際，法施何窮？以斯般若功勛，總報四恩三有。

[0317a11]
觀夫空如來藏，碎祖師關，獨露真常，無非般若。三心不動，六喻全彰；七寶校功，四句倍勝。若乃循行數墨，轉益見知，宗眼不明，非為究竟。嗚呼！微宣奧旨，石火電光；密顯真機，銀山鐵壁。瞥生異見，滯在中途；進步無門，退身迷路。聊通一線，俯為初機。良馬見鞭，追風千里矣。

阿彌陀佛法中王，祇在西方極樂邦。
演說《金剛經》一卷，普天匝地放毫光。

[0318a03] 阿彌陀如來　　(毫光接引)

[0318a04]
切以幻身不久，浮世非堅。不久則形軀變異，非堅則火宅無安。由是輪迴六趣幾時休，遷轉四生何日盡？若不念佛求出離，畢竟無由得解脫。豈不忙然省悟，火急修持，盡報為期，誓生安養？高超三界證真空，迴出四流無苦趣。

釋迦文佛大奇哉，居士龐公棄家財。
真武不統王宮位，雪山迎請世尊來。

[0318a11] 釋迦如來

[0318a12] 證盟功德

[0318a13]
詳夫百年光景，全在剎那；四大幻身，豈能長久？每日塵勞汩汩，終朝業識茫茫。不知一

性之圓明，徒逞六根之貪慾。功名蓋世，無非大夢一場；富貴驚人，難免無常二字。爭人爭我，到底成空；誇會誇能，畢竟非實。風火散時無老少，溪山磨盡幾英雄。綠鬢未幾而白髮早侵，賀者纔臨而弔者隨至。一包膿血，長年苦戀恩情；七尺髑髏，恣意慳貪財寶。出息難期入息，今朝不保來朝。愛河出沒幾時休？火宅憂煎何日了？不願出離業網，祇言未有工夫。閻羅王忽地來追，崔相公豈容展限？回首家親都不見，到頭業報自家當。鬼王獄卒，一任欺凌；劍樹刀山，更無推抵。或攝沃焦石下，或在鐵圍山間。受鑊湯則萬死千生，遭銼磕則一刀兩斷。饑吞熱鐵，渴飲熔銅。十二時甘受苦辛，五百劫不見頭影。受足罪業，復入輪迴。頓失舊時人身，換卻這迴皮袋。披毛戴角，銜鐵負鞍。以肉供人，用命還債。生被刀砧之苦，死遭湯火之災。互積冤愆，遞相食啖。那時追悔，學道無因。何如直下承當，莫待今生蹉過。

[0319a15]
釋迦文佛，捨皇宮而直往雪山；居士龐公，將家財而悉沉滄海。真武不統王位，惟務修行；呂公既作神仙，尚勤參請。蘇學士常親佛印，韓文公終禮大顛。裴公奪笏於石霜，房相問法於國一。妙善不招駙馬，成佛無疑；六祖相遇客人，聽經頓悟。禪道若無況味，聖賢何肯皈依？華林感二虎隨身，投子有三鴉報曉。李長者解經而天廚送食，須菩提打坐而帝釋散花。達摩隻履西歸，普化搖鈴騰去。羅漢來參於仰山和尚，嶽帝受戒于思大禪師。徑山至今，猶是龍王打供；雪峰往昔，能使木人開山。此皆已驗之因由，切莫自生於退屈。野狐尚聽百丈法，螺螄猶護《金剛經》。十千游魚，聞佛號化為天子；五百蝙蝠，聽法音總作聖賢。蟒聞懺以生天，龍聽法而悟道。彼物尚能頓悟，況人何不回心？或有埋頭喫飯而空過一生，或有錯路修行而不省這意。豈識菩提覺性，個個圓成；爭知般若善根，人人具足。莫問大隱小隱，休別在家出家。不拘僧俗而祇要辨心，本無男女而何須著相。未明人妄分三教，了得底同悟一心。若能返照迴光，皆得見性成佛。又況人身易失，佛法難逢，欲超六道之周流，惟有一乘之徑捷。需求正見，莫信邪師。悟了方是入頭，行得始能脫俗。步步踏著實地，頭頭頂掛虛空。用時則萬境全彰，放下則一塵不立。超生死不相關之地，了鬼神覷不破之機。是凡是聖而同個路頭，或冤或親而共一鼻孔。如斯實悟，尚滯半途。休沉向上三玄，要了末後一著。且道：即今喚那個做末後一著？青山低處見天闊，紅藕開時聞水香。

棄卻瓢囊擊碎琴，如今不戀汞中金。
自從一見黃龍後，始覺從前錯用心。
始知生死事無常，莫道先從老者亡。
大限到來無定準，後生年少也提防。
富貴貧窮各有由，宿緣分定莫剛求。
不曾下得春時種，空守荒田望有秋。

[0321a12]
修唎修唎。摩訶修唎。普供養，我牟尼。將欲誦經，先安土地。金剛菩薩，擁護壇儀。云何梵畢？發願謹受持。

一相元無垢，體性離塵緣。
專心持四句，且要誦真言。

《金剛經》啟請

[0321a18]
若有人受持《金剛經》者，先須至心念淨口業真言，然後啟請八金剛、四菩薩名號。所在之處，常當擁護。

[0322a02] 淨口業真言

[0322a03] 修唎修唎。摩訶修唎。修修唎。薩婆訶。

[0322a04] 安土地真言

[0322a05] 南無三滿哆。母馱喃。唵。度嚕度嚕。地尾薩婆訶。

[0322a07] 虛空藏菩薩普供養真言

[0322a08] 唵。誐誐曩。三婆嚩。韈日囉斛。

[0322a09]
恭聞法身無相，非相可觀；至理絕言，非言所及。蓋以因興四願，果滿三身。酬願現身，彰言化物。我釋迦聖主，利物情深。愍娑婆流浪之鄉，贊嚴土常樂之界。國名極樂，佛號彌陀。四十八願弘深，百萬行門廣大。雙明真化，應接高低。地前地上皆生，是聖是凡俱往。彌陀緣願，於是彰焉；淨土真詮，由斯顯矣。經來自久，久缺宣傳。奉報佛恩，當明經旨。透關妙達如來境，及第高登本分鄉。

佛在靈山莫遠求，靈山祇在汝心頭。
人人有個靈山塔，好去靈山塔下修。
外道天魔皆拱手，梵王帝釋為呈祥。
願今合會諸男女，同證金剛大道場。
早起忙忙直到昏，不愁生死祇愁貧。
饒君使盡千條計，直至無常不稱心。

[0323a07]
般若大教，六百餘卷。佛如來，金口宣。六朝翻譯，東土流傳。頻頻持誦，四句真詮。無為福勝，果報利人天。

稽首三界主，大孝釋迦尊。
累劫報親恩，積因成正覺。

[0323a12] 奉請八金剛　(至)四菩薩

[0323a13]
此經乃大乘教，菩薩摩訶薩人之所修。般若為六波羅蜜之最勝者也，所以名為般若波羅蜜。故下經云：「如來為發大乘者說，為發最上乘者說。」以此《佛說大般若經》，有六百卷，凡一十六會。此經乃第五百七十七卷，給孤獨園第二處第九會說也。所以道：昔日如來金口演，至今拈起又重新。

此經佛說數千年，無量人天得受傳。
憶得古人曾解道，更須會取未聞前。
人間陽壽真難得，一寸光陰一寸金。
莫待老來方學道，孤墳儘是少年人。
在家菩薩智非常，鬧市叢中作道場。
心地若能無罣礙，高山平地總西方。
金剛般若體如如，翠竹黃花滿路途。
八百餘家呈妙手，大家依樣畫葫蘆。

[0324a09]
金剛般若，人人本具，割斷智為初。白雲散處，一輪顯露。影落千江，無來無去。諸人薦取，凡聖一同居。

摩訶大法王，無短亦無長。
本來非皂白，隨處現青黃。

[0324a13] 發願文　　開經偈　　云何梵

《金剛般若波羅蜜經》

[0324a15]
宗鏡云：祇這一卷經，六道含靈，一切性中，皆悉具足。蓋為受身之後，妄為六根六塵，埋沒此一段靈光，終日冥冥，不知不覺，故我佛生慈悲心，願救一切眾生，齊超苦海，共證菩提。所以在捨衛國，為說是經大意，祇是為人解粘去縛，直下明瞭自性，免逐輪迴，不為六根六塵所惑。若人具上根上智，不撥自轉，是胸中自有此經。且將置三十二分，於空間無用之地，亦不是過。如或未然，且聽山野，與汝打葛籐去也。夫《金剛經》者，自性堅固，萬劫不壞。況金性堅剛也；般若者，智慧也。波羅蜜者，登彼岸義也。見性得度，即登彼岸；未得度者，即是此岸。經者徑也，我佛若不開個徑路，後代兒孫，又向甚麼處進步。且道：這一步又如何進？看取下文提綱，此經深旨，無相為宗，顯妄明真，提綱要旨。劍鋒微露，掃萬法之本空；心花發明，照五蘊之非有。直得雲收雨霽，海湛空澄，快登般若慈舟，直到菩提彼岸。且道：心花發明在甚麼處？太湖三萬六千傾，月在波心說向誰？

法王權實令雙行，電捲風馳海嶽傾。
霹靂一聲雲散盡，到家元不涉途程。
西方淨土人人有，不假修持已現前。

諸上善人如見性，阿彌陀佛便同肩。
無始無明幻色迷，夢魂生死幾千迴。
一條直路超三界，但念彌陀歸去來。

[0325a17]
法會因由，教起根源。如是法，我佛宣。舍衛國中，乞食為先。次第乞已，本處安然。結跏趺坐，終日默無言。

金剛般若智，個個體如然。
白雲消散盡，明月一輪圓。

法會因由分第一　(入《金剛經》)

[0326a04]
調御師親臨舍衛，威動乾坤；阿羅漢雲集祇園，輝騰日月。入城持鉢，良由悲愍貧窮；洗足收衣，正是宴安時節。若向世尊未舉已前薦得，猶且不堪，開口已後承當，自救不了。宗鏡急為提撕，早遲八刻。何故？良馬已隨鞭影去，阿難依舊世尊前。

乞食歸來會給孤，收衣敷坐正安居。
真慈洪範超三界，調御人天得自如。
西方寶號能宣演，九品蓮台必往生。
直下相逢休外覓，何勞十萬八千程。
百歲光陰瞬息迴，其身畢竟化為灰。
誰人肯向生前悟，悟取無生歸去來。

[0326a15]
善現啟請，頓起疑心，合掌問世尊：云何應住，降伏其心？佛教如是，仔細分明。冰消此岸，無花休怨春。

金剛般若智，莫向外邊求。
空生來請問，教起有因由。

善現啟請分第二　(入經)

[0327a02]
昔奇哉之善現，讚希有之慈尊。悲憐濁世眾生，咨決菩提心要。可謂一經正眼，三藏絕詮。千聖不傳，諸祖不說。如是降伏，扁舟已過洞庭湖。護念叮嚀，何啻白雲千萬里？為甚麼如此？毗婆屍佛早留心，直至而今不得妙。

問處孤高答處深，妙圓真淨不須尋。
瞥然如是知端的，默契菩提大道心。
阿彌陀佛元無相，遍界明明不覆藏。

文潞尚然修淨土，東坡猶願往西方。
纔出胞胎又入胎，聖人觀此慟悲哀。
幻身究竟無香潔，打破畫瓶歸去來。

[0327a13]
大乘正宗，指示叮嚀，空生意分明。如是應住，降伏其心。四生六道，無我無人。誰歸滅度？拈來卻在心。

獨坐寂寥寥，平地起波濤。
風來波浪起，水漲見船高。

大乘正宗分第三　(入經)

[0327a18]
涅槃清淨，盡令含識皈依；四相俱忘，實無眾生滅度。如斯了悟，便能脫死超生。其或未然，依舊迷封滯殼。會麼？

生死涅槃本平等，妄心盡處即菩提。
頂門具眼辨來端，眾類何曾入涅槃？
絕後再甦無一物，了知生死不相干。
七重寶樹人人有，九品蓮花處處開。
不涉一程親見佛，圓音時聽悟心懷。
擲卻閻浮似草鞋，更無一物可開懷。
靈明一點輝千古，超日月光歸去來。

[0328a09]
妙行無住，日月分明，本體離根塵。四維上下，朗耀無窮。世尊指教，一一分明。空生信受，鶯來處處春。

摩訶般若宗，性相體皆同。
四生並六道，盡在默然中。

妙行無住分第四　(入經)

[0328a14]
住相佈施，猶日月之有窮；不著六塵，若虛空之無際。自他俱利，福德難量。豁然運用靈通，廓爾縱橫自在。且道：還有住著處麼？妙體本來無處所，通身何更有蹤由。

運心檀度契真常，福等虛空不可量。
無影樹頭花爛熳，從他採獻法中王。
步步頭頭皆是道，彌陀元不住西方。
法身遍滿三千界，化佛權為十二光。

道過邙山古墓排，淮陰功業事堪哀。
貧富貴賤皆如夢，夢覺來時歸去來。

[0329a07]
如理實見，分明說破，空生意如何？地水火風，四大和合。雲來雲去，本更無他。漚生漚滅，元非一與多。

如如真妙理，湛湛自然觀。
圓明真實見，隨處得安然。

如理實見分第五　(入經)

[0329a12]
金身顯煥，巍巍海上孤峰；妙相莊嚴，皎皎星中圓月。雖然如是，畢竟非真。經云：真非真恐迷，我常不開演。且道意在於何？一月普現一切水，一切水月一月攝。

報化非真了妄緣，法身清淨廣無邊。
千江有水千江月，萬里無雲萬里天。
人命無常呼吸間，眼觀紅日落西山。
寶山歷盡空迴首，一失人身萬劫難。
稽首彌陀真聖主，身乘七寶紫金台。
四十八願常無間，攝受眾生歸去來。

[0330a01]
正信希有，一念無差。心內外，休取法。心若取法，凡聖皆差。心若無念，卻被雲霞。圓明一點，春來樹樹花。

邪心俱蕩盡，正信勿生疑。
念念無差別，處處發真機。

正信希有分第六　(入經)

[0330a07]
因勝果勝，信心明瞭無疑；人空法空，真性本來平等。直饒名相雙泯，取捨兩忘。要且猶存筏見。咦！彈指已超生死海，何須更覓度人舟。

善根成熟信無疑，取相求玄轉背馳。
一念頓超空劫外，元來不許老胡知。
頻伽尚能知皈向，孔雀猶聞得化生。
時節因緣休蹉過，樓頭晝鼓恰初更。
勢至觀音悲滿懷，寶瓶楊柳灑三災。
誓隨淨土彌陀主，接引眾生歸去來。

[0330a16]
無得無說，誰為安名？空生意分明。如來所說，無始無終。雲生晚谷，月照長空。千法萬法，皆從一法生。

取捨皆難得，無心體自然。
本來常寂寂，無說亦無傳。

無得無說分第七　(入經)

[0331a01]
得亦非，說亦非，能仁機輪電掣。取不可，捨不可，空生舌本瀾翻。且道無為法為甚麼有差別？萬古碧潭空界月，再三撈漉始應知。

雲捲秋空月印潭，寒光無際與誰談？
豁開透地通天眼，大道分明不用參。
西方勝境無明暗，不比人間夜半深。
五鼓分明當子位，一輪正滿對天心。
休插龍釵與鳳釵，莫將胭粉污唇腮。
法身清淨元無垢，體露堂堂歸去來。

[0331a10]
依法出生，法法皆真，元從一法生。四生六道，情與無情。山河大地，體露分明。泥牛吸水，黃河徹底清。

山河如掌平，無壞亦無成。
千差與萬別，金剛界內生。

依法出生分第八　(入經)

[0331a16]
寶滿三千，財施有盡；偈宣四句，法施無窮。發生智慧光明，流出真如妙道。所以稱揚德勝，了達性空。徹諸佛之本源，豁一經之眼目。還見四句親切處麼？真性洞明依般若，不勞彈指證菩提。

徒將七寶施三千，四句親聞了上根。
無量劫來諸佛祖，從茲超出涅槃門。
慧燈不滅魔難入，智鏡常明夢不侵。
堪歎浮生瞌睡漢，從他萬劫恣昏沉。
頭髮焦然乾竹釵，兩肩擔水又擔柴。
一生貧賤多辛苦，厭惡女生歸去來。

[0332a10]
一相無相，本自如然，不在口宣傳。五果四向，誰後誰先？絲毫不掛，萬法周圓。圓明彌滿，無心照大千。

五果並四向，本體元無相。
兩目不相似，鼻孔都一樣。

一相無相分第九　(入經)

[0332a16]
人天往返，諸漏未除。道果雙忘，無諍第一。超凡入聖，從頭勘證。將來轉位，回機透底，盡令徹去。還委悉麼？

勿謂無心云是道，無心猶隔一重關。
果位聲聞獨善身，寂然常定本非真。
回心頓入如來海，倒駕慈航逆渡人。
樓頭畫鼓五更闌，爭奈眾生被眼瞞。
不見性天光燦燦，但於夜後黑漫漫。
極樂國中真快樂，永無八難及三災。
常聞天樂空中響，敢勸西方歸去來。

[0333a08]
莊嚴淨土，錦上添花，徒勞任算沙。燃燈昔日，授記無差。因風吹火，末後拈花。誰人會得，迦葉便笑他。

莊嚴生淨土，金粟眼中沙。
初生全洩漏，末後又拈花。

莊嚴淨土分第十　(入經)

[0333a14]
如來續焰燃燈，實無可得之法；菩薩莊嚴佛土，應無所住之心。諸妄消亡，一真清淨。昔究法華妙旨，親感普賢誨言。清淨身心，安居求實。冥符奧義，豁悟前因。直得心法兩忘，根塵俱泯。且道：莊嚴個什麼？彈指圓成八萬門，剎那滅卻三祇劫。

正法眼中無所得，涅槃心外謾莊嚴。
六塵空寂無人會，推倒須彌浸玉蟾。
百歲光陰一剎那，凌晨淨口念彌陀。
看經讀誦無休歇，必免當來過奈河。
造論弘經大辯才，馬鳴龍樹及天台。
圭峰乃至清涼老，總勸西方歸去來。

[0334a07]
無為福勝，四句堪誇，如塵比數沙。住相佈施，凡聖皆差。無來無去，月照簾下。無根樹子，常開四季花。

四句絕堪誇，河沙數漸多。
算來無一法，淨處娑婆訶。

無為福勝分第十一　(入經)

[0334a12]
滿積恒沙七寶，周回佈施三千。福德分明，因果不昧。能宣四句之偈，勝前萬倍之功。用真智以照愚，如急流而勇退。且道：退後如何？象踏恒沙徹底過，大千沙界百雜碎。

重增七寶滿恒沙，如棄甜桃覓苦瓜。
豁悟真空元不壞，百千三昧總虛花。
百歲光陰燃指間，奔馳不定片時閑。
煩君點檢形骸看，多少英雄去不還。
勢至悲光絕點埃，塵塵剎剎現如來。
真心量與觀音等，接引眾生歸去來。

[0335a04]
尊重正教，誰敢輕慢？塔廟在身邊。人人本有，個個皆然。金剛寶藏，體自周圓。若還信受，拈來自檢看。

起坐皆尊重，常親塔廟前。
如如元不動，處處得安然。

尊重正教分第十二　(入經)云云

[0335a10]
慈愍三根，隨說乃人天敬仰；受持四句，皆應如塔廟尊崇。常行無念之心，實為希有之法。如何是最上第一句？非但我今獨達了，恒沙諸佛體皆同。

說處隨宜不滯空，勸持四句為流通。
天龍覆護尊如塔，功德無邊贊莫窮。
百歲光陰老盡人，青山綠水至如今。
開眸認取來生路，莫學愚頑錯用心。
念佛臨終見寶台，寶幡寶蓋滿空排。
彌陀勢至觀音等，合掌相隨歸去來。

[0335a19]
如法受持，誰敢謾他？須菩提，於意如何？我今為汝，一一言破。白雲散處，月照禪河。文殊不遠，休巡山禮土坡。

如法謹受持，福勝等須彌。
白雲消散盡，明月始光輝。

如法受持分第十三　(入經)

[0336a06]
大覺尊，本來不立一字，而直指人心；須菩提，無端特請標名，而強生枝節。縱使析微塵如世界，無相可求；施身命等河沙，無法可說。且道：奉行個什麼？金剛寶劍倚天寒，外道邪魔俱腦裂。

個裏本無元字腳，空中誰敢強安名？
等閒點出金剛眼，照破魔王八萬城。
百歲光陰不自驚，老來何物作前程？
祇憑經卷三千藏，莫把虛華過一生。
般若現前無罣礙，橫身宇宙莫疑猜。
虛空拶破難藏覆，大道分明歸去來。

[0336a16]
離相寂滅，誰為分別？有口也難說。五百世中，割截支節，而無一念，妄生虛說。成道證果，雲散家家月。

離相即非說，古今常寂滅。
而無一念心，任汝分支節。

離相寂滅分第十四　(入經)

[0337a04]
空生聞說是經，解義趣而悲流兩淚；仙人垂慈弘忍，笑雪刃而謾斬虛空。如是印可其詞，能離一切諸相。未審感悟處有何奇特？豁開慧眼明如日，返照微塵世界空。

善吉親聞徹見源，悲欣交集贊慈尊。
心空法朗超真際，堪報從前不報恩。
百歲光陰石火光，回頭何不早思量？
無常相請宜推托，免向閻君論短長。
真樂真常真淨土，寶池寶樹寶花開。
無寒無暑無凋變，歸去來兮歸去來。

[0337a14]
持經功德，福多難比，三時喻不齊。住相佈施，終須有退。無漏智慧，頓證菩提。花開花謝，日東月落西。

此經功德勝，誰人解受持？
寒山逢拾得，拍手笑微微。

持經功德分第十五　(入經)

[0338a02]
佈施千萬億劫之身，福深於海；為發最上大乘者說，擔重如山。慶快撩起便行，且請依前放下。何故？大力量人元不動，等閒抹過上頭關。

倒握吹毛掃異蹤，頓令心地盡開通。
鋒鋩獨露毗盧頂，凡聖齊教列下風。
百歲光陰燭在風，誰人心與佛心同？
修行速往西方去，足下蓮花步步生。
十念圓成一念回，三心果滿九蓮開。
塵勞念佛同時去，歸去來兮歸去來。

[0338a11]
能淨業障，塵體雙亡，五百億難量。恒沙諸佛，承事供養。而今成道，萬法齊彰。圓明果滿，春來日漸長。

業障本來無，心差轉見殊。
若悟三空理，何處不如如？

能淨業障分第十六　(入經)

[0338a17]
宿業緣而墮惡道，今人賤而罪即消。供諸佛，誦此經，功德勝而喻莫及。祇如無著無相底，還有果報也無？妄心滅盡業還空，直證菩提超等級。

惡因誰作罪誰招？真性如空不動搖。
曠劫無明俱蕩盡，先天後地寂寥寥。
百歲光陰似水流，無窮無盡幾時休？
不如先證菩提路，悉免輪迴得自由。
歸去來兮歸去來，一靈休更入胞胎。
化身花上身金色，目擊金容歸去來。

[0339a07]
究竟無我，四大全空，五蘊假立名。通達萬法，處處皆空。青山綠水，雲起長空。諸人薦取，黃鸝啼曉風。

授記本無言，真慈大覺宣。
四相非四相，菩提果自鮮。

究竟無我分第十七　(入經)

[0339a12]
妄盡還真，眾生何曾滅度？法空無我，菩提本自圓成。直饒遇燃燈印證而不疑，已隔來世；況釋迦重審而方悟，轉涉途程。且道：不涉途程底人，腳跟還點地也麼？丈夫自有衝天志，不向如來行處行。

直指單傳密意深，本來非佛亦非心。
分明不受燃燈記，自有靈光耀古今。
百歲光陰一夢中，老來不與舊時同。
眾生好似風無定，搖落桃花滿地紅。
不知誰解巧安排，捏聚依前又放開。
莫謂如來成斷滅，一聲還續一聲來。

[0340a04]
一體同觀，萬法無差，凡聖共一家。如來五眼，照耀塵沙。三心洞徹，本性無涯。春來日暖，無樹不放花。

如來具六通，三心不可窮。
算沙無億數，到此體皆同。

一體同觀分第十八　(入經)

[0340a09]
五眼悉圓明，如揭日耀恒沙之世界；三心不可得，似撥火覓滄海之浮漚。縱使窮諸玄辯，竭世樞機，到此總須茫然。且道：是何標格？直饒講得千經論，也落禪家第二籌。

心眼俱通法界周，恒沙妙用沒蹤由。
雲收江湛天空闊，明月蘆花一樣秋。
荒郊日落草風悲，試問骷髏你是誰？
或是英雄豪傑漢，回頭能有幾人知？
末法娑婆入苦災，互相食啖惡如豺。
刀兵疫病遭饑饉，厭離閻浮歸去來。

[0340a19]
法界通化，似有還無，個個本無殊。圓明一點，無來無去。搬柴運水，好用工夫。松稍月朗，衣穿露寶珠。

珍寶滿盈剎，福德等難量。
若到無福地，方知滋味長。

法界通化分第十九　(入經)

[0341a04]
佈施因緣，實人天有漏之果；無為福德，超凡聖通化之功。噫！有為雖偽，棄之則功行不成；無為雖真，擬之則聖果難證。且道：不擬不棄時，如何是聖諦第一義？達磨當機曾直指，廓然元不識梁王。

寶施寰中福倍常，花開錦上最難量。
就中拶倒空王殿，露柱燈籠盡放光。
郊園又是一番春，骷髏縱橫白似銀。
日炙風吹休懊惱，骷髏總是利名人。
淨土永無三惡道，寶旛寂靜不輪迴。
金繩界道經行處，好念彌陀歸去來。

[0341a14]
離色離相，無住無依，法界普光輝。無言無說，無是無非。無來無去，無相無為。澄潭月朗，石人戴帽歸。

知得如來意，玄空不復尋。
具足非具足，聲色兩分明。

離色離相分第二十　(入經)

[0342a04]
有相有身，如來莊嚴具足；分賓分主，空生解辨親疏。直得賓主兩忘，色相俱離。如何是主中主？君臣道合無回互，認得分明不是渠。

端嚴相好紫金身，正眼看來總不真。
要會問酬親的意，蘊空無我亦無人。
圓音唱處響清清，試誦金剛一卷經。
薦取眾生方外句，秤錘是鐵太分明。
陌上桃花春又開，風吹殘杏雪飛垓。
紛紛落處誰人悟？笑指靈雲歸去來。

[0342a13]
非說所說，不在分別，本性離言說。潺潺綠水，出廣長舌。圓音落落，無間無歇。休將耳聽，紅爐飛片雪。

我心本非有，無心說向誰？
所說非所說，為被上乘機。

非說所說分第二十一　(入經)

[0342a18]
如來無所說，慈雲甘露灑濛濛；慧命未嘗聞，明月清風空寂寂。正恁麼時，且道是何境界？欲得不招無間業，莫謗如來正法輪。

道本無言喚不醒，藥因救病出金瓶。
可憐億萬人天眾，依舊獃獃側耳聽。
鼓聲集眾下林泉，莫學金剛問普賢。
高坐猊台傳秘要，妙通一指老僧禪。
有病有危終退墮，不生不滅不輪迴。
西方淨土常安樂，無苦無憂歸去來。

[0343a08]
無法可得，情識難量，本體露堂堂。包含法界，相與無相。行住坐臥，仔細參詳。知音勘破，炎天降雪霜。

無為所得法，得法何所持？
無有少法故，三藐三菩提。

無法可得分第二十二　(入經)

[0343a14]
法無可得，是名阿耨菩提；道無可傳，直指涅槃正眼。祇如得而無得，傳而不傳，畢竟是何宗旨？三賢尚未明斯旨，十聖那能達此宗。

從來無說亦無傳，纔涉思惟便隔關。
語默離微俱掃盡，寥寥獨坐古靈山。
爐中裊裊試拈香，普請天龍降道場。
功德無邊應有報，莊嚴淨土事難量。
六欲諸天具五衰，三禪尚自有風災。
直饒修到非非想，也則不如歸去來。

[0344a04]
淨心行善，休教點污，此法離凡愚。是法平等，萬法皆如。青山綠水，與我何殊？金生麗水，蟾光滿太虛。

淨心平等行，無下亦無高。
善法非善法，何須口叨叨？

淨心行善分第二十三　(入經)

[0344a09]
法無高下，故諸佛心內眾生，時時成道；相離我人，故眾生心內諸佛，念念證真。所以道：念佛不礙參禪，參禪不礙念佛。至於念而無念，參而不參。洞明本地風光，了達惟心淨土。溪山雖異，雲月皆同。那裏不是平等之法？要知縱橫不礙處麼？處處綠楊堪繫馬，家家有路透長安。

山花似錦水如藍，莫問前三與後三。
心境廓然忘彼此，大千沙界總包含。
口裏叨叨念彌陀，心頭人我似干戈。
其心若不從頭改，磕破髑髏當得麼？
世上愚人無智慧，唯知愛慾及貪財。
何如一筆都鉤斷，好念彌陀歸去來！

[0345a02]
福智無比，二法周圓，塵沙結良緣。功行累劫，果滿因緣。智燭普照，一月當天。圓明朗朗，無心鑒大千。

般若真空性，福慧兩雙修。
四句無為法，持念片時周。

福智無比分第二十四　(入經)

[0345a08]
福等三千，施須彌之七寶；經持四句，耀智海之明珠。能令識浪澄清，頓使義天開朗。弘慈普濟，廣利無邊。夜半正明，還在何處？三身四智體中圓，八解六通心地印。

寶聚山王算莫窮，還如仰箭射虛空。
洞明四句超三際，絕勝僧祇萬倍功。
一毛頭上為拈花，笑倒傍邊老作家。
要問相逢端的意，摩尼達哩吽嘊吒。
我憶彌陀如父母，彌陀觀我似嬰孩。
心心念念常無間，父子相隨歸去來。

[0346a01]
化無所化，機分小大，空生莫疑猜。四生六道，去往還來。迴光返照，面目明白。疑心頓歇，紅霞遍九垓。

大乘深奧理，解悟有多般。
實我實無我，仔細好生觀。

化無所化分第二十五　(入經云云)

[0346a07]
無我無人，眾生自成正覺；不生不滅，如來說非凡夫。雖然個事分明，爭奈當機蹉過。昔有僧問翠岩云：「還丹一粒，點鐵成金；至理一言，轉凡成聖。學人上來，請師一點。」師云：「不點。」僧云：「為什麼不點？」師云：「恐汝落凡聖。」且道：不落凡聖底人，具什麼眼？直饒聖解凡情盡，開眼依前在夢中。

到岸從來不用船，坦然大道透長安。
了知元不因他悟，面目分明總一般。
前三三與後三三，擬議商量總不堪。
饒汝識情俱絕斷，三生九劫更重參。
白髮雙親齒漸衰，勤供甘旨莫遲迴。
試學昔日能仁氏，奉事尊堂歸去來。

[0347a01]
法身非相，不在心懷。絕中間，與內外。聲色見我，未出輪胎。若離聲色，難見如來。徒勞遠覓，文殊在五台。

有相即無相，無相亦非真。
兩處俱不立，一體是方親。

法身非相分第二十六　(入經)

[0347a07]
妙相莊嚴，聖王相即如來相；法身周遍，如來身異聖王身。若向這裏見得徹去，鷺倚雪巢，兔棲月殿。其或未然，石火一揮天外去，癡人猶看月邊星。

公案現成重審問，愛情翻款錯承當。
不應聲色行邪道，結罪無因見法王。
九年面壁自知非，不若抽身隻履歸。
莫道少林消息斷，白雲依舊擁柴扉。
三界忙忙何日省？六塵擾擾幾時休？
西方一路超生死，齊念彌陀到地頭。

[0347a16]
無斷無滅，自古長存，不滅更不生。山河成壞，這個安寧。無來無去，耀古騰今。人人本具，鍮石不換金。

不生亦不滅，無斷亦無常。
常樂並我淨，非不好商量。

無斷無滅分第二十七　(入經)

[0348a04]
相非具而本具，常自莊嚴；法雖傳而不傳，何曾斷滅？昔世尊於靈山會上，人天眾前云：「吾有清淨法眼，涅槃妙心，付囑飲光，廣令傳化。」且道：當時傳個甚麼？青蓮目顧人天眾，金色頭陀獨破顏。

一燈能續百千燈，心印光通法令行。
千聖不傳吹不滅，聯輝列焰轉分明。
一點靈光塞太虛，也非禪教也非儒。
打成一片誰人會？具眼還他大丈夫。
天樂簫韶花雨飛，他方遊歷聖初回。
如雲海眾相迎接，目繫金容歸去來。

[0348a14]
不受不貪，知足常足，無罪亦無福。隨緣過日，且忌分訴。千家一鉢，衲子活路。雖無一物，與眾生贈福。

不覺塵緣起，貪愛轉見深。
若得迴光照，當生即不生。

不受不貪分第二十八　(入經)

[0349a01]
有求有苦，八風五欲交煎；無著無貪，三明六通自在。便恁麼去，水邊林下，月冷風清。不恁麼去，橋斷路窮，別通消息。還委悉麼？老僧笑指猿啼處，更有靈蹤在上方。

數行梵字雲中雁，一曲無生澗底琴。
德勝河沙渾不用，清風明月是知音。
春來秋去幾時休？堪歎眾生又白頭。
東廓郊中多古墓，北邙山下有骷髏。
白侍文章世間稀，尚求兜率厭輪迴。
我今奉勸文章士，念佛西方歸去來。

[0349a11]
威儀寂靜，塔丈心路，不用巧分訴。行住坐臥，無盡無餘。無所從來，亦無所去。若人會得，全不費工夫。

人人具四大，我見萬法空。
行住並坐臥，來去與真同。

威儀寂靜分第二十九　(入經)

[0349a16]
坐臥經行，本自無來無去；威儀不動，寂然非靜非搖。要解如來所說義否？隨緣赴感靡不周，而常處此菩提座。

巍巍不動法中王，那有獼猴跳六窗。
笑指真空無面目，連雲推月下千江。
蘆花影裏一骷髏，半臥黃沙半土坵。
骷髏但有心頭氣，爭名奪利幾時休？
漢末殘唐甚苦哉，人心上下極相乖。
貪婪虛偽那堪說，亂世如麻歸去來。

[0350a07]
一合理相，不在分別，處處任宣說。九年面壁，斬釘截鐵。神光三拜，花開時節。分明點破，秤錘原是鐵。

三千界微塵，俱來一念心。
如來一合相，推倒大虛空。

一合理相分第三十　(入經)

[0350a13]
以世界，碎如微塵，慈尊喻巧於玄要；立權名，談其實相，凡夫意絕於貪求。與麼會得，返本還源，背塵合覺。不與麼會得，智同諸佛，悲合眾生。總不與麼？巨靈擡手無多子，分破華山千萬重。

一段生涯六不收，從前萬法盡非儔。
輕輕擘破三千界，直得恒河水逆流。
九曲黃河直指君，分明全不涉途程。
不知白日青天裏，開眼許多迷路人。
東晉遠公曾結社，遺民房翥總奇才。
淵明入會多耽飲，今晚休杯歸去來。

[0351a06]
知見不生，返照還源，本性離言詮。見聞覺知，無正無偏。無垢無淨，無缺無圓。靈光皓皓，杲日正當天。

知見度眾生，眾生亦復盲。
如來非法相，方到涅槃城。

知見不生分第三十一　(入經)

[0351a12]
若著見聞覺知，不解如來妙義。悟無我人壽命，還同陽焰空花。《楞嚴》云：知見立知，即無明本；知見無見，斯即涅槃。祇如法相不生時，還信解麼？大千沙界海中漚，一切聖賢如電拂。

法空非我道非親，樹倒籐枯笑轉新。
風掃止啼黃葉盡，千林全體露天真。
朝日忙忙暮日忙，眾生何不早思量？
人如春夢終須短，命若風燈豈長久？
淨土緣生稱本懷，一靈更不墮胞胎。
法身解脫俱齊等，瞥地回頭歸去來。

[0352a06]
應化非真，如露如電。有為法，不牢堅。住相布施，果報人天。持經四句，入聖超凡。頻頻轉念，金剛體最堅。

演說四句偈，六度以為初。
縱橫無罣礙，般若自如如。

應化非真分第三十二　(入經)

[0352a12]
施七寶，滿僧祇，福有求而即妄；持此經，演四句，德雖勝而非真。宴坐水月道場，成就空花佛事。度幻化之含識，證寂滅之菩提。凡情聖解俱空，生死涅槃如夢。昔梁武帝請傅大士講經，大士揮案一聲，便乃下座。如斯洪範，千古分明。不恪弘慈，當機辨著。噫！大士揮尺講經，猶是曲垂方便。美則甚美，了則未了。若論最上頓宗，直是不通凡聖。以金剛王寶劍，盡情掃蕩無餘。一任渠明來暗來，四方八面來；普教他休去歇去，一念萬年去。然雖如是，且道：末後一句，誰堪奉行？直得虛空悉消殞，天龍八部遍流通。

空生疊疊窮迷妄，大覺重重說偈言。
末後了然超百億，明如杲日耀乾坤。
直截根源說與君，了無些子涉情塵。
奈何蹉過西來意，猶道休境景示人。

極樂家鄉甚妙哉，無諸憂苦樂常諧。
因談果海圓音徹，時禮金容歸去來。

[0353a14]
金剛般若，六度根源，內外最牢堅。三千大千，萬古流傳。雙林默語，祖祖重宣。開示悟入，眾生大有緣。

說破無生話，決定往西方。
彌陀極樂國，常聞般若香。

[0354a01] 佛說是經已　　(入經)

[0354a02]
觀之為言，內心覺照。其在《般若心經》，則首云：觀自在菩薩，行深般若波羅蜜多時，照見五蘊皆空。在此經，則終以如是觀，如發菩提心者，印證諸法空義。學者勿以肉眼觀之而會之，則為親參黃面矣。凡諸聞者，莫不頓然開悟，無量歡喜，信而受之，奉而行之。且道：信受奉行個甚麼？觸目對揚真般若，山河全露法王身。

五千來字妙難量，八百餘家解漫詳。
珍重諸人休外覓，回光直下自承當。
鬼神稽首聽經聲，妙悟圓通萬法明。
從此諸人如會得，這回更不問前程。
人身得處最為難，莫把浮生過等閒。
須藉金剛三昧力，直教打破死生關。

[0354a15]
三十二分，分分全真，言下好惺惺。四流浪息，六國安寧。朝看暮轉，拔楔抽釘。春雷震響，推倒望舟亭。

見色非干色，聞聲不是聲。
色聲不礙處，親到法王城。

[0355a03] (般若無盡藏真言　（至）普迴向真言　　云云)

[0355a04]
今同善眾，共閱最上乘經。慶幸今宵佛事，時當滿散，普集良因，莊嚴會首之福田，成就無窮之善果。此事且止，試問諸人：這一場公案，作麼施行？還會得麼？拈起則佛覷不破，展開則法界難藏。若能直下承當，管取本來具足。雖然如是，猶涉途程。且道：即今兩手分付，又作麼生道？言言見諦言非有，句句超宗句本無。

金剛本體湛然虛，把斷牢關一物無。
若要山僧通線路，諸人收取護身符。
閻王本是平等君，不愛民財祇取人。

陰司若用錢打當，貧者先亡富者存。
西方極樂景幽深，寶網光騰百萬尋。
菩薩為鄰談妙旨，聲聞作伴演圓音。

[0356a01]
良緣眾等，略聽些個，般若大摩訶。行住坐臥，不離這個。人人本具，非我非他。諸人薦取，今生莫蹉過。

摩訶空最大，最大是摩訶。
般若波羅蜜，撒手見彌陀。

[0356a06] 摩訶般若波羅蜜多心經　(入經云云)

[0356a07]
夫欲了最上大乘，須具金剛正眼，看釋迦老與須菩提。顯大機，施大用。聚須彌山王等七寶，碎大千沙界若微塵，盡僧祇劫，布施將來。獨最上乘，無法可得。直得人天膽喪，魔外心寒。俱能捨命承當，依舊白雲萬里。所以解此經者，八百餘家；頌此經者，不滿屈指。蓋古人錯答一字，尚墮野狐；謬誦此經，應入地獄。宗鏡自惟：不入地獄，何由拯濟群生？既能為法忘軀，豈避彌天逆罪？橫按寶劍，重說偈言。摧涅槃心，滅正法眼。掃除知見，截斷命根。堪報不報之恩，用酬難酬之德。眼前雨洗千山翠，腳下蓮花一樣生。

四十九年成露布，五千餘卷盡言詮。
妙明一句威音外，折角泥牛雪裏眠。
阿彌陀佛色光輝，白毫宛轉五須彌。
頂上旋螺青絲髮，三十二種相巍巍。
銷唱金經滿散緣，回施今辰福無邊。
合會眾等齊修證，見聞薰種已周圓。

[0357a07]
道場圓滿，不可思議，人人用心機。銷唱金經，佛聖遍知。上祝皇帝聖壽萬歲，法界有情同生極樂國。

道場圓滿佛回程，幢幡寶蓋空裏迎。
腳踏金蓮千萬朵，空中音樂響鈴鈴。

[0357a11]
南無一乘宗，無量義，真空妙有，《金剛般若經》。伏願經聲琅琅，上徹穹蒼；梵語玲玲，下通幽府。一願刀山落刃，二願劍樹鋒摧，三願爐炭收焰，四願江河浪息。鍼喉餓鬼，永絕饑虛；鱗甲羽毛，莫相食啖；惡星變怪，掃出天門；異獸靈魑，潛藏地穴；囚徒禁繫，願降天恩；疾病纏身，早逢良藥；盲者聾者，願見願聞；跛者啞者，能行能語；懷孕婦人，子母團圓；征客遠行，早還家國。貧窮下賤，惡業眾生，誤殺故傷，一切冤尤，並皆銷釋。金剛威力，洗滌身心；般若威光，照臨寶座。舉足下足，皆是佛地。更願七祖先亡

，離苦生天；地獄罪苦，悉皆解脫。以此不盡功德，上報四恩，下資三有。法界有情，齊登正覺。

[0358a08]
川老頌云：如饑得食，渴得漿，病得瘥，熱得涼。貧人得寶，嬰兒見娘；飄舟到岸，孤客還鄉。旱逢甘澤，國有忠良；四夷拱手，八表來降。頭頭總是，物物全彰。古今凡聖，地獄天堂；東西南北，不用思量。剎塵沙界諸群品，盡入金剛大道場。

三塗永息常時苦，六趣休隨汩沒因。
恒沙含識悟真如，一切有情登彼岸。
乃至虛空世界盡，眾生及業煩惱盡。
如是四法廣無邊，願今迴向亦如是。
十方三世一切佛，諸尊菩薩摩訶莎。
聲聞羅漢賢聖僧，摩訶般若波羅蜜。

願以此功德，普及於一切。
誦經保平安，消災增福壽。

三壇登事，六度齊修。
無漏果因，共成佛道。

銷釋金剛經科儀卷終